

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
DRAGON



BÁO CÁO

ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG CƠ KHÍ ĐAN NHỰA GIẢ MÂY, MAY NỆM MOUSSE

Địa điểm: Lô C4 Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, xã Tây An, huyện Tây
Sơn, tỉnh Bình Định

Bình Định, tháng 7 năm 2024

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
DRAGON



BÁO CÁO

ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG CƠ KHÍ ĐAN NHỰA GIẢ
MÂY, MÂY NỆM MOUSSE

Địa điểm: Lô C4 Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, xã Tây An, huyện Tây
Sơn, tỉnh Bình Định

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ
THƯƠNG MẠI DRAGON

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Long

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH TV VÀ TM DU
LỊCH VIỆT NGUYÊN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Hoàng

MỤC LỤC

	Trang
MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	4
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	5
DANH MỤC CÁC HÌNH.....	7
Chương I.....	8
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	8
1. Tên Chủ dự án đầu tư.....	8
2. Tên dự án đầu tư.....	8
2.1. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư	8
2.2. Quy mô của dự án đầu tư	12
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	18
3.1. Công suất của dự án đầu tư	18
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	18
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư	22
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	23
4.1. Giai đoạn thi công xây dựng	23
4.2. Giai đoạn vận hành.....	23
Chương II	32
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	32
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	32
1.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.....	32
1.2. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch của tỉnh	32
1.3. Sự phù hợp của dự án với phân vùng môi trường.....	32
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	33
Chương III.....	36
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	36

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	36
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án	37
3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án	38
Chương IV.....	40
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	40
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.....	40
1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	40
1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại	41
1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	43
1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	45
1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác	45
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	47
2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	47
2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	70
2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn	74
2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	79
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành	80
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	84
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	87
Chương V.....	89
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	89
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	89
1.1. Nguồn phát sinh nước thải, lưu lượng xả thải.....	89
1.2. Dòng nước thải vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải	89
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	90
Chương VI.....	92

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	92
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư.....	92
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	92
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	92
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định pháp luật.....	93
Chương VII	95
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	95
PHỤ LỤC BÁO CÁO	96

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

B

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
BTXM	Bê tông xi măng
BHLĐ	Bảo hộ lao động
BVMT	Bảo vệ môi trường
BXD	Bộ xây dựng

C

COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTPKS	Chất thải phải kiểm soát
CXCV	Cây xanh công viên
CXGT	Cây xanh giao thông

D, Đ

DVTM	Dịch vụ thương mại
ĐT 639	Tuyến đường ven biển
ĐTV	Động thực vật

G, H

GPMT	Giấy phép môi trường
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải

L, N

l/ng – ng.đ	lít/người – ngày đêm
NĐ-CP	Nghị định - Chính phủ

P, Q

PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

T, U

TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
TDS	Tổng chất rắn hòa tan
TT	Thông tư

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí khu đất dự án	8
Bảng 1.2. Bảng quy hoạch sử dụng đất	13
Bảng 1.3. Diện tích các hạng mục công trình xây dựng của dự án	13
Bảng 1.4. Thống kê khối lượng cấp điện.....	16
Bảng 1.5. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất của dự án	17
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu giai đoạn vận hành dự án	24
Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng hóa chất giai đoạn vận hành dự án.....	24
Bảng 1.8. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tại dự án.....	26
Bảng 3.1. Vị trí lấy mẫu không khí xung quanh.....	38
Bảng 3.2. Kết quả thử nghiệm chất lượng không khí xung quanh khu vực dự án	39
Bảng 4.1. Khối lượng CTNH, CTPKS phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng	42
Bảng 4.2. Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án.....	48
Bảng 4.3. Lưu lượng nước thải phát sinh từ nhà ăn và vệ dung dụng cụ nấu ăn	51
Bảng 4.4. Tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm của nước thải nhà ăn	51
Bảng 4.5. Hệ thống đường ống thu gom nước thải của dự án.....	52
Bảng 4.6. thông số kỹ thuật các bể trong quá trình tẩy/ làm sạch	53
Bảng 4.7. Thông số kỹ thuật các công trình của trạm xử lý nước thải.....	65
Bảng 4.8. Danh mục máy móc thiết bị của trạm XLNT.....	66
Bảng 4.9. Hệ thống đường ống thu gom nước mưa của dự án.....	69
Bảng 4.10. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu hồi bụi sơn và buồng sấy điện	74
Bảng 4.11. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt (chưa qua BTH)....	75
Bảng 4.12. Dự báo khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh....	77
Bảng 4.13. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	78
Bảng 4.14. Dự báo khối lượng CTPKS phát sinh	78
Bảng 4.15. Danh mục, kế hoạch và khái toán kinh phí thực hiện, xây dựng, lắp đặt các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn thi công xây dựng.....	84
Bảng 4.16. Danh mục, kế hoạch và khái toán kinh phí thực hiện, xây dựng, lắp đặt các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành dự án	87

Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	90
Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	91
Bảng 6.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm.....	92
Bảng 6.2. Thời gian thực hiện lấy mẫu.....	93
Bảng 6.3. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	93

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1 Vị trí dự án trên bản đồ vệ tinh Google Earth.....	9
Hình 1.2. Vị trí dự án trên bản đồ Quy hoạch sử dụng đất của CCN Rẫy Ông Thơ.....	10
Hình 1.3. Hiện trạng sử dụng đất của Dự án	11
Hình 1.4. Sơ đồ quy trình sản xuất sản phẩm cơ khí.....	19
Hình 1.5. Sơ đồ quy trình đan nhựa giả mây.....	20
Hình 1.6. Sơ đồ quy trình may nệm mousse	21
Hình 1.7. Sản phẩm bàn, ghế đan nhựa giả mây, nệm mousse	22
Hình 3.1. Vị trí thực hiện dự án trên bản đồ vệ tinh Google Earth	36
Hình 3.2. Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án khi chưa có hạ tầng khung.....	37
Hình 3.3. Vị trí quan trắc chất lượng không khí xung quanh khu vực dự án.....	38
Hình 4.1. Sơ đồ thu gom nước thải hoạt động sinh hoạt và vệ sinh sàn của dự án.....	50
Hình 4.2. Sơ đồ thu gom nước thải hoạt động nhà ăn của dự án	52
Hình 4.3. Sơ đồ thu gom nước thải phát sinh của dự án giai đoạn chưa có hạ tầng thu gom nước thải chung của CCN Rẫy Ông Thơ	54
Hình 4.4 Vị trí nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý giai đoạn CCN chưa có hệ thống thoát nước thải	55
Hình 4.5. Vị trí nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của dự án trên bản đồ vệ tinh Google Earth.....	56
Hình 4.6. Sơ đồ thu gom và công nghệ xử lý nước thải phát sinh của dự án giai đoạn CCN Rẫy Ông Thơ có hạ tầng khung thu gom, thoát nước thải chung CCN	57
Hình 4.7. Vị trí đấu nối với hệ thống thoát nước thải chung của CCN Rẫy Ông Thơ..	58
Hình 4.8. Vị trí khu xử lý nước thải chung CCN Rẫy Ông Thơ có hạ tầng khung thu gom, thoát nước thải chung CCN	59
Hình 4.9. Bể tự hoại 3 ngăn điển hình.....	59
Hình 4.10. Mặt bằng, mặt cắt bể tự hoại 3 ngăn	60
Hình 4.11. Bể tách dầu mỡ.....	61
Hình 4.12. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của dự án	63
Hình 4.13. Vị trí đấu nối thoát nước mưa của dự án.....	70
Hình 4.14. Sơ đồ quy trình thu gom bụi sơn từ hệ thống phun sơn tĩnh điện.....	73
Hình 4.15. Sơ đồ quy trình hoạt động của buồng sấy điện	73

Chương I **THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

1. Tên Chủ dự án đầu tư

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DRAGON

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Hưng, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Người đại diện theo pháp luật của Chủ dự án đầu tư: Ông Nguyễn Ngọc Long;
Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0901.002.339

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101562073 do Sở kế hoạch và Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 20/04/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15/03/2024.

2. Tên dự án đầu tư

Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse

(gọi tắt là Dự án)

2.1. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư

Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô C4 Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thọ, xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, có giới cận như sau:

- Phía Đông giáp : Đất công nghiệp của Cụm công nghiệp;
- Phía Tây giáp : Đất cây xanh của Cụm công nghiệp;
- Phía Nam giáp : Đường ĐS2 của Cụm công nghiệp;
- Phía Bắc giáp : Đường ĐS6 của Cụm công nghiệp.

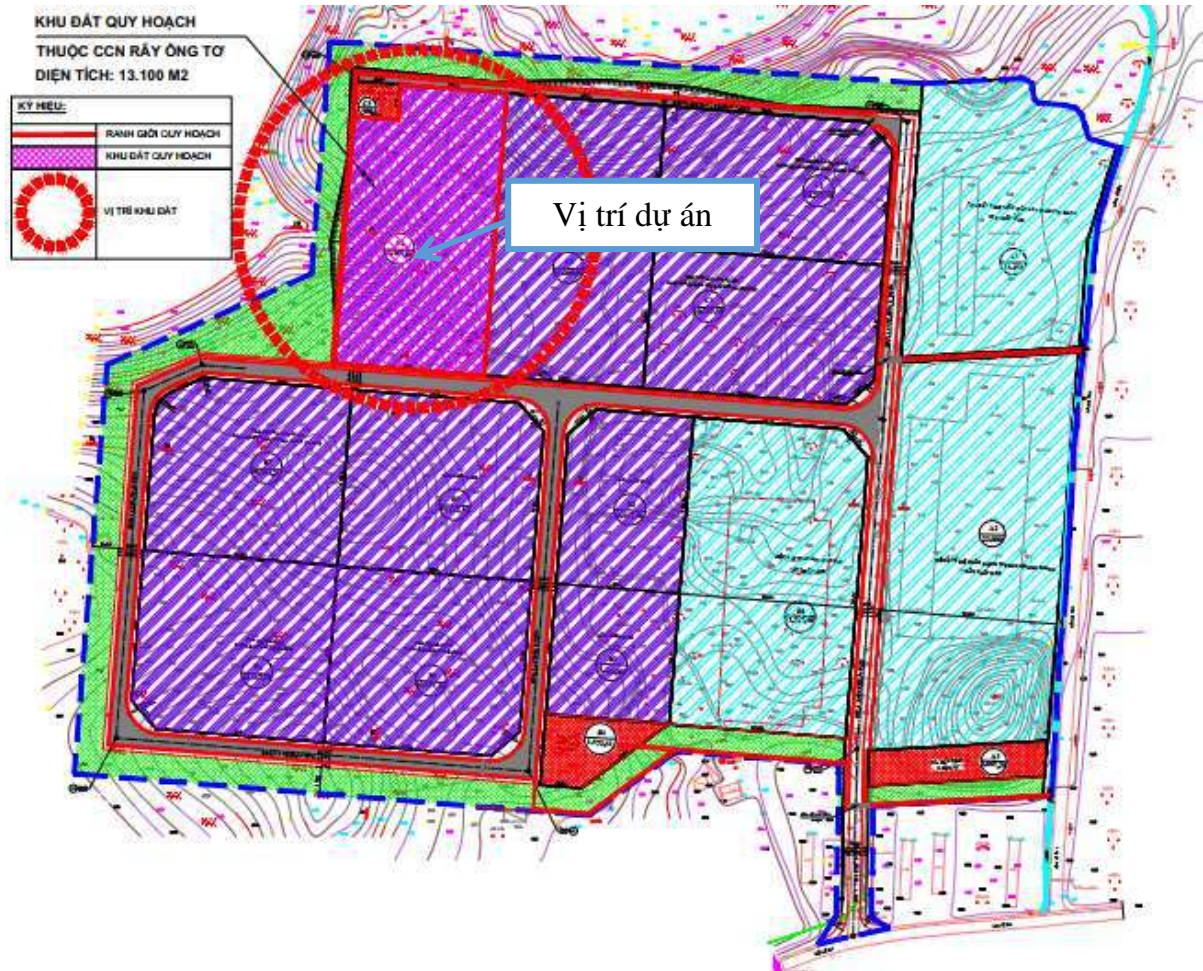
Bảng 1.1. Tọa độ vị trí khu đất dự án

Điểm mốc	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108⁰, múi chiếu 3⁰	
	X	Y
R1	1543636,99	583183,93
R2	1543776,54	583195,19
R3	1543774,52	583220,11
R4	1543794,46	583221,72
R5	1543789,63	583281,52

Điểm mốc	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
	X	Y
R6	1543630,15	583268,65



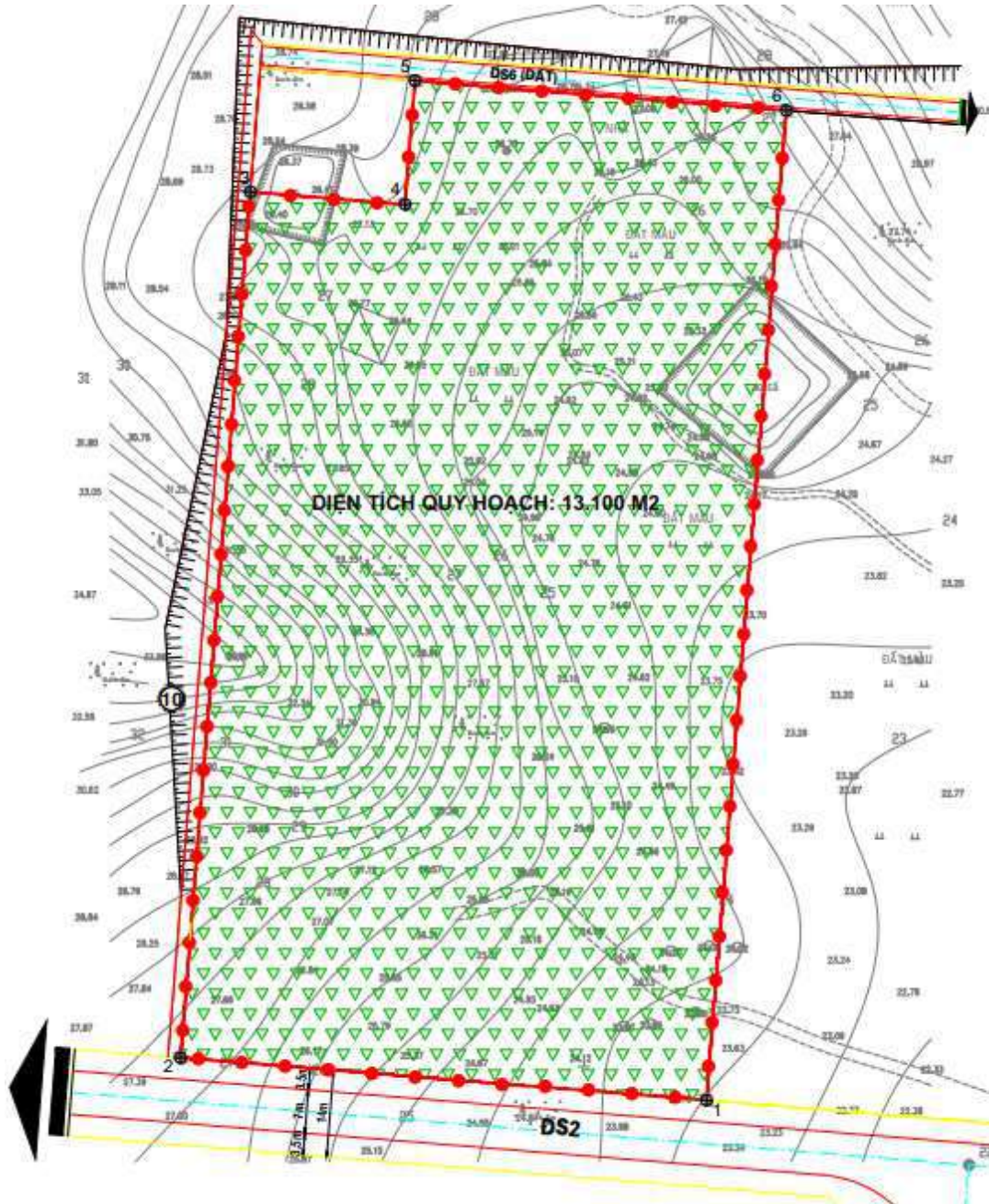
Hình 1.1 Vị trí dự án trên bản đồ vệ tinh Google Earth



Hình 1.2. Vị trí dự án trên bản đồ Quy hoạch sử dụng đất của CCN Rây Ông Thơ

✚ *Hiện trạng khu đất thực hiện dự án*

Hiện trạng khu đất thực hiện dự án chủ yếu là đất trồng cây lâu năm (cây bạch đàn, có 01 nhà phía Bắc dự án và 02 ao cá). Các công trình này đã nằm trong khu quy hoạch của CCN Rây Ông Thơ. Do vậy, khu đất sẽ được UBND huyện Tây Sơn thực hiện giải phóng mặt bằng bàn giao đất cho Công ty xây dựng dự án.



Hình 1.3. Hiện trạng sử dụng đất của Dự án

✚ *Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật CCN Rẫy Ông Thơ*

- ✓ *Hiện trạng các nhà máy, xí nghiệp đang hoạt động trong cụm công nghiệp*

Hiện trạng trong CCN có 3 nhà máy hoạt động chủ yếu là các nhà máy sản xuất gạch. Các Nhà máy này tập trung ở phía Đông Nam của CCN.

- ✓ *Hiện trạng giao thông*

- Giao thông đối ngoại: Tuyến đối ngoại phía Nam kết nối đường QL19B theo hướng Nam, lộ giới 14m (3m-8m-3m).

- Giao thông đối nội: Đường giao thông nội bộ gồm ĐS1, ĐS3, ĐS5, ĐS6, ĐS7, ĐS8, ĐS9 có lộ giới từ 14m đến 16 m. Hiện trạng chỉ có 2 đường Tây Nam được xây dựng hình thành.

✓ *Hệ thống cấp nước*

- Nguồn cấp: Sử dụng nguồn nước đầu nổi vào hệ thống cấp nước chung của Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ được lấy từ hệ thống cấp nước sạch của xã Tây An.

- Hiện trạng hệ thống cấp nước sạch của CCN chưa có.

✓ *Hệ thống thoát nước*

- Thoát nước mưa: Hiện trạng CCN chưa xây dựng hệ thống thoát nước mưa chung cho CCN.

- Thoát nước thải: Hiện trạng CCN chưa xây dựng hệ thống thoát nước thải chung cho CCN.

✓ *Hệ thống cấp điện*

- Nguồn cấp: Được lấy từ đường dây 22KV. Vị trí đầu nổi tại trụ phía Đông Nam CCN. Hiện trạng CCN chưa có hệ thống cấp điện.

✓ *Quản lý chất thải rắn*

Chất thải rắn sinh hoạt thu gom, vận chuyển về bãi xử lý chung của huyện Tây Sơn.

2.2. Quy mô của dự án đầu tư

2.2.1. Loại hình, nhóm dự án

Căn cứ khoản 3, điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, Dự án dự án công nghiệp (sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, máy nệm mousse) có vốn đầu tư là 12.700.000.000 đồng, Dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, nhóm C.

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 12.700.000.000 đồng (*Mười hai tỷ bảy trăm triệu đồng*), trong đó:

+ Vốn góp của nhà đầu tư: 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*), chiếm tỷ lệ 39% tổng vốn đầu tư.

+ Vốn vay: 7.700.000.000 đồng (*Bảy tỷ bảy trăm triệu đồng*), chiếm tỷ lệ 61% tổng vốn đầu tư.

2.2.2. Quy mô diện tích

Quy mô diện tích xây dựng dự án 13.100 m², với cơ cấu sử dụng đất như sau:

Bảng 1.2. Bảng quy hoạch sử dụng đất

Stt	Loại đất	Diện tích (m²)	Tỷ lệ %
1	Đất xây dựng công trình	6.926,0	53,10
2	Đất cây xanh	2.693,80	20,6
3	Đất sân bãi và giao thông nội bộ	3.444,20	26,3
Tổng cộng		13.100	100

2.2.3. Quy mô các hạng mục công trình của dự án

Theo hồ sơ thiết kế thi công xây dựng dự án, diện tích các hạng mục công trình xây dựng của dự án cụ thể như sau:

Bảng 1.3. Diện tích các hạng mục công trình xây dựng của dự án

Stt	Hạng mục	Diện tích (m²)	Cao tầng (tầng)
1	Nhà bảo vệ 1	12,0	1
1	Nhà bảo vệ 2	12,0	1
2	Nhà làm việc + Trung bày	450,0	2
3	Nhà xe 1	65,0	1
3	Nhà xe 2	65,0	
4	Nhà xưởng	5842,0	1
5	Nhà ăn và nghỉ công nhân	200,0	2
6	Bể nước PCCC và trạm bơm	144,0	
7	Nhà để khí	15,0	1
8	Nhà vệ sinh công nhân 1	25,0	1
8	Nhà vệ sinh công nhân 2	25,0	1
8	Nhà vệ sinh công nhân 3	25,0	1
8	Nhà vệ sinh công nhân 4	25,0	1
9	Trạm xử lý nước thải	48,0	
10	Trạm biến áp	9,0	
Cộng		6.962,00	

(Nguồn: Bản vẽ quy hoạch sử dụng đất của dự án)

a) Kết cấu các hạng mục công trình

- Nhà văn phòng và trưng bày : 01 nhà văn phòng và trưng bày, 2 tầng với diện tích sàn xây dựng 450m², kích thước 30x15m. Kết cấu khung BTCT chịu lực, dầm, sàn sê nô bằng BTCT toàn khối. Tường xây gạch rỗng chiều dày 10÷20 (cm).

- Nhà xưởng: Diện tích xây dựng 5.842 m², kích thước 63,5mx92m.

+ Phần móng: ác dụng của phần móng là truyền tải trọng lượng của công trình xuống nền đất bên dưới. Nhà xưởng khung thép cũng sử dụng hệ móng bằng bê tông cốt thép.

+ Cột: Trong các công trình nhà xưởng có cấu tạo từ thép, thường dùng nhất là cột thép hình chữ H.

+ Dầm: sử dụng thép chữ I.

+ Vòi kèo: Trong các công trình nhà xưởng bằng khung thép, vòi kèo được tạo ra để vượt những nhịp lớn có độ lớn từ 30 – 50(m). Vòi kèo có thể được cấu tạo từ dầm thép hình tiết diện thay đổi hoặc dạng dàn.

+ Xà gồ: sử dụng xà gồ chữ C, chữ Z hoặc chữ U, khoảng cách thông thường là 1 – 1,4m.

+ Mái nhà xưởng: sử dụng mái tôn để đảm bảo tính cách nhiệt và chống ồn, phần mái tôn sẽ được cấu tạo thêm một lớp cách nhiệt.

+ Cửa trời: thiết kế trên mái, nhiệm vụ chính là thông gió và lấy sáng.

+ Giằng mái, giằng xà gồ, giằng đầu hồi: tăng khả năng liên kết cho các bộ phận công trình, đảm bảo tính ổn định của toàn bộ kết cấu khung trong thời gian xây dựng và sử dụng nhà xưởng khung thép.

+ Máng thu nước, ống thoát nước: máng thu nước bằng tôn được đặt dọc 2 bên mái để thu nước mưa, ống thoát nước bằng uPVC thoát nước từ máng thu nước đưa xuống hệ thống cống thoát nước.

+ Cột thu lôi: sử dụng để thu sét xuống mặt đất, đảm bảo an toàn cho công trình và trang thiết bị máy móc bên trong nhà máy.

- Nhà bảo vệ: số lượng 02 nhà, diện tích 12 m²/ nhà, kích thước 4x3(m). Kết cấu khung BTCT chịu lực, dầm, sàn sê nô bằng BTCT toàn khối. Tường xây gạch rỗng chiều dày 10÷20 (cm).

- Nhà ăn và nghỉ công nhân: 01 nhà, cao 2 tầng, diện tích sàn xây dựng 200m², kích thước 25mx8m. Kết cấu khung BTCT chịu lực, dầm, sàn sê nô bằng BTCT toàn khối. Tường xây gạch rỗng chiều dày 10÷20 cm.

- Nhà để khí: 01 nhà, diện tích xây dựng 15m² kích thước 3mx5m. Kết cấu khung BTCT chịu lực, dầm, sàn sê nô bằng BTCT toàn khối. Tường xây gạch rỗng chiều dày 10÷20 cm.

- Nhà vệ sinh công nhân: 4 nhà, diện tích xây dựng mỗi nhà 25m² kích thước 10mx2,5m. Kết cấu khung BTCT chịu lực, dầm, sàn sê nô bằng BTCT toàn khối. Tường xây gạch rỗng chiều dày 10÷20 (cm).

- Nhà xe: 02 nhà, diện tích xây dựng mỗi nhà xe 65m², kích thước 5mx13m.

- Trạm cân: 01 trạm cân với diện tích xây dựng 70,80m², kích thước 3,8x26(m);

- Bể nước PCCC: 01 bể nước PCCC ngầm với tổng diện tích xây dựng 144m², kích thước 8m x 12m.

- Trạm xử lý nước thải: Xây dựng 1 trạm xử lý nước thải với diện tích xây dựng 48m², kích thước 12x4m. Trong đó nhà điều hành xây dựng với diện tích 28m², kích thước 7mx4m. Kết cấu khung BTCT chịu lực, dầm, sàn sê nô bằng BTCT toàn khối. Tường xây gạch rỗng chiều dày 10÷20 (cm).

- Nhà đặt trạm bơm, máy phát điện: Xây dựng trạm bơm và nhà đặt máy phát với diện tích xây dựng 63m², kích thước 5,21x10,11(m). Kết cấu khung BTCT chịu lực, dầm, sàn sê nô bằng BTCT toàn khối. Tường xây gạch rỗng chiều dày 10÷20 cm.

- Đất sân bãi và giao thông nội bộ: Diện tích đất sân bãi và giao thông nội bộ là 3.444,2 m².

b) Quy mô các công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật

➤ San nền

- Cao độ san nền phù hợp với cao độ tự nhiên và quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thơ đã được phê duyệt; hướng dốc san nền từ hướng Bắc vào hướng Nam. Cao độ quy hoạch san nền cao nhất +28,8m, thấp nhất +24,9m.

➤ Hệ thống giao thông

- Giao thông đối ngoại: Đầu nối với tuyến đường ĐS2 của Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thơ lộ giới 14m (3,5m -7m -3,5m). Hiện tại chưa được xây dựng.

- Giao thông nội bộ: Quy hoạch các tuyến đường nội bộ lộ giới từ 6m đến 11m kết nối các khu chức năng trong khu vực quy hoạch, đảm bảo bố trí giao thông nội bộ thông suốt, hợp lý.

➤ Hệ thống cấp nước

- Đường ống cấp nước PCCC bố trí riêng với hệ thống cấp nước sinh hoạt. Hệ thống PCCC được bố trí theo quy định.

- Đường ống cấp nước đặt dọc các đường nội bộ, dưới bãi cỏ. Đường cấp nước nước sinh hoạt và sản xuất D110mm, L=391m, Đường ống cấp nước PCCC L=391m.

- Nguồn nước: Theo quy hoạch, hệ thống cấp nước của Dự án sẽ đầu nối với hệ thống cấp nước chung của Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thơ tại vị trí đường ĐS6 ở phía Bắc Dự án. Nước được cấp vào bể nước PCCC và các hạng mục bên trong của dự án để

phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất. Hiện tại, chưa có hệ thống cấp nước chung CCN. Tuy nhiên, hiện trạng CCN Rẫy Ông Thơ chưa có hệ thống cấp nước chung. Do vậy, trong giai đoạn đầu khi Dự án đi vào hoạt động, nếu hệ thống cấp nước chung của CCN chưa được đầu tư xây dựng, nước cấp cho Dự án sẽ sử dụng nước dưới đất bằng 01 giếng khoan trong ranh Dự án.

➤ *Hệ thống cấp điện*

Đầu nối từ nguồn điện 22kV nằm dọc theo tuyến đường ĐS2 của Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thơ để cấp điện cho khu đất quy hoạch; tổng nhu cầu cấp điện khoảng: 257kWA.

Nguồn điện sau khi đầu nối với tuyến điện 22KV, rẽ nhánh xuống trạm biến áp đặt bên trong khu đất, sau đó sẽ dẫn vào cấp điện cho các hạng mục công trình trong dự án và phục vụ chiếu sáng.

Bảng 1.4. Thống kê khối lượng cấp điện

Stt	Kích thước đường dây	Đơn vị	Khối lượng
1	Đường dây 22KV	m	25
2	Đường dây 0,4KV	m	287
3	Trạm biến áp	cái	1

c) Quy mô các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải đi riêng với hệ thống thoát nước mưa, nước thải được xử lý đảm bảo theo quy định trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung.

+ Nước thải của nhà máy được xử lý tại trạm xử lý nước thải chung của nhà máy, nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn thoát ra nguồn tiếp nhận là đường thoát nước CCN ở phía Nam dự án.

+ Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn đặt phía dưới hạng mục nhà làm việc.

+ Nước thải sản xuất được thu gom dẫn về trạm xử lý nước thải cục bộ của dự án để xử lý. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ đầu nối với hệ thống thoát nước thải chung của CCN Rẫy Ông Thơ chạy dọc đường số ĐS2 ở phía Nam dự án. Hiện trạng CCN Rẫy Ông Thơ chưa có hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của CCN.

- Thoát nước mưa:

+ Nước mưa khu vực nhà xưởng, nhà làm việc: Được thu bằng mái, theo đường ống D60mm chảy xuống sân đường nội bộ, sau đó được thu bằng các hố ga theo đường mương đập đan D500mm thoát ra hệ thống thoát nước mưa chung tại 01 vị trí trên đường ĐS2 của Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thơ.

+ Nước mưa chảy tràn khu vực sân đường nội bộ: Chảy theo độ dốc địa hình hướng từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây thu bằng các hố ga theo đường mương đây đan D500mm thoát ra hệ thống thoát nước mưa chung tại 01 vị trí trên đường ĐS2 của Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thơ.

- Nhà chứa chất thải rắn: Chất thải được thu gom đưa về khu vực xử lý tập trung để xử lý theo quy định.

+ Nhà chứa rác nguy hại: 01 nhà, diện tích xây dựng 10m², kích thước 5mx2m, bố trí cạnh nhà điều hành trạm XLNT ở phía Đông Nam dự án.

+ Nhà chứa CTR thông thường: 01 nhà, diện tích xây dựng 10m², kích thước 5mx2m, bố trí cạnh nhà điều hành trạm XLNT ở phía Đông Nam dự án.

- Cây xanh: Diện tích đất cây xanh 2.693 m².

c) *Quy mô, danh mục máy móc thiết bị sản xuất của dự án.*

Trong giai đoạn vận hành, danh mục máy móc thiết bị sản xuất của Nhà máy được thể hiện trong các bảng sau:

Bảng 1.5. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất của dự án

Stt	Tên máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng	Xuất xứ
1	Máy mòng dương 2 đầu (không có vát U, V)	Bộ	02	Mới 100%	Trung Quốc
2	Máy mòng âm 4 đầu CNC	Bộ	01	Mới 100%	Trung Quốc
3	Máy chà nhám thùng 2 trục 600mm	Bộ	03	Mới 100%	Trung Quốc
4	Máy chà nhám thùng 2 trục 1300mm	Bộ	02	Mới 100%	Trung Quốc
5	Máy tupa 1 trục	Bộ	02	Mới 100%	Trung Quốc
6	Máy tiếp liệu tự động	Bộ	02	Mới 100%	Trung Quốc
7	Máy cắt phay 2 đầu	Bộ	02	Mới 100%	Đài Loan
8	Xe nâng	Bộ	02	Mới 100%	Hàn Quốc
9	Hệ thống hút bụi	Bộ	01	Mới 100%	Trung Quốc
10	Hệ thống băng chuyền	Bộ	01	Mới 100%	Việt Nam
11	Xe nâng tay	Bộ	04	Mới 100%	Việt Nam
12	Khuôn làm mousse	Bộ	01	Mới 100%	Việt Nam

Stt	Tên máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng	Xuất xứ
13	Máy cưa cắt mousse	Bộ	01	Mới 100%	Việt Nam
14	Các máy phụ khác				

(Nguồn: Thuyết minh dự án đầu tư)


3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

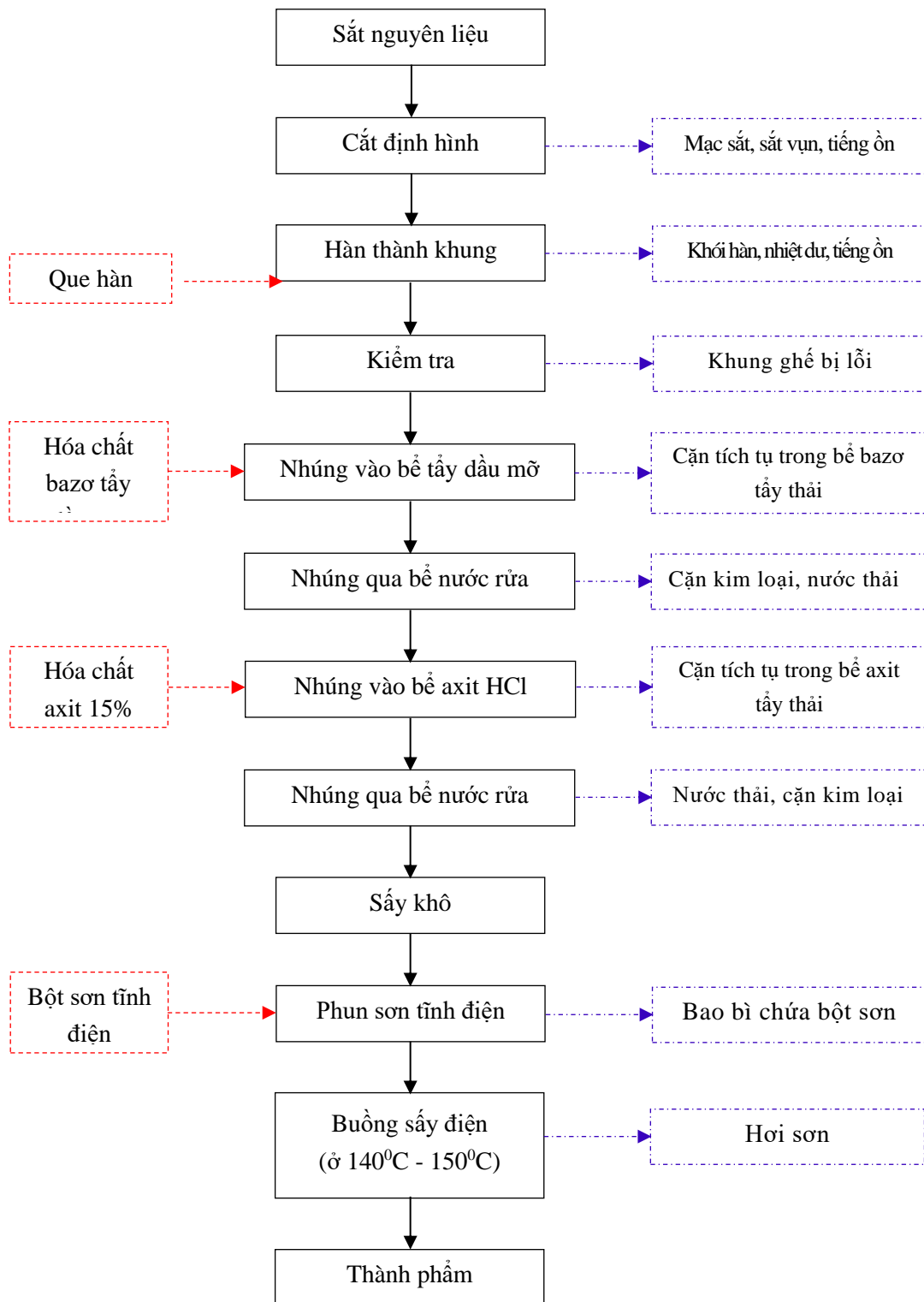
3.1. Công suất của dự án đầu tư

- Gia công cơ khí: 450 tấn sản phẩm/năm (có công đoạn phun phủ sơn);
- Đan nhựa giả mây: 33.000 bộ sản phẩm/năm.
- Máy nệm mousse: 10.000 bộ sản phẩm/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

3.2.1. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

-  Quy trình sản xuất sản phẩm cơ khí



Hình 1.4. Sơ đồ quy trình sản xuất sản phẩm cơ khí

➤ *Thuyết minh quy trình:*

Sắt được nhập về nhà máy, sau đó được đưa tới phòng cơ khí để cắt định hình ra phiêi sắt và hàn, ráp thành khung ghé theo đúng kích thước thiết kế. Sau đó, các khung ghé được kiểm tra nhằm loại bỏ các khung ghé bị lỗi, không đạt yêu cầu.

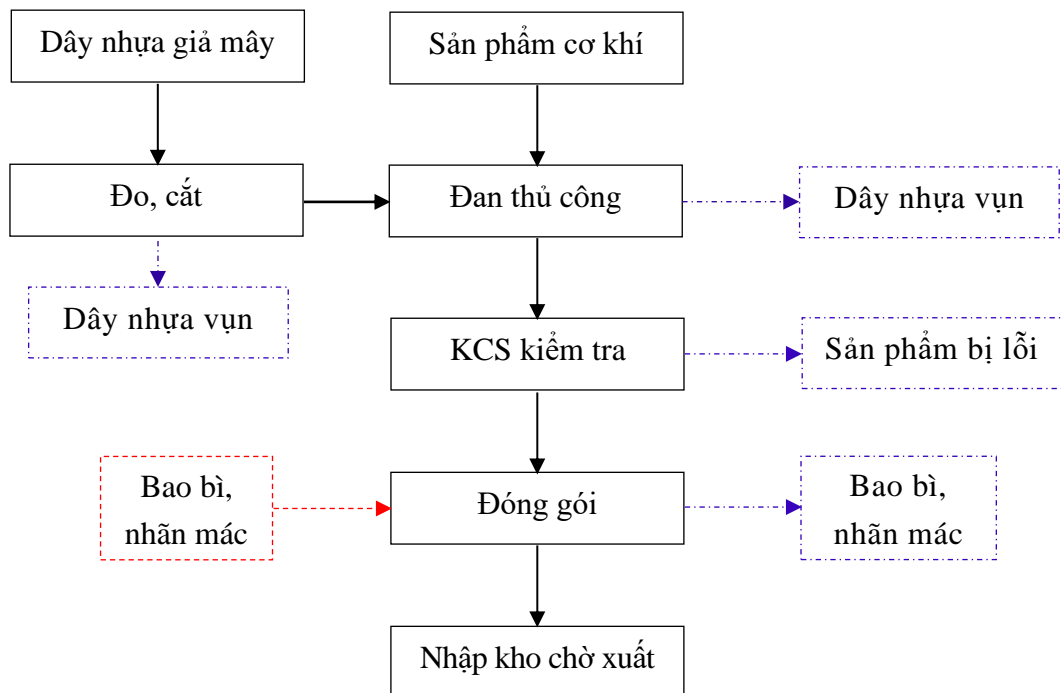
Các khung ghế đạt yêu cầu sẽ được đưa đến khu vực làm sạch bề mặt kim loại, tại đây khung ghế sẽ được nhúng lần lượt qua các bể chứa. Thứ tự các bể như sau: bể tẩy dầu mỡ, bể nước, bể axit HCl 15% và cuối cùng là 02 bể nước. Sau đó, các khung ghế sẽ được đưa đi sấy khô.

Khi các khung ghế đã khô sẽ được đưa tới buồng sơn tĩnh điện, tại đây các khung sắt ghế sẽ được phun lên lớp bột sơn có màu sắc tùy theo yêu cầu của khách hàng. Buồng phun sơn tĩnh điện có cấu tạo gồm hệ thống vách ngăn tạo thành phòng kín (phòng sơn), hệ thống hút bụi bột sơn gồm các quạt ly tâm có công suất lớn, hệ thống tủ thu hồi bụi sơn, hệ thống lọc gồm filter (có cấu tạo bằng nhựa), van solenoid và hệ thống điều khiển. Như vậy, khi công nhân phun bột sơn từ súng phun sơn lên các khung kim loại trong phòng sơn. Các hạt sơn không bám lên bề mặt kim loại (phân tán trong không gian phòng sơn) sẽ được quạt ly tâm hút hết vào tủ thu hồi bột sơn, qua bộ phận lọc filter. Sau đó, van solenoid sẽ rũ bột sơn xuống ngăn kéo để tái sử dụng tiếp, nhằm tránh lãng phí và không gây ô nhiễm môi trường.

Sau đó, khung ghế được đưa vào buồng sấy điện và sấy ở nhiệt độ từ 140⁰C - 150⁰C trong khoảng thời gian 25 - 30 phút để các hạt sơn nóng chảy ra liên kết lại với nhau và bám chặt vào bề mặt kim loại.

Kết thúc công đoạn sấy, khung ghế sẽ được làm nguội rồi chuyển sang công đoạn đan dây nhựa giả mây, tạo thành các sản phẩm nhựa giả mây.

+ Quy trình đan nhựa giả mây

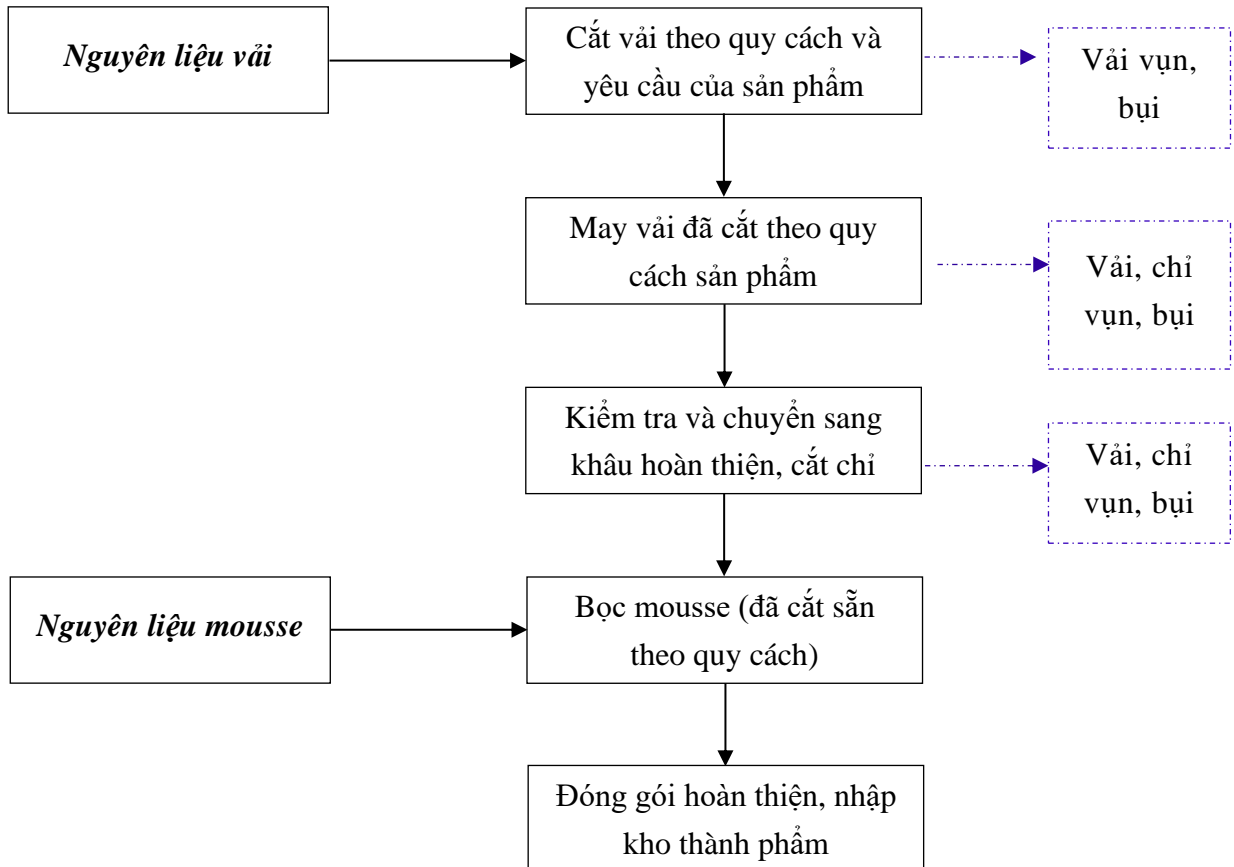


Hình 1.5. Sơ đồ quy trình đan nhựa giả mây

➤ *Thuyết minh quy trình*

Sản phẩm cơ khí sau khi hoàn thiện sẽ chuyển qua công đoạn đan dây nhựa giả mây, tạo thành các sản phẩm nhựa giả mây. Dây nhựa sẽ được đo, cắt thành từng đoạn theo kích thước của từng sản phẩm; sau đó được thực hiện đan vào các sản phẩm cơ khí đã được gia công tạo hình dáng theo đơn đặt hàng của khách hàng. Sản phẩm sau khi đan được bộ phận KCS kiểm tra đạt chất lượng trước khi đóng gói, nhập kho thành phẩm chờ xuất xưởng.

✚ *Quy trình may nệm mousse*



Hình 1.6. Sơ đồ quy trình may nệm mousse

➤ *Thuyết minh quy trình*

Vải nguyên liệu sẽ được cắt theo quy cách và yêu cầu của từng sản phẩm nệm mousse, sau đó được may và kiểm tra và chuyển sang khâu hoàn thiện, cắt chỉ. Vỏ nệm mousse hoàn thiện sẽ được bọc mousse (đã được cắt theo kích thước, quy cách của vỏ nệm). Sau khi bọc mousse, sản phẩm sẽ được chuyển sang khâu đóng gói hoàn thiện và nhập kho thành phẩm chờ xuất xưởng.

3.2.2. Cơ sở lựa chọn công nghệ sản xuất

Để phù hợp với xu hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong sản xuất nhằm đảm bảo tính cạnh tranh trong cơ chế thị trường, dự án: Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse được lựa chọn theo công nghệ tiên tiến, hiện

đại; có chi phí đầu tư, chi phí sản xuất hợp lý, đủ khả năng cung cấp các chủng loại sản phẩm có chất lượng cao và ổn định theo yêu cầu của khách hàng, đảm bảo trong vệ sinh công nghiệp và bảo vệ môi trường.

Việc lựa chọn công nghệ cho dự án dựa trên các cơ sở chủ yếu sau:

- Công nghệ sản xuất và thiết bị phải hiện đại, tiên tiến nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hợp lý, có sức cạnh tranh trên thị trường. Có khả năng đa dạng hóa sản phẩm khi đầu tư thêm một cách hợp lý các thiết bị cần thiết.

- Giải pháp công nghệ phải đảm bảo cho vận hành, bảo dưỡng thuận tiện, dễ dàng nâng cao hoạt động hữu ích của thiết bị.

- Lựa chọn công nghệ phải phù hợp với điều kiện mặt bằng.

- Lựa chọn công nghệ và bố trí thiết bị không được làm ảnh hưởng tới môi trường trong khu vực. Các chỉ tiêu về nồng độ bụi, tiếng ồn, chất thải,... phải nằm trong giới hạn cho phép của các tiêu chuẩn hiện hành.

- Công nghệ áp dụng phải tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng, dễ dàng chuyển đổi cơ cấu sản phẩm khi cần thiết hoặc mở rộng dây chuyền sản xuất khi có nhu cầu.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

- Sản phẩm của dự án là bàn, ghế, giường đan nhựa giả mây, nệm mousse và gia công cơ khí định hình sản phẩm phục vụ đan nhựa giả mây.



Hình 1.7. Sản phẩm bàn, ghế đan nhựa giả mây, nệm mousse

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

🚧 Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu

- Nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ việc xây dựng dự án bao gồm sắt, thép, đá, cát, xi măng,...

- Nguồn cung cấp: Nguồn nguyên liệu chủ yếu được mua từ các đơn vị đã được cấp phép trên địa bàn huyện Tây Sơn, và các vùng lân cận tỉnh Bình Định, vận chuyển theo các tuyến đường bộ đến vị trí dự án.

🚧 Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

- Trong giai đoạn thi công xây dựng, các thiết bị, máy móc thi công sử dụng nhiên liệu dầu diesel, xăng, điện,...

- Nguồn cung cấp: Diesel, xăng được mua từ các đơn vị cung cấp hiện có trên địa bàn huyện Tây Sơn; Điện được lấy từ nguồn điện của Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thọ.

🚧 Nhu cầu sử dụng nước

- Nước dùng cho sinh hoạt của công nhân: Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của mỗi công nhân bình quân theo TCVN 13606:2023 là 45 lít/người/ngày. Như vậy nhu cầu cấp nước sinh hoạt sẽ là: $Q = 20 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ngày} = 0,9 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước dùng trong quá trình thi công: Nước cấp cho quá trình vệ sinh, làm mát thiết bị, máy móc và nước cho các hoạt động tưới ẩm nền đường, vật liệu xây dựng khoảng $1 \div 2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Tổng nhu cầu sử dụng nước giai đoạn thi công xây dựng dự án khoảng $2,9 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nguồn nước: Nước cấp phục vụ cho giai đoạn thi công được lấy từ giếng khoan trong khu vực dự án.

🚧 Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện được lấy từ nguồn điện 22kV nằm dọc theo tuyến đường D2 của Cụm công nghiệp.

4.2. Giai đoạn vận hành

🚧 Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn nguyên liệu sản xuất đầu vào của Nhà máy là các loại sắt (sắt ống, sắt hộp, thép,...) và sợi nhựa giả mây là các vật liệu thông dụng và dễ tìm mua được trên thị trường hiện nay, đảm bảo luôn được cung ứng theo nhu cầu của Nhà máy .

Lượng nguyên liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất như sau:

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu giai đoạn vận hành dự án

Stt	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Sắt	tấn/năm	475,72	Các công ty sản xuất thép trong nước
2	Dây nhựa giả mây	tấn/năm	92,4	Các công ty sản xuất trong nước
3	Vải nguyên liệu	m ² /năm	100.000	Các công ty sản xuất trong nước
4	Mousse nguyên liệu	m ³ /năm	10.000	Các công ty sản xuất trong nước
5	Bao bì, nhãn mác	tấn/năm	1,3	Các công ty sản xuất trong nước

(Nguồn: Công ty TNHH SX- TM Dragon)

Hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất của Nhà máy chủ yếu sử dụng cho công đoạn làm sạch bề mặt kim loại (tẩy gỉ) trước khi phun sơn và phun tĩnh điện. Thành phần và khối lượng hóa chất được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng hóa chất giai đoạn vận hành dự án

Stt	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Chất tẩy dầu mỡ (DC-R446)	kg/năm	400	Dùng để tẩy dầu mỡ
2	Axit HCl 15%	kg/năm	75	Tẩy gỉ làm sạch bề mặt kim loại
3	Bột sơn tĩnh điện	kg/năm	1.300	Dùng phun sơn tĩnh điện vào bề mặt kim loại

(Nguồn: Nguồn: Công ty TNHH SX- TM Dragon)

🔌 Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn tiêu thụ điện chính của dự án trong giai đoạn vận hành của dự án:
 - + Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất, máy bơm (sử dụng điện 3 pha).
 - + Các thiết bị sinh hoạt, văn phòng, chiếu sáng... (sử dụng điện 1 pha thông thường).
- Nhu cầu sử dụng điện của dự án trong giai đoạn vận hành ước tính 7.710 kWh/tháng.

- Nguồn điện: đấu nối từ nguồn điện 22kV dọc tuyến đường ĐS2 của Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ ở phía Nam dự án, rẽ nhánh xuống trạm biến áp trong ranh dự án.

🚰 Nhu cầu sử dụng nước

Trong giai đoạn vận hành, nước được dùng để phục vụ cho các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của công nhân và hoạt động PCCC tại Nhà máy, cụ thể như sau:

✓ Nước cấp cho hoạt động sản xuất

- Nhà máy trang bị 05 bể chứa nước và hóa chất liên tiếp để phục vụ quá trình tẩy gỉ các sản phẩm cơ khí, mỗi bể có kích thước 1,0 x 2,0 x 1,0(m). Do đó, lượng nước cần cung cấp ban đầu để pha hóa chất và nước rửa ước tính lớn nhất bằng lượng nước cấp đầy cho các bể: $2,0\text{m}^3/\text{bể} \times 5 \text{ bể} = 10,0\text{m}^3$. Tuy nhiên trong quá trình hoạt động, để đảm bảo tránh xảy ra tình trạng chảy tràn hóa chất gây lãng phí và làm phát sinh nước thải sản xuất → lượng nước và hóa chất lưu chứa tại các bể chỉ chiếm khoảng 65% dung tích bể. Do vậy, thực tế lượng nước cấp ban đầu cho công đoạn này ước tính khoảng: $2,0\text{m}^3/\text{bể} \times 5 \text{ bể} \times 65\% = 6,50\text{m}^3$.

- Ngoài ra, trong quá trình làm sạch bề mặt kim loại, sẽ có một lượng nước hao hụt từ bể tách dầu mỡ, bể ngâm axit HCl 15% do quá trình bốc hơi, bám dính trên các khung kim loại. Vì vậy, Công ty sẽ bổ sung nước kết hợp pha hóa chất để đảm bảo hiệu quả trong quá trình xử lý bề mặt kim loại, lượng bổ sung ước tính khoảng 7 % lượng nước chứa trong mỗi bể (khoảng 100 lít/bể.ngày), ước tính khoảng: $100 \text{ lít/ bể/ ngày} \times 5 = 500 \text{ lít.ngày}$ tương đương $0,50 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Định kỳ 01 tuần, nhà máy tiến hành vệ sinh và xả thải 03 bể chứa nước, cấp lượng nước mới cho 03 bể chứa nước để làm sạch xử lý bề mặt khung kim loại trong quá trình sản xuất sản phẩm cơ khí được hiệu quả. Thể tích ban đầu $2,0\text{m}^3/\text{bể}$, để đảm bảo tránh xảy ra tình trạng chảy tràn hóa chất gây lãng phí và làm phát sinh nước thải sản xuất → lượng nước lưu chứa tại các bể chỉ chiếm khoảng 65% dung tích bể tương ứng: $1,30\text{m}^3$. Lượng nước cấp ước tính khoảng $1,3 \text{ m}^3/\text{bể} \times 03 \text{ bể} = 3,9 \text{ m}^3$.

✓ Nước dùng cho sinh hoạt

Căn cứ theo tiêu chuẩn TCVN 13606:2023 về cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế của Bộ Khoa học và Công nghệ, bảng 4, chỉ tiêu cấp nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp là 25 lít/người/ca, với số lượng cán bộ, công nhân là 50 người thì lượng nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt được tính như sau:

$$Q_{sh} = 50 \text{ người} \times 25 = 1.2500 \text{ lít} \approx 1,25 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

✓ Nước cấp cho hoạt động nấu ăn và vệ sinh dụng cụ nhà ăn

Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động nấu, vệ sinh dụng cụ của nhà ăn của mỗi cán bộ văn phòng bình quân theo TCVN 13606:2023 là 55 lít/người/ngày, với số lượng cán

bộ văn phòng là 15 người thì lượng nước phục vụ cho mục đích hoạt động nấu, vệ sinh dụng cụ của nhà ăn được tính như sau:

$$Q = 15 \text{ người} \times 55 \text{ lít/người/ngày} = 825 \text{ lít} \approx 0,825 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

✓ *Nước dùng cho vệ sinh sàn*

Chủ yếu vệ sinh nhà làm việc, nhà bảo vệ. Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD nước cấp cho vệ sinh sàn là 2 lít/m² sàn/ngày, vậy lượng nước cấp cho vệ sinh sàn nhà ăn và nghỉ công nhân, nhà văn phòng ước tính khoảng: 650 m² x 2 lít/m² sàn/ngày = 1.300 lít/ngày = 1,3 m³/ngày.

✓ *Nước tưới cây*

Căn cứ theo tiêu chuẩn QCVN 01:2021/BXD, nước cấp cho tưới cây tối thiểu bằng 8% nước cấp cho sinh hoạt. Vậy lượng nước cấp cho một lần tưới khoảng 0,8 m³/lần.

✓ *Nước cấp PCCC (chỉ phát sinh khi có sự cố):*

Lưu lượng nước cho chữa cháy ngoài công trình tính toán dựa trên QCVN 06:2021/BXD (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình*) ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021/TT-BXD, và được tính toán theo công thức: $Q_{cc} = q \times h \times n$ (m³). Trong đó:

+ q: tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy (l/s). Lấy q = 10 l/s.

+ h: số giờ chữa cháy (h = 3h).

+ n: số đám cháy (n = 1).

$$\rightarrow Q_{cc} = 10 \times (3 \times 60 \times 60) \times 1/1000 = 108 \text{ m}^3.$$

Như vậy, tổng nhu cầu sử dụng nước của dự án như sau:

Bảng 1.8. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tại dự án

Stt	Mục đích sử dụng nước	Quy Mô	Định mức Lít/ngày	Lượng nước cấp (m ³ /ngày đêm)	Căn cứ	Ghi chú
I	Nhu cầu sử dụng nước thường xuyên			4,67		
1	Nước cấp sinh hoạt					
1.1	<i>Nước cấp cho sinh hoạt công nhân</i>	50 người	25 lít/ người/ ngày	1,25	TCVN 13606:2023	
1.2	<i>Nước cấp cho hoạt động vệ sinh sàn nhà văn phòng, nhà ăn và nghỉ công nhân</i>	650m ²	02 lít/ m ² / ngày	1,30	Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD	
1.3	<i>Nước cấp cho hoạt động bếp từ nhà ăn và vệ sinh dụng cụ nấu ăn.</i>	15 người	55 lít/người/ ngày	0,825	TCVN 13606:2023	
2	Nước cấp dùng trong quá trình sản xuất					
2.1	Nước cấp để bù cho lượng hao hụt các bể chứa nước và hóa	05 bể	100 lít/bể/ ngày	0,50	Số liệu thực tế tại các Nhà máy sản xuất đang hoạt động của Công ty	

Stt	Mục đích sử dụng nước	Quy Mô	Định mức Lít/ngày	Lượng nước cấp (m ³ /ngày đêm)	Căn cứ	Ghi chú
	chất làm sạch bề mặt kim loại các khung. 7% lượng nước cấp của bể					
3	Nước cấp cho tưới cây, thăm cỏ	2,663 m ²		0,8	QCVN 01:2021/BXD Tối thiểu 8% lượng nước cấp sinh hoạt.	
II	Nhu cầu sử dụng nước không thường xuyên			7,80		
1	Nước cấp dùng trong quá trình sản xuất					
1.1	Nước cấp lần đầu dùng trong quá trình vận hành của 05 bể chứa nước và hóa chất làm sạch bề mặt kim loại	05 bể	1,3 m ³ / bể/ ngày	6,50	Công ty cung cấp số liệu	<i>Nước cấp lần đầu cho 05 bể chứa nước và hóa chất làm sạch bề mặt kim loại các khung khi nhà máy đi vào giai đoạn vận hành.</i>

Stt	Mục đích sử dụng nước	Quy Mô	Định mức Lít/ngày	Lượng nước cấp (m ³ /ngày đêm)	Căn cứ	Ghi chú
n1.2	Nước cấp thay mới cho 03 bể chứa nước trong quá trình làm sạch bề mặt kim loại các khung.	03 bể	1,30 m ³ /bể/ngày	1,30	Công ty cung cấp số liệu	<i>Định kỳ 01 tuần nhà máy xả thải và thay mới toàn bộ lượng nước trong các bể chứa nước để làm sạch bề mặt khung kim loại này. Mỗi ngày nhà máy chỉ vệ sinh và cấp nước mới cho 1 bể chứa. Việc vệ sinh và cấp nước mới diễn ra trong 3 ngày liên tục.</i>
III	Nước PCCC (Chỉ phát khi có sự cố)			108 m ³ /lần		Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD
	Tổng cộng lượng nước sử dụng thường xuyên hằng ngày (Không tính nước cấp PCCC)				4,67	
	Tổng cộng lượng nước sử dụng không thường xuyên (Không tính nước cấp PCCC)				7,80	

➤ *Ghi chú:*

- Nhu cầu nước sử dụng không thường xuyên hằng ngày của dự án:

+ Khi nhà máy đi vào vận hành thì tiến hành nước cấp lần đầu cho tất cả 05 bể chứa nước và hóa chất làm sạch bề mặt kim loại. Tổng lượng nước cấp cho 5 bể khoảng $6,5\text{m}^3/\text{ngày}$. Công ty sắp xếp ngày cấp nước duy nhất 1 lần đầu tiên đồng bộ cho 5 bể vào những ngày nhà máy ngừng sản xuất, nên toàn bộ các hoạt động như nhà xưởng, văn phòng, nhà ăn và nghỉ công nhân nên không phát sinh nhu cầu cấp nước phục vụ các hoạt động trong nhà máy.

+ Đối với nước cấp cho bể chứa nước thì định kỳ 01 tuần nhà máy tiến hành vệ sinh bể và xả thải, cấp nước mới vào bể chứa nước để làm sạch bề mặt khung kim loại. Nhà máy có 03 bể chứa nước làm sạch bề mặt khung kim loại. Mỗi ngày nhà máy chỉ tiến hành vệ sinh và cấp nước mới cho 1 bể chứa nước, với lượng nước khoảng $1,3\text{m}^3/\text{ngày}$. Việc vệ sinh 3 và cấp nước 3 bể được tiến hành trong 3 ngày/ tuần.

- Nhu cầu nước sử dụng thường xuyên hằng ngày của dự án lấy nước giếng khoan phục vụ cấp nước hằng ngày cho các hoạt động của sinh hoạt công nhân và CBNV văn phòng, hoạt động nhà ăn và nghỉ công nhân, tưới cây, cấp nước bù cho các bể chứa nước và hóa chất với tổng lượng nước $4,67\text{m}^3/\text{ngày}$.

Như vậy tổng lượng nước cấp tối đa phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất và vệ sinh và cấp nước mới định kỳ bể chứa nước của nhà máy trong giai đoạn vận hành thử nghiệm là: $4,67\text{m}^3/\text{ngày} + 1,3\text{m}^3/\text{ngày} = 5,97\text{m}^3/\text{ngày}$. Dự án khai thác nước dưới đất nhỏ hơn $10\text{m}^3/\text{ngày}$.đêm, đảm bảo theo quy định khai thác nước dưới đất. Không thuộc đối tượng phải xin Giấy phép khai thác nước dưới đất theo quy định tại khoản 1, điều 31, Nghị định 201/2013/ NĐ-CP.

Hiện trạng, Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ chưa có hệ thống cấp nước sạch. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh Bình Định về chủ trương đầu tư Dự án: Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã phía Bắc huyện Tây Sơn, với mục tiêu cấp nước sạch cho 11.594 hộ gia đình thuộc 6 xã Tây Bình, Tây An, Tây Vinh, Bình Hòa, Bình Thuận, Bình Tân, huyện Tây Sơn và cấp nước cho các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, khu thương mại, khu du lịch, trạm y tế, trường học, công trình công cộng. Theo đó, đến giai đoạn năm 2024 - 2026 (giai đoạn 2 của dự án) sẽ xây dựng tuyến ống truyền tải và phân phối nước sạch cấp cho 05 xã trong đó có xã Tây An.

Theo tiến độ thực hiện dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 653/QĐ-UBND tỉnh Bình Định ngày 27/02/2024: đến quý IV/2025 Dự án sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động.

Khi dự án đi vào hoạt động (giai đoạn vận hành thử nghiệm), hệ thống cấp nước chung tại khu vực chưa xây dựng hoàn thiện và cấp nước cho khu vực, Dự án sẽ sử dụng nguồn nước dưới đất được khai thác từ 01 giếng khoan trong ranh dự án để phục vụ tạm thời cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất. Tuy nhiên trong giai đoạn vận hành thử nghiệm nhà máy chỉ hoạt động khoảng 50% công suất dự kiến, sau khi đi vào giai đoạn ổn định nhà máy sẽ tăng công suất để đạt so với công suất hoạt động dự kiến ban đầu của dự án.

Đến năm 2026 khi hệ thống cấp nước sinh hoạt của xã Tây An đi vào hoạt động, Công ty cam kết tiến hành đầu nối và dùng nước sạch để phục vụ nhu cầu cấp nước cho hoạt động sinh hoạt công nhân -CBNV văn phòng, nhà ăn và nghỉ công nhân, vệ sinh sàn. Nhu cầu cấp nước cho hoạt động sản xuất và tưới cây sẽ sử dụng từ giếng khoan trong dự án.

Về lâu dài, khi hạ tầng CCN Rẫy Ông Thơ hoàn thiện, theo quy hoạch được lấy từ nguồn cấp nước chung của CCN tại vị trí đầu nối trên đường ĐS2 để cấp cho hoạt động của Dự án.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

1.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Mục tiêu, quy mô kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư được thực hiện phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024.

1.2. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch của tỉnh

Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh: theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, về không gian phát triển cho các hoạt động kinh tế xã hội có nêu rõ: Vùng dọc tuyến đường quốc lộ 19, 19B, 19C và thành phố Quy Nhơn bao gồm thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, Tây Sơn, Tuy Phước, huyện Phù Cát và một phần huyện Vân Canh: phát triển mạnh các ngành, sản phẩm công nghiệp bao gồm công nghiệp chế biến đồ gỗ, chế biến đá, thức ăn chăn nuôi, như, công nghiệp sản xuất và lắp ráp điện, điện tử, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp phụ trợ và năng lượng tái tạo. Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse nằm trong CCN Rẫy Ông Thơ, thuộc huyện Tây Sơn nên việc triển khai dự án trong CCN Rẫy Ông Thơ là phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và phù hợp với quy hoạch các ngành nghề của tỉnh.

Dự án đã được cấp Quyết định chấp nhận chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận Nhà đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse” do Công ty TNHH SX – TM Dragon làm Chủ đầu tư theo Quyết định số 5406/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Định.

Dự án: Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse đã được phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 tại địa điểm: Lô C4 Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định theo Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 06 tháng 05 năm 2024 của UBND huyện Tây Sơn.

1.3. Sự phù hợp của dự án với phân vùng môi trường

Theo Điều 22, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về phân vùng môi trường, dự án “Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse” không thuộc các khu vực phân vùng môi trường bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải do không đi qua các khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định

của pháp luật về đa dạng sinh học; khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên,...

Từ những phân tích trên cho thấy, việc xây dựng dự án “Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse” hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án được thực hiện tại: Lô C4 Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, hạ tầng kỹ thuật của dự án đầu tư phù hợp với hạ tầng kỹ thuật của CCN Rẫy Ông Thơ đã được UBND huyện Tây Sơn phê duyệt tại Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 06/05/2024 về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse” tại Lô C4 Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, nên toàn bộ lượng chất thải sẽ được thu gom, xử lý trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

a) Đối với bụi, khí thải

✓ Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất

- Bụi sơn phát sinh từ quá trình phun sơn tĩnh điện. Tuy nhiên, công đoạn phun sơn được thực hiện theo quy trình khép kín tại buồng phun sơn có lắp đặt hệ thống thu hồi bột sơn thừa, cho nên lượng bụi sơn phát tán ra bên ngoài môi trường không khí trong quá trình phun sơn hầu như không đáng kể hoặc không có.

- Hơi axit từ bể chứa axit: Hơi axit rất độc hại đối với sức khỏe con người và làm hư hỏng các vật dụng hay máy móc bằng kim loại. Tuy nhiên, trong Nhà máy chỉ bố trí 01 bể chứa axit với nồng độ axit sử dụng rất loãng (15%). Vì thế, trong quá trình sản xuất, hơi axit tại bể chứa có phát sinh nhưng với nồng độ rất thấp, không gây tác động đáng kể.

✓ Bụi và khí thải từ các phương tiện tham gia giao thông

Bụi và khí thải từ các phương tiện tham gia giao thông tại dự án, bao gồm:

- Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu sản xuất và sản phẩm ra vào Nhà máy.

- Bụi, khí thải từ các phương tiện đi lại của công nhân và khách hàng ra vào Nhà máy.

Các nguồn phát sinh bụi và khí thải từ quá trình sản xuất và từ các phương tiện giao thông ra vào Nhà máy hoạt động gián đoạn, không liên tục, cục bộ, cho nên rất khó để xác định được nồng độ và lưu lượng phát sinh. Tuy nhiên, Nhà máy được quy hoạch xây dựng có không gian rộng, thoáng; bên cạnh đó, trong khuôn viên Nhà máy, diện tích đất dùng để trồng cây xanh chiếm trên 20% tổng diện tích khuôn viên Nhà máy, xung quanh hàng rào Nhà máy tổ chức trồng hàng cây phi lao, mỗi cây cách nhau 02

mét tạo thành hàng rào che chắn bụi và hấp thụ khí độc hại. Do vậy, tác động này cũng chỉ ở mức độ tác động thấp.

b) Đối với chất thải rắn, CTCNPKS, CTNH

➤ *Chất thải rắn sinh hoạt, CTRCN thông thường*

- Đối với chất thải rắn có khả năng tái chế sẽ được thu gom, lưu giữ và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đối với chất thải rắn không thể tái sử dụng, tái chế phát sinh từ dự án sẽ được thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí thùng rác 05 thùng chứa rác chuyên dụng loại từ 45 lít – 240 lít để lưu giữ tạm thời lượng CTR phát sinh.

- Xây dựng 01 nhà chứa kích thước 5mx2m, diện tích 10m² để lưu giữ CTRCN thông thường đảm bảo theo quy định

➤ *Đối với CTCNPKS, CTNH:*

- Bố trí công nhân thu gom, phân loại khi có CTCNPKS, CTNH phát sinh/

- Bố trí 06 thùng chứa CTR thể tích 120 lít, màu vàng để lưu giữ tạm thời lượng CTNH, CTPKS phát sinh.

- CTNH, CTPKS được chứa trong nhà chất thải nguy hại phía Đông Nam Nhà máy, cạnh nhà điều hành trạm XLNT của dự án với diện tích khu vực chứa chất thải là 10m², bố trí tách biệt với khu vực chứa CTRSH và CTRTT

Hiện nay, trên địa bàn huyện Tây Sơn và tỉnh Bình Định đã có đơn vị chức năng đến thu gom CTR sinh hoạt CTRCN thông thường, CTCNPKS, CTNH (Công ty TNHH TM và MT Hậu Sanh). Do vậy, CTR phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được Công ty hợp đồng với các đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

c) Đối với môi trường nước thải

Nước thải từ dự án được thu gom bằng hệ thống thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

Hiện nay, CCN Rẫy Ông Thơ chưa có đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Do vậy, các loại chất thải phát sinh từ dự án sẽ được thực hiện thu gom, xử lý, cụ thể như sau:

- Đối với nước thải hoạt động sinh hoạt: nước thải từ nhà vệ sinh sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được thu gom dẫn về trạm xử lý nước thải của dự án.

Nước thải từ nhà ăn sẽ được đi qua thiết bị tách dầu mỡ, sau đó dẫn nối với hố ga đi vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án dẫn về trạm xử lý nước thải cục bộ của dự án.

- Đối với nước thải sản xuất từ các bể nước rửa sẽ được thu gom định kỳ 1 tuần/lần về trạm xử lý nước thải của dự án để xử lý đạt đạt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT Kq=0,9; Kf= 1,2) đảm bảo theo quy định trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung .

➤ Do vậy, các thành phần có nguy cơ gây ô nhiễm phát sinh tại dự án đều được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra ngoài môi trường nên khả năng chịu tải của môi trường hoàn toàn có khả năng đáp ứng được lượng chất thải của dự án.

Chương III

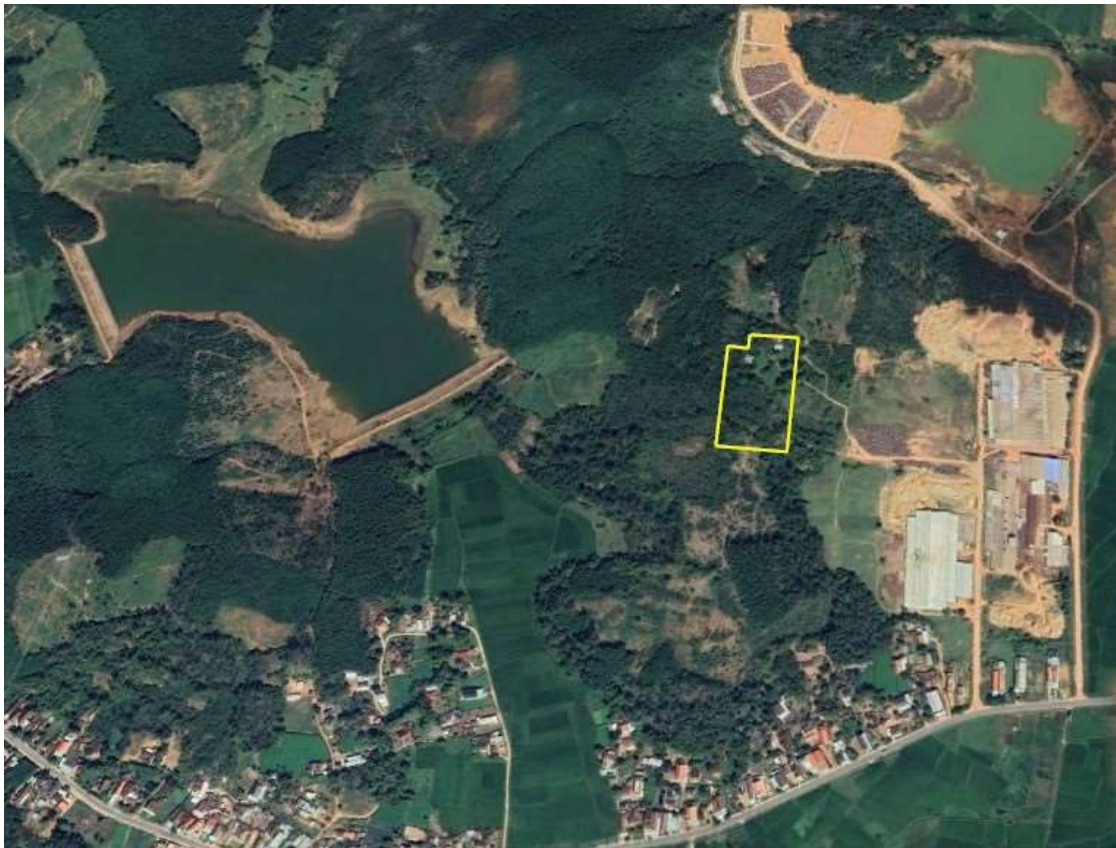
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

- Hiện trạng môi trường không khí khu vực dự án theo tham khảo kết quả phân tích chất lượng môi trường tại CCN cho thấy các chỉ tiêu đánh giá chất lượng môi trường không khí đều nằm trong quy chuẩn cho phép, chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

- Tài nguyên sinh vật: Trong khu vực dự án không có các loại thực vật quý hiếm cần được bảo vệ. Đối với động vật thì khu vực dự án không có các động vật quý hiếm, cần bảo tồn. Động vật ở đây chủ yếu là các loại chim: sẻ, chào mào, các loại côn trùng...

- Các đối tượng nhạy cảm về môi trường: giáp phía Tây là đất cây xanh của CCN, giáp phía Bắc là Đường ĐS6 của Cụm công nghiệp, giáp phía Nam dự án là Đường ĐS2 của Cụm công nghiệp, giáp phía Đông là đất công nghiệp của CCN. Vì vậy, không có đối tượng nhạy cảm về môi trường xung quanh dự án.



Hình 3.1. Vị trí thực hiện dự án trên bản đồ vệ tinh Google Earth

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Theo quy hoạch, nước thải sau xử lý cục bộ tại Dự án sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của CCN Rẫy Ông Thơ tại hố ga trên đường ĐS2 của CCN.

Tuy nhiên, hiện nay hạ tầng thu gom, xử lý nước thải của CCN Rẫy Ông Thơ chưa được đầu tư xây dựng. Do vậy, giai đoạn đầu khi hệ thống thu gom, thoát nước thải của CCN Rẫy Ông Thơ chưa được đầu tư xây dựng, nước thải sau khi được xử lý cục bộ đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột B, $Kq = 0,9$, $Kf = 1,2$ - *Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp*. Nước thải sau khi xử lý được thu gom về hố ga thu gom nước thải của dự án sau đó được bơm cưỡng bức qua đường ống HDPE có đường kính D34mm lắp đặt chạy dọc theo đường ĐS2, ĐS5 đến Cống hộp BTCT, kích thước 2mx2m, L=14m nằm trên đường ĐS1 của Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ cách dự án khoảng 350m về phía Đông Nam dự án, tọa độ X = 1.5443.387; Y = 583.473 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°). Cống hộp này phục vụ thoát nước trên đường ĐS1 của CCN.



Hình 3.2. Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án khi chưa có hạ tầng khung

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Để đánh giá hiện trạng môi trường, các thành phần nước, không khí nơi thực hiện dự án, chúng tôi đã phối hợp với Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường khảo sát và lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường không khí tại khu vực nhằm đưa ra các số liệu môi trường nền chuẩn xác, trên cơ sở đó đánh giá mức độ ô nhiễm khi Dự án đi vào thi công xây dựng và hoạt động. Chúng tôi tiến hành lấy mẫu quan trắc tại các vị trí được thể hiện trong hình sau:



Hình 3.3. Vị trí quan trắc chất lượng không khí xung quanh khu vực dự án

✚ Hiện trạng môi trường không khí xung quanh

Vị trí lấy mẫu đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh tại khu vực dự án được trình bày ở bảng sau:

Bảng 3.1. Vị trí lấy mẫu không khí xung quanh

Stt	Kí hiệu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ vị trí lấy mẫu (X-Y)	Thời gian lấy mẫu
1	KK	Khu vực trung tâm dự án	1.543.650 – 583.269	21/6/2024

(Vị trí lấy mẫu được thể hiện trên bản đồ trong phụ lục kèm theo)

Kết quả thử nghiệm chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.2. Kết quả thử nghiệm chất lượng không khí xung quanh khu vực dự án

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả kiểm nghiệm 21/6/2024			Giá trị giới hạn cho phép
			Thời gian 8h30	Thời gian 11h30	Thời gian 16h30	
1	Tiếng ồn	dBA	58,5	57,4	59,7	70 ⁽¹⁾
2	Hàm lượng bụi	µg/m ³	91	92	89	300 ⁽²⁾
3	SO ₂	µg/m ³	52	59	57	350 ⁽²⁾
4	CO	µg/m ³	<5600	<5600	<5600	30.000 ⁽²⁾
5	NO ₂	µg/m ³	19	21	20	200 ⁽²⁾

(Nguồn: Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường)

Ghi chú:

(1): Các giới hạn áp dụng so sánh theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Theo Quy chuẩn này, đối với các khu vực thông thường, giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA) quy định từ 06h đến 21h: 70 dBA;

(2): Các giới hạn áp dụng so sánh theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí. Giá trị giới hạn của các thông số cơ bản trong không khí xung quanh trung bình trong 01 giờ.

Nhận xét:

Từ kết quả quan trắc nồng độ các thành phần bụi, khí trong vùng không khí tại khu vực dự án cho thấy: Chất lượng không khí tại khu vực dự án khá tốt, chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm với nồng độ bụi và các khí có giá trị nhỏ, độ ồn cũng được ghi nhận là không có gì khác thường. Tất cả các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn môi trường Việt Nam QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

Chương IV

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

🚰 Nước thải sinh hoạt

Do đặc thù điều kiện thi công trên công trường về thời gian, không gian, lưu lượng và tải lượng ô nhiễm trong nước thải giai đoạn xây dựng là không nhiều và không kéo dài, nên Chủ dự án sẽ yêu cầu Đơn vị thi công xây dựng dự án lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động có hầm tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt tạm thời.

Ngoài ra, trong quá trình tuyển chọn công nhân tham gia thi công xây dựng công trình, chúng tôi sẽ ưu tiên sử dụng công nhân tại địa phương để giảm lượng công nhân phải ở lại công trường, khi đó sẽ làm giảm đáng kể lượng nước thải phát sinh.

🚰 Nước thải từ quá trình thi công xây dựng

Đối với lượng nước thải phát sinh từ quá trình rửa máy móc và các dụng cụ thiết bị thi công, lượng phát sinh không đáng kể sẽ được thu gom vào hố thu hoặc yêu cầu công nhân rửa thiết bị trong thùng chứa nước để lắng cặn và dùng để đầm chặt đất tại công trình. Riêng đối với nước thải trong quá trình bảo dưỡng móng, để hạn chế lượng phát sinh Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công sử dụng lượng nước vừa đủ trong quá trình bảo dưỡng bê tông hạn chế nước thừa phát sinh. Đặc thù đối với thành phần này có mức độ ô nhiễm không đáng kể (vì lúc này xi măng đã đông cứng) nên trường hợp phát sinh sẽ được thấm vào môi trường đất cát tại khu vực, vì cát có khả năng lọc tốt.

Ngoài ra, Chủ dự án sẽ hạn chế tối đa việc thi công trong thời điểm mưa để không phát sinh nước mưa chảy tràn mang theo các chất ô nhiễm gây ô nhiễm khu vực.

🚰 Nước mưa chảy tràn

- Che chắn nguyên vật liệu xây dựng (đối với các loại vật liệu thô) tránh bị nước mưa cuốn trôi trong quá trình thi công các hạng mục công trình cơ bản của dự án.

- Địa chất khu vực là đất nên khả năng thấm nước tốt, nhanh, tình trạng ngập úng cục bộ là ít xảy ra. Tuy nhiên, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu có phương án xử lý phù hợp.

- Vào đầu mùa mưa, yêu cầu nhà thầu tập kết VLXD đảm bảo vị trí phù hợp, thu gom rác thải, vật liệu thừa đất đảm bảo mương thoát nước luôn trong tình trạng thoát nước tốt nhằm tránh gây tình trạng ngập úng cục bộ.

- Đối với những ngày mưa lớn, mưa kéo dài sẽ cho dừng thi công nhằm đảm bảo an toàn cho công nhân và nguồn nước mặt tại khu vực.

1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

✚ Chất thải rắn sinh hoạt

Hoạt động sinh hoạt của các công nhân làm việc trên công trường sẽ phát sinh chất thải rắn. Thành phần các CTR bao gồm các chất thải hữu cơ (thức ăn, rau quả thừa,...), các chất thải vô cơ (giấy vụn, carton, vỏ đồ hộp, bao bì, chai lọ,...).

Theo QCVN 01:2021/BXD, định mức phát thải hằng ngày của một người là 0,8 kg/người/ngày. Tuy nhiên thực tế công nhân làm việc chỉ từ 8 -12h/ngày nên lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ tính bằng 50% (0,4kg/người/ngày) so với định mức phát thải theo quy định. Với tổng số công nhân viên làm việc trong giai đoạn này khoảng 20 người, thì lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trung bình mỗi ngày là: 0,4 kg/người/ngày × 20 người = 8 kg/ngày.

Chất thải rắn từ sinh hoạt của công nhân: được thu gom, tập trung trong khu vực dự án, đồng thời hợp đồng với Công ty Môi trường của huyện Tây Sơn để vận chuyển, thu gom theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy tại những vị trí làm việc và khu nghỉ ngơi ăn uống của công nhân (bố trí 01 thùng đựng rác sinh hoạt 240 lít đặt tại lán trại của công nhân). Định kỳ 1-2 ngày/lần, công nhân làm việc tại công trường thu gom CTR sinh hoạt về thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt. Sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng trên địa bàn vận chuyển đi xử lý theo quy định với tần suất tối thiểu 03 lần/tuần.

- Bố trí 01 người để giám sát công trình, phụ trách toàn bộ hoạt động xây dựng, quản lý công nhân trên công trường theo nội quy mà Công ty đã ban hành, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động, hạn chế thấp nhất tác động xấu đến môi trường trong quá trình xây dựng Nhà máy.

- Bùn thải từ nhà vệ sinh di động: Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút định kỳ 01 tháng/lần (hoặc khi đầy bể) và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

✚ Chất thải rắn xây dựng

Các chất thải rắn khác như gạch, gỗ, bao xi măng, các vụn nguyên liệu, xà gò gỗ, ván khuôn, sắt thép vụn,... có thể phát sinh từ việc xây dựng các hạng mục công trình tại dự án. Lượng chất thải này ước tính trung bình mỗi ngày phát sinh không nhiều và tùy thuộc vào diện tích dự án lượng phát sinh nhiều hay ít, trung bình mỗi ngày phát sinh từ 30 – 50kg/ha (*Phạm Ngọc Đăng. Quản lý Môi trường đô thị và khu công nghiệp. Nhà xuất bản Xây dựng, 2000*), tương ứng với tổng lượng thải ra trong khu vực dự án

là: 39,3 – 65,5 kg/ngày. Khối lượng thải bỏ chiếm tỷ lệ thấp, ước tính khoảng 10% khối lượng phát sinh, khoảng 3,93 – 6,6 kg/ngày.

Để giảm thiểu tác động từ các loại chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công xây dựng phải thu gom, phân loại chất thải rắn và thực hiện các biện pháp quản lý, xử lý cụ thể như sau:

- Bố trí 01 thùng rác 240 lít có nắp đậy, đặt tại khu vực thi công xây dựng;
- Đối với chất thải rắn có thể tái chế (gỗ, sắt, thép, bao bì xi măng,...) được thu gom, lưu giữ và có thể bán cho các cơ sở thu mua phế liệu hoặc tận dụng lại trong quá trình thi công;
- Đối với các loại chất thải rắn khác như: đất, đá, gạch,... sẽ được tận dụng lại trong quá trình thi công xây dựng, trồng cây xanh;
- Bùn cặn từ hồ thu lắng định kỳ sẽ tiến hành thuê đơn vị nạo vét bùn cặn.

Ngoài ra, chúng tôi cũng sẽ yêu cầu Đơn vị thi công xây dựng dự án thường xuyên nhắc nhở công nhân dọn dẹp vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc, nhằm tránh xảy ra tai nạn lao động, cũng như giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn xây dựng gây ra.

Chất thải nguy hại, CTPKS

Chất thải nguy hại, CTPKS phát sinh trong giai đoạn thi công như giẻ lau dính dầu nhờn, bóng đèn huỳnh quang, que hàn thải... với số lượng và khối lượng phát sinh không nhiều, ước tính khoảng 20kg trong quá trình xây dựng, cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Khối lượng CTNH, CTPKS phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng (kg)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Các loại vật dụng nhiễm dầu thải (giẻ lau, bao tay, bao bì ...)	Rắn	2	18 02 01	KS
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	6	17 02 03	NH
3	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	2	16 01 06	NH
4	Que hàn thải	Rắn	8	07 04 01	KS
5	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	2	19 06 01	NH
Tổng			20		

Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công xây dựng dự án thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể như sau:

- Thu gom: Khi có chất thải nguy hại, CTPKS phát sinh, công nhân thi công xây dựng dự án sẽ thu gom vào các thùng chứa theo quy định.

- Lưu giữ:

+ Công ty sẽ yêu cầu Đơn vị thi công xây dựng dự án trang bị 05 thùng chứa thể tích 45 lít để lưu giữ từng loại CTNH, CTPKS. Sử dụng các thùng chứa kín, có nắp đậy, đảm bảo việc lưu chứa an toàn CTNH, CTPKS; và có dán biển cảnh báo chất thải nguy hại và mã CTNH.

+ Khu vực lưu giữ CTNH, CTPKS đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật sau: Mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH, CTPKS.

+ Ngoài ra, khu vực lưu giữ CTNH, CTPKS sẽ được trang bị các dụng cụ, thiết bị sau: thiết bị, dụng cụ PCCC, vật liệu hấp phụ (cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ CTNH, CTPKS ở thể lỏng ra bên ngoài; và có biển dấu hiệu cảnh báo kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

- Vận chuyển, xử lý: Chủ dự án sẽ yêu cầu Đơn vị thi công xây dựng dự án thực hiện hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

🚧 Giảm thiểu bụi do quá trình lưu giữ, bốc dỡ và phối trộn vật liệu xây dựng

Để giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, Chủ đầu tư yêu cầu với đơn vị thi công thực hiện:

- Ban hành nội quy và dán tại công trường để công nhân biết và thực hiện.

- Bố trí khu văn phòng công trường cách xa công trường xây dựng.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang, mũ, giày, găng tay cho công nhân xây dựng để hạn chế đến mức thấp nhất các ảnh hưởng của bụi xây dựng.

- Nhà thầu trình kế hoạch thi công và cung cấp vật tư được Chủ đầu tư xác nhận, theo dõi, hạn chế việc cung cấp vật tư vào cùng một thời điểm, làm cản trở quá trình thi công.

- Các loại nguyên liệu như xi măng đều được che chắn hoặc lưu chứa trong lán trại đảm bảo nhằm tránh sự phát tán bụi, phun tưới ẩm đối với các vật liệu như gạch, đá,...

- Đồng thời phun nước tưới ẩm vào những ngày thời tiết khô hanh để hạn chế phát tán bụi và giảm thiểu bức xạ nhiệt tại công trường.

✚ Giảm thiểu ô nhiễm do quá trình vận chuyển

- Tất cả các phương tiện đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ cho công tác triển khai thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển đất và vật liệu xây dựng được phủ bạt, thùng xe kín tránh để rơi vãi đất cát, gạch, bụi xi măng ra đường, gây ô nhiễm bụi và ảnh hưởng đến cuộc sống của dân cư trên tuyến đường vận chuyển; chờ đúng tải trọng cho phép và đúng tốc độ quy định, tuân thủ an toàn giao thông đường bộ và vệ sinh môi trường.

- Phân bố mật độ xe chuyên chở nguyên vật liệu ra vào phù hợp, tránh ùn tắc gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực.

- Vệ sinh các xe vận chuyển vật liệu xây dựng sạch sẽ trước khi ra khỏi công trường.

- Giám tốc độ các phương tiện khi ra vào khu vực dự án (vận tốc đề nghị đối với các phương tiện giao thông là $\leq 5\text{km/h}$).

✚ Giảm thiểu ô nhiễm do quá trình thi công xây dựng

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và có biện pháp cách ly để không ảnh hưởng đến toàn khu vực. Đối với các vật liệu, nhiên liệu như xi măng, sắt thép, dầu nhớt,... bảo quản trong kho cẩn thận nhằm tránh tác động của mưa nắng và gió gây hư hỏng và giảm thiểu khả năng phát tán bụi cũng như các chất ô nhiễm khác ra môi trường.

- Phun nước thường xuyên trên công trường xây dựng, đặc biệt là vào mùa khô để hạn chế bụi từ các xe chuyên chở nguyên vật liệu trong quá trình vận chuyển. Vào mùa khô, những ngày nắng nóng có thể tiến hành phun nước với tần suất 2 giờ/lần.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân như mũ bảo hộ, quần áo, giày, bao tay, khẩu trang,...

- Chọn lựa các nhà thầu có năng lực đáp ứng khả năng thi công tốt, hiệu quả, có kinh nghiệm cho việc xây dựng các công trình có tính chất tương tự.

- Lập phương án phòng chống thiên tai, phương án bảo vệ công trình đối với các công trình đang thi công theo quy định của Luật Phòng chống thiên tai.

✚ Giảm thiểu ô nhiễm khí thải từ công đoạn hàn, hơi dung môi

- Khu hàn cơ khí cách ly khu nghỉ ngơi và lán trại công nhân.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, đặc biệt là công nhân hàn (khẩu trang, kính bảo hộ, mũ, găng tay).

Giảm thiểu ô nhiễm mùi

- Tập kết, thu gom và vận chuyển các loại rác thải sinh hoạt xử lý theo quy định.
- Không đốt vật liệu hay chất thải tại khu vực dự án.
- Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy để thu gom chất thải rắn, tránh phát sinh mùi hôi.
- Nghiêm cấm trường hợp công nhân phóng uế và vứt rác sinh hoạt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường tại khu vực dự án.

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế làm việc vào các thời điểm nhạy cảm (buổi tối và sáng sớm: từ 19h00' hôm trước tới 7h00' sáng hôm sau, và buổi trưa: từ 11h30' tới 13h00').
- Hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến giao thông vào giờ cao điểm, quy định tốc độ hợp lý cho các loại xe để giảm tối đa tiếng ồn phát sinh.
- Lắp biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện ra vào dự án, không sử dụng còi xe cơ giới từ 22h đêm ngày hôm trước đến 6h sáng ngày hôm sau.
- Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển; đảm bảo tần suất bảo dưỡng thiết bị theo đúng quy định của nhà sản xuất;
- Lắp đặt các bộ phận giảm tiếng ồn, độ rung cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao như máy phát điện, đầm máy, máy xúc, máy ủi,...
- Sử dụng máy móc thiết bị còn thời hạn sử dụng theo quy định.
- Kiểm tra mức độ ồn trong khu vực thi công để đặt lịch thi công cho phù hợp và đạt mức độ ồn cho phép.

1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Để giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công, chúng tôi sẽ phối hợp và yêu cầu Đơn vị thi công xây dựng dự án thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như sau:

Biện pháp giảm thiểu tác động đến tình hình giao thông

- Các phương tiện vận chuyển đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.
- Không chất vật liệu vượt thành xe, không chở quá tải, xe chạy đúng vận tốc quy định.
- Phân bố thời gian vận chuyển hợp lý, tránh vào những thời gian cao điểm tại khu vực đến tránh ùn tắc giao thông.

- Quán triệt các lái xe không được dừng hoặc đỗ xe trên đường khi vận chuyển nguyên vật liệu để tránh gây cản trở giao thông.

- Yêu cầu các lái xe phải giảm tốc độ khi qua khu vực có dân cư sinh sống.

- Tiến hành sửa chữa, gia cố ngay những vị trí tuyến đường bị hư hỏng do phương tiện vận chuyển của dự án gây ra.

🚦 Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nhiệt

- Trang bị bảo hộ cho công nhân khi làm việc ngoài trời như mũ, khẩu trang,...

- Dựng lán trại cho công nhân thi công nghỉ ngơi.

- Thường xuyên phun nước làm ẩm bề mặt thi công vào mùa khô (tần suất 2 ÷ 4 lần/ngày (tùy thuộc vào thời tiết) và vào đầu mỗi ca làm việc, như vậy vừa hạn chế bụi bay, vừa giảm được bức xạ nhiệt.

🚦 Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội

- Xây dựng, ban hành các nội quy làm việc tại công trường và yêu cầu công nhân tuân thủ gồm: nội quy quy định về hoạt động ra, vào công trường; quy định về trang phục bảo hộ lao động; quy định về an toàn vận hành máy móc, thiết bị thi công; an toàn trong phòng chống cháy nổ, sử dụng điện và tham gia giao thông.

- Ưu tiên sử dụng công nhân xây dựng tại địa phương đáp ứng được yêu cầu của nhà thầu vào làm việc tại khu dự án để hạn chế tập trung công nhân từ nơi khác đến.

- Yêu cầu công nhân từ nơi khác đến phải đăng ký tạm trú tạm vắng tại địa phương để thuận lợi cho công tác quản lý nhân sự.

- Áp dụng công tác tuyên truyền, quản lý công nhân chặt chẽ. Giải quyết triệt để mâu thuẫn giữa công nhân với cộng đồng dân cư địa phương.

- Bố trí bảo vệ túc trực thường xuyên để đánh tình trạng trộm cắp, ngăn chặn kịp thời những mâu thuẫn nảy sinh giữa công nhân với nhau.

- Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng cò bạc, nghiện hút trong đội ngũ công nhân.

- Có lực lượng bảo vệ công trường, không cho người không phận sự ra vào công trường.

🚦 An toàn lao động và phòng chống sự cố cháy nổ

- Sử dụng lao động đúng ngành nghề và trình độ được đào tạo.

- Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị thi công xây dựng không xảy ra tai nạn.

- Bố trí lán trại thích hợp cho công nhân thi công, đảm bảo điều kiện ăn ở hợp vệ sinh. Thường xuyên giáo dục, nhắc nhở nâng cao ý thức an toàn lao động cho công nhân.

- Các dây dẫn điện trong công trường và của các thiết bị điện phải được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.

- Thành lập đội kiểm tra an toàn lao động, có nhiệm vụ đôn đốc, giám sát an toàn về người và thiết bị trong quá trình xây dựng.
- Bố trí thời gian và tiến độ thi công thích hợp với điều kiện khí hậu và thời tiết địa phương để tránh những sự cố đối với công trình như chập điện, đổ vỡ công trình,... Thiết kế chiếu sáng cho những nơi làm việc ban đêm và khu vực cần bảo vệ.
- Các máy móc, thiết bị thi công có lý lịch kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật trước khi sử dụng.
- Cấm vận chuyển vật liệu trên miệng hố móng khi đang có người làm việc ở dưới hố nếu không có biện pháp đảm bảo an toàn.
- Khi thực hiện lắp đặt, bóc dỡ các thiết bị cần đảm bảo điều kiện kỹ thuật.
- Trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động cho công nhân.
- Phổ biến và đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định, biện pháp phòng chống cháy nổ, chập điện khi thi công cho công nhân.
- Khu vực chứa nguyên, nhiên liệu, vật liệu xây dựng được phòng chống cháy nổ, loại bỏ các nguồn dễ cháy ra khỏi khu vực.
- Chuẩn bị sẵn các vòi nước xả rửa khi có sự cố, tủ thuốc.
- Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa, cảnh sát,...
- Trang bị bình chữa cháy cho công trường thi công.

Biện pháp phòng ngừa sự cố do thiên tai

- Lập tiến độ, kế hoạch thi công cho quá trình xây dựng theo tháng, mùa.
- Trong biện pháp thi công phải có biện pháp phòng chống lụt bão cho công trình, nhất là cho phần việc đang làm dở dang, đảm bảo an toàn cho người và máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển. Khi được tin báo bão, chỉ huy trưởng công trường trực tiếp kiểm tra công trường, chỉ đạo cho các tổ, đội thi công kiểm tra các công việc đang thi công dở dang, cột neo, chằng buộc các bộ phận có thể bị gió bão gây hư hỏng.
- Kiểm tra lại kho bãi, lán trại, neo buộc mái tole,... để phòng tốc mái, đổ nhà hay kho bị dột làm hư hỏng vật tư, thiết bị.
- Chuẩn bị đầy đủ số lượng vải bạt che mưa để sẵn sàng che mưa các cấu kiện trong những trường hợp như móng, giằng đang đổ bê tông gặp phải trời mưa to,...

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

Nguồn phát sinh nước thải khi Dự án đi vào giai đoạn vận hành bao gồm các nguồn sau:

- Nước thải sản xuất phát sinh từ vệ sinh xả thải định kỳ bể chứa nước làm sạch bề mặt kim loại khoảng 1,3 m³/ngày.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ vệ sinh xả thải định kỳ 02 bể chứa hóa chất làm sạch bề mặt kim loại khoảng 2,60 m³/ngày

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hằng ngày của công nhân, vệ sinh sàn nhà văn phòng và nhà ăn - nghỉ công nhân, và hoạt động nấu ăn và vệ sinh dụng cụ nấu ăn khoảng 3,37 m³/ngày.

Bảng 4.2. Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án

Stt	Nguồn nước thải phát sinh	Lưu lượng	Ghi chú
A	Lượng nước xả thải thường xuyên		
I	Nước thải sinh hoạt		
1	Nước thải từ sinh hoạt của CB-CNV	1,25 m ³ /ngày	Xả thải hằng ngày
2	Nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn nhà văn phòng, nhà ăn và nghỉ công nhân.	1,30 m ³ /ngày	Xả thải hằng ngày
	Nước thải từ hoạt động bếp từ nhà ăn và vệ sinh dụng cụ nấu ăn.	0,825 m ³ /ngày	Xả thải hằng ngày
	Tổng cộng lượng nước xả thải thường xuyên	3,37 m ³ /ngày	Xả thải hằng ngày
B	Lượng nước xả thải không thường xuyên		
I	Nước thải sản xuất		
1	Nước thải từ hoạt động vệ sinh bể chứa nước trong quá trình làm sạch bề mặt kim loại	1,3m ³ /ngày	Định kỳ 01 tuần nhà máy xả thải và thay mới toàn bộ lượng nước trong các bể chứa nước để làm sạch bề mặt khung kim loại này. Mỗi ngày nhà máy chỉ vệ sinh và cấp nước mới cho 1 bể chứa. Việc vệ sinh và cấp nước mới diễn ra trong 3 ngày liên tục.

Stt	Nguồn nước thải phát sinh	Lưu lượng	Ghi chú
2	Nước thải từ hoạt động vệ sinh bể chứa hóa chất sử dụng trong quá trình làm sạch bề mặt kim loại	2,60m ³ /ngày	Nước thải định kỳ 06 tháng xả thải 01 lần.
Tổng lượng nước thải sinh hoạt và sản xuất của dự án		7,27 m³/ngày	

✚ *Tuy nhiên, nước thải sản xuất từ 02 bể chứa hóa tẩy/ làm sạch chất sử dụng trong quá trình làm sạch bề mặt kim loại : nước thải sản xuất từ 02 bể chứa hóa chất; acid HCl, chất tẩy dầu mỡ làm phát sinh nước thải có lẫn acid, hóa chất tẩy mỡ nhờn. Theo quy định tại Thông tư 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường, nước thải có chứa thành phần lẫn acid, hóa chất tẩy mỡ nhờn là CTNH. Do vậy, định kỳ 6 tháng/lần Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến bơm hút tại 02 bể chứa hóa chất khoảng 2,6m³/lần, vận chuyển đi xử lý theo quy định, không thải vào hệ thống thu gom nước thải của Dự án. Đối với phần chất thải rắn (nếu có) lắng cặn trong 02 bể thu gom và chuyển giao cho Đơn vị có chức năng thu gom và xử lý như CTNH.*

Hiện nay, CCN Rẫy Ông Thơ chưa có hệ thống đường ống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt. Do đó, trước mắt các phương án thu gom, xử lý chất thải phát sinh tại Dự án được phân giai đoạn như sau:

2.1.1. Về công trình thu gom nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất giai đoạn đầu (khi chưa có hệ thống thu gom nước thải chung của CCN Rẫy Ông Thơ)

✚ *Nước thải sinh hoạt, nước vệ sinh sàn*

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án chủ yếu là nước thải từ sinh hoạt của công nhân và nước vệ sinh sàn. Ước tính lượng nước chiếm 100% lượng nước cấp. Tổng lượng nước cấp cho sinh hoạt, vệ sinh sàn trung bình là 2,55m³/ngày. Như vậy lượng nước thải sinh hoạt, nước thải vệ sinh sàn khi dự án đi vào hoạt động khoảng 2,55m³/ngày.

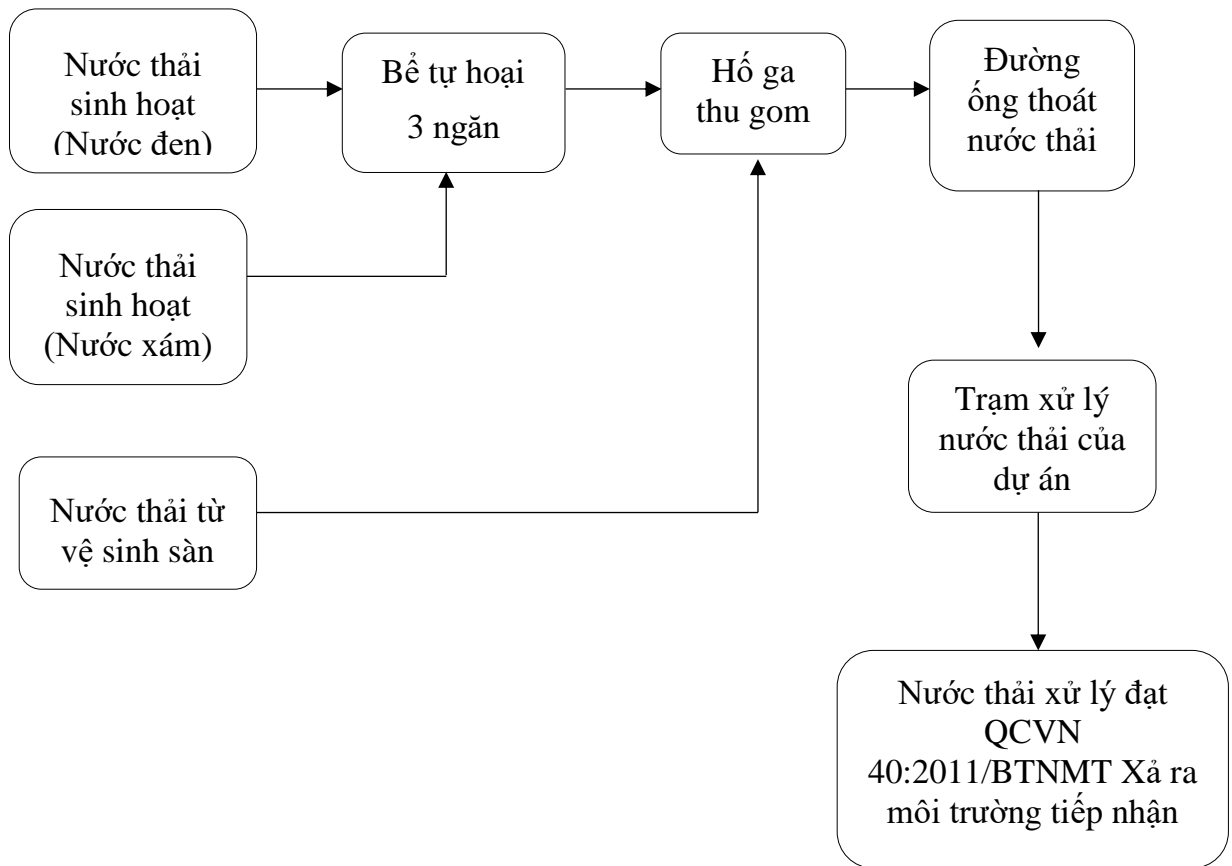
- Loại nước thải này có chứa các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, dinh dưỡng và vi trùng cao. Nếu không xử lý trước khi thải ra môi trường thì đây sẽ là nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, chất lượng nước mặt tại khu vực. Do đó, Công ty sẽ có những biện pháp thu gom, xử lý hợp vệ sinh.

➤ *Quy trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của dự án như sau:*

Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 05 ngăn cải tiến nước thải được xử lý sơ bộ, dẫn bằng ống nhựa D114mm thoát ra hố ga thu gom, sau đó được thu gom bằng đường ống thoát nước thải dẫn về bể thu gom của trạm xử lý nước thải của dự án ở phía Đông Nam dự án để xử lý đạt trước khi đưa ra nguồn tiếp nhận.

Nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn nhà văn phòng + trung bày, nhà ăn và nghỉ công nhân → được dẫn bằng ống nhựa HDPE 250mm thoát ra hố ga thu gom, sau đó được thu gom bằng đường ống thoát nước thải dẫn về bể thu gom của trạm xử lý nước thải của dự án ở phía Đông Nam dự án để xử lý đạt trước khi đưa ra nguồn tiếp nhận.

Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt được thể hiện qua sơ đồ sau:



Hình 4.1. Sơ đồ thu gom nước thải hoạt động sinh hoạt và vệ sinh sàn của dự án

🚧 Nước thải từ nhà ăn và hoạt động vệ sinh dụng cụ nhà ăn

Nước thải từ khu bếp của nhà ăn phát sinh từ quá trình sơ chế nguyên liệu rau, củ quả, đến chế biến, rửa dụng cụ nấu ăn phục vụ cho việc nấu nướng và vệ sinh khu bếp, sàn nhà. Lưu lượng nước thải phát sinh được tính toán như sau:

Bảng 4.3. Lưu lượng nước thải phát sinh từ nhà ăn và vệ sinh dụng cụ nấu ăn

Hoạt động sử dụng nước	Định mức	Lưu lượng (m³/ngày)
Nước thải khu bếp của nhà ăn và rửa thực phẩm, dụng cụ nấu ăn, vệ sinh dụng cụ nấu ăn.	Bằng 100 % lượng nước cấp cho hoạt động nấu ăn.	0,825

Thành phần nước thải nhà ăn thường chứa nhiều dầu mỡ, lượng rác, cặn cao và một phần chất tẩy rửa.

Dầu mỡ trong nước thải nếu đi vào hệ thống thoát nước thải sẽ đóng kết trên đường ống và làm giảm thể tích của đường ống, gây tắc nghẽn dòng chảy, gây mùi khó chịu và ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ thống xử lý nước thải sinh học phía sau. Trường hợp dầu mỡ đi vào hệ thống xử lý nước thải sẽ rất dễ gây sự cố sốc tải vi sinh, giảm hiệu suất xử lý và nước thải đầu ra có thể không đạt quy chuẩn xả thải.

Bảng 4.4. Tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm của nước thải nhà ăn

Chỉ tiêu	Hệ số phát thải (g/người.ngày) (1)	Tải lượng (g/người.ngày) (2)	Nồng độ (mg/l)⁽³⁾	QCVN 14:2008/BTNMT
BOD ₅	45 – 54	495– 594	818 – 981	60
TSS	170 – 220	1.870– 2.420	3.090– 4.000	120
Dầu mỡ động thực vật	10 – 3ýt	110 –330	181– 545	24

Nguồn: ⁽¹⁾ Rapid Environmental Assessment, WHO, 1993, ^(2,3) Tính toán.

Nhận xét:

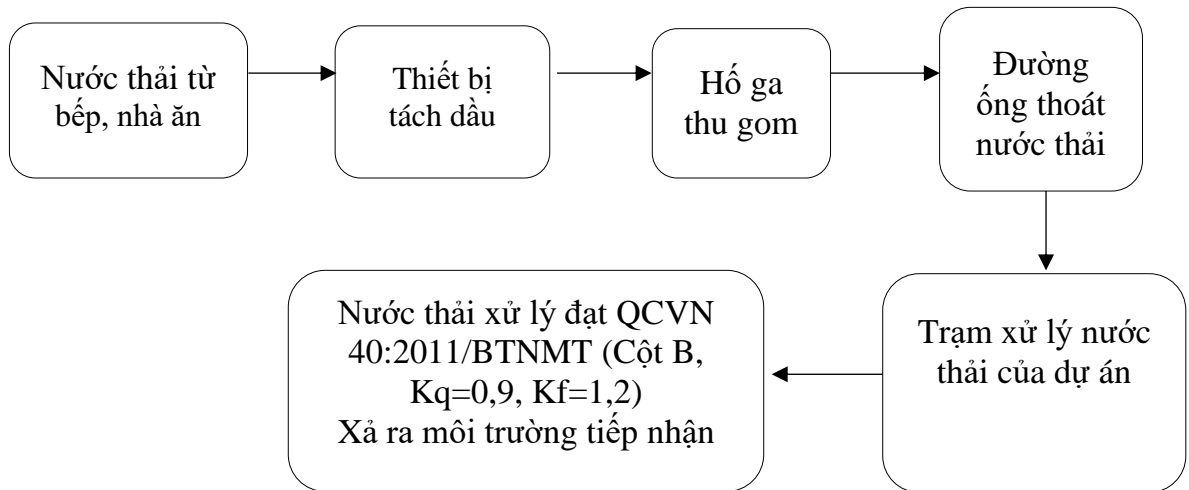
Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải nhà ăn cao hơn cho phép của QCVN. Do vậy, nước thải cần được thu gom và xử lý trước khi thải ra môi trường.

➤ *Quy trình thu gom và xử lý nước thải nhà ăn của dự án như sau*

Nước thải từ bếp của nhà ăn được đưa qua hệ thống song chắn rác để tách các loại rác thải, thức ăn thừa như rau củ, thực phẩm thừa. Nước thải sau khi loại bỏ rác được đưa qua bể tách dầu mỡ bằng Inox để tách dầu mỡ và loại bỏ cặn lắng, sau đó nước thải dưới áp lực của bơm với công suất 50lít/phút sẽ theo đường ống D114mm dẫn nối với

hố ga đi vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án, sau đó dẫn về bể thu gom của trạm xử lý nước thải cục bộ của dự án.

Lượng nước thải nhà ăn được thu gom và xử lý như sau:



Hình 4.2. Sơ đồ thu gom nước thải hoạt động nhà ăn của dự án

✚ Nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất từ 03 bể nước rửa: trong quá trình hoạt động sản xuất của Nhà máy có phát sinh một lượng nước thải chủ yếu từ công đoạn tẩy rửa bề mặt kim loại (sắt) trước khi sơn.

- Nước thải từ công đoạn rửa khung ghế bằng sắt: Công đoạn này chủ yếu phát sinh nước thải từ bể nước rửa sau bể tẩy dầu và bể axit. Định kỳ 1 tuần, Nhà máy thực hiện vệ sinh và xả thải 1 bể chứa/ ngày. Việc vệ sinh và xả thải 03 bể chứa nước diễn ra trong 3 ngày liên tục, cụ thể như sau:

+ Nước thải từ bể nước sau bể tẩy dầu: Lượng nước trong bể này được định kỳ thay 1 lần/tuần, với lưu lượng thải là $1,3 \text{ m}^3/\text{bể}/\text{lần}$.

+ Nước thải từ 02 bể nước sau bể axit: Lượng nước trong bể này được định kỳ thay 1 lần/tuần, với lưu lượng thải là $1,3 \text{ m}^3/\text{bể}/\text{lần}$.

+ Tổng lượng nước thải sản xuất phát sinh với lưu lượng khoảng $1,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Lượng nước thải sản xuất này có tính chất đặc trưng là pH thấp, hàm lượng cặn lơ lửng cao; các thành phần BOD, chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật có giá trị thấp.

Chủ dự án sẽ đầu tư xây dựng 01 trạm xử lý lượng nước thải sản xuất với công suất $6 \text{ m}^3/\text{ngày}$, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Bảng 4.5. Hệ thống đường ống thu gom nước thải của dự án

Stt	Hạng Mục	Đơn vị	Khối lượng
-----	----------	--------	------------

1	Ống HDPE D250mm	m	303
2	Ống HDPE D34mm	m	350
3	Hố Ga	cái	07
4	Trạm XLNT	cái	01

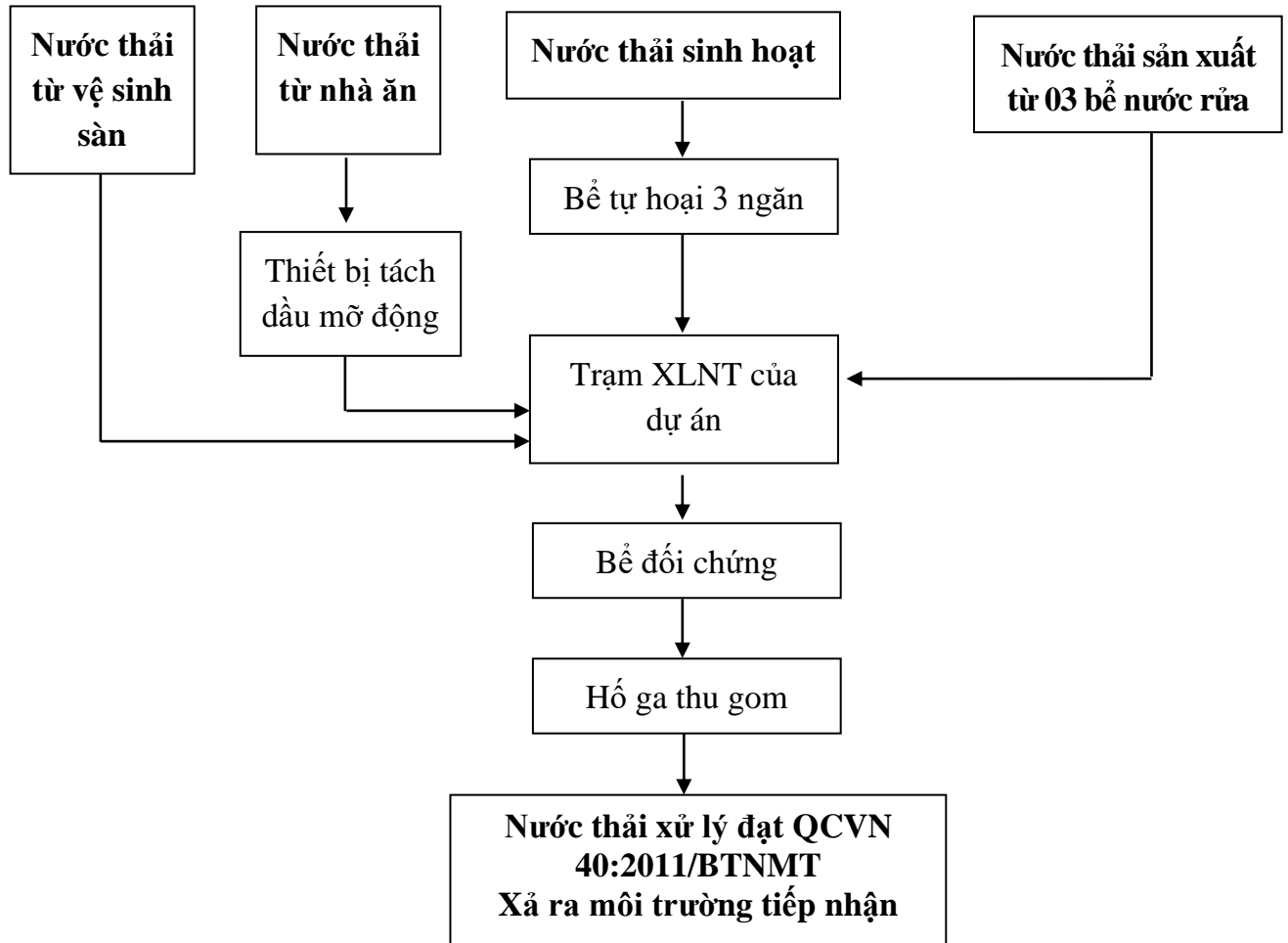
Bảng 4.6. thông số kỹ thuật các bể trong quá trình tẩy/ làm sạch

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Lưu lượng
1	Bể tẩy dầu	Số lượng: 01 bể Chất liệu: Bê tông chống thấm Kích thước: DxRx C= 1mx2mx1m	Định kỳ 06 tháng hoặc tùy theo tình hình sản xuất sẽ hợp đồng thu gom, xử lý theo chất thải nguy hại. L1max= 0 m ³
2	Bể acid	Số lượng: 01 bể Chất liệu: Bê tông chống thấm Kích thước: DxRx C= 1mx2mx1m	
3	Bể nước	Số lượng: 03 bể Chất liệu: Bê tông chống thấm Kích thước: DxRx C= 1mx2mx1m.	Định kỳ 1 tuần hoặc tùy theo tình hình sản xuất sẽ xả thải về trạm xử lý nước thải của dự án để xử lý trong 3 ngày liên tiếp. L2max= 1,3 m ³

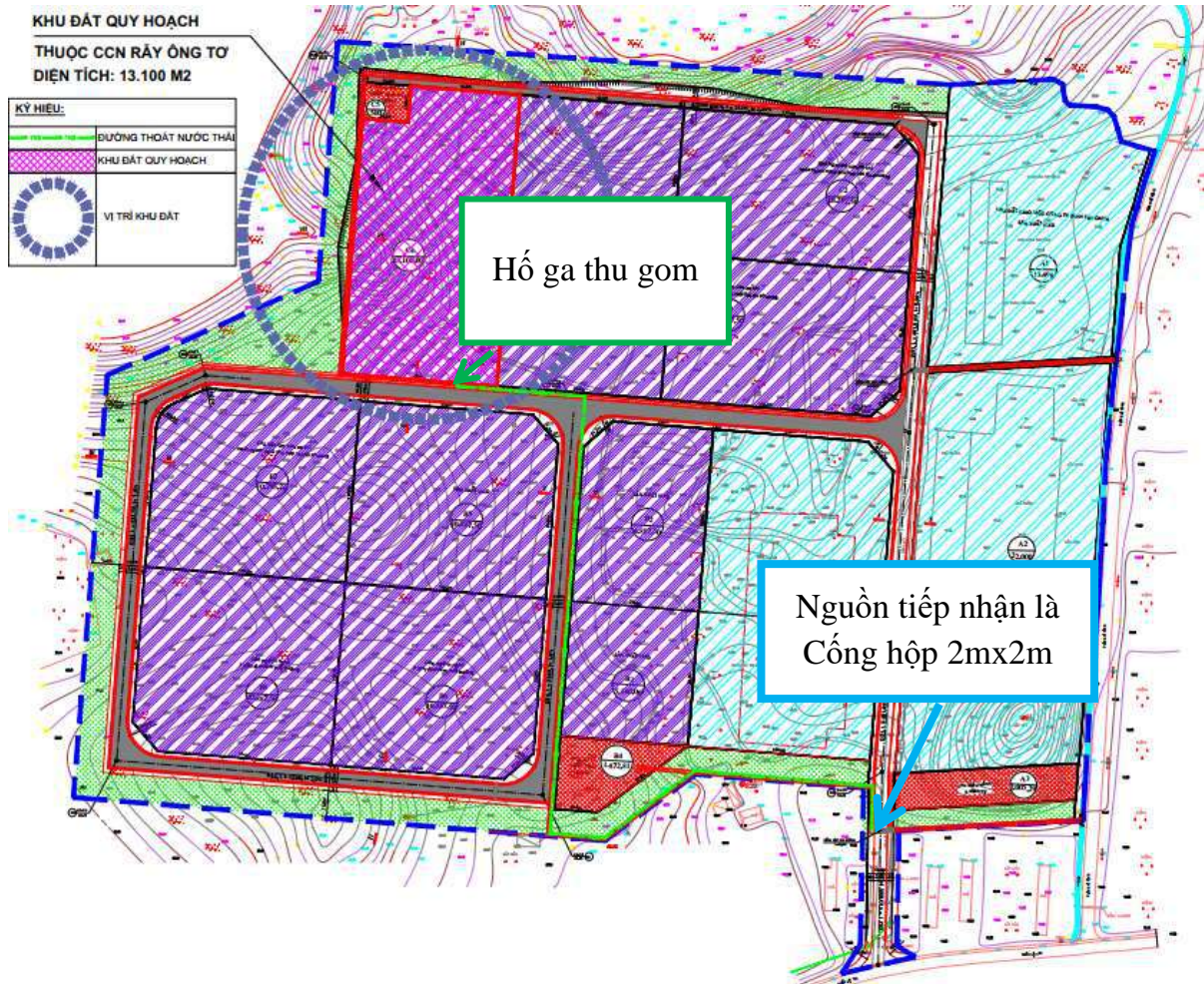
Đối với nước thải sinh hoạt và sản xuất sau được thu gom bằng đường ống HDPE $\Phi 250$ kết hợp với các hố ga dẫn về Trạm xử lý nước thải cục bộ của Nhà máy để xử lý đạt dẫn ra đầu nối vào hố ga thu gom nước mưa nằm trên đường $\Phi S2$ của CCN Rẫy Ông Thơ bằng đường ống HDPE D250mm. Tuy nhiên hiện tại hạ tầng thoát nước CCN chưa có nên Dự án xin điều chỉnh vị trí đề xuất điểm thoát nước thải sau xử lý của dự án tại 01 (một) điểm tại Cống hộp trên tuyến đường $\Phi S1$ của CCN ở phía Đông Nam dự án. Nước thải sau khi xử lý được thu gom về hố ga thu gom nước thải của dự án sau đó được bơm cưỡng bức qua đường ống HDPE có đường kính D34mm lắp đặt chạy dọc theo đường $\Phi S2$, $\Phi S5$ đến Cống hộp BTCT, kích thước 2mx2m nằm trên đường $\Phi S1$ cách dự án khoảng 350m về phía Đông Nam dự án, tọa độ X = 1.5443.387; Y = 583.473 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

Sau khi CCN Rẫy Ông Thơ xây dựng hạ tầng thoát nước của đường $\Phi S2$ được hoàn thiện, Chủ dự án sẽ đầu nối thoát nước thải sau xử lý của dự án vào hạ tầng thoát

nước trên đường ĐS2 đúng theo quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt tại Quyết định 2094/QĐ- UBND ngày 06/5/2024 của UBND huyện Tây Sơn về phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỉ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse, Lô C4 Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, xã Tây An. Sơ đồ thu gom nước thải phát sinh dự án giai đoạn chưa có hạ tầng thu gom, thoát nước thải chung của CCN, như sau:



Hình 4.3. Sơ đồ thu gom nước thải phát sinh của dự án giai đoạn chưa có hạ tầng thu gom nước thải chung của CCN Rẫy Ông Thơ



Hình 4.4 Vị trí nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý giai đoạn CCN chưa có hệ thống thoát nước thải



Hình 4.5. Vị trí nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của dự án trên bản đồ vệ tinh Google Earth

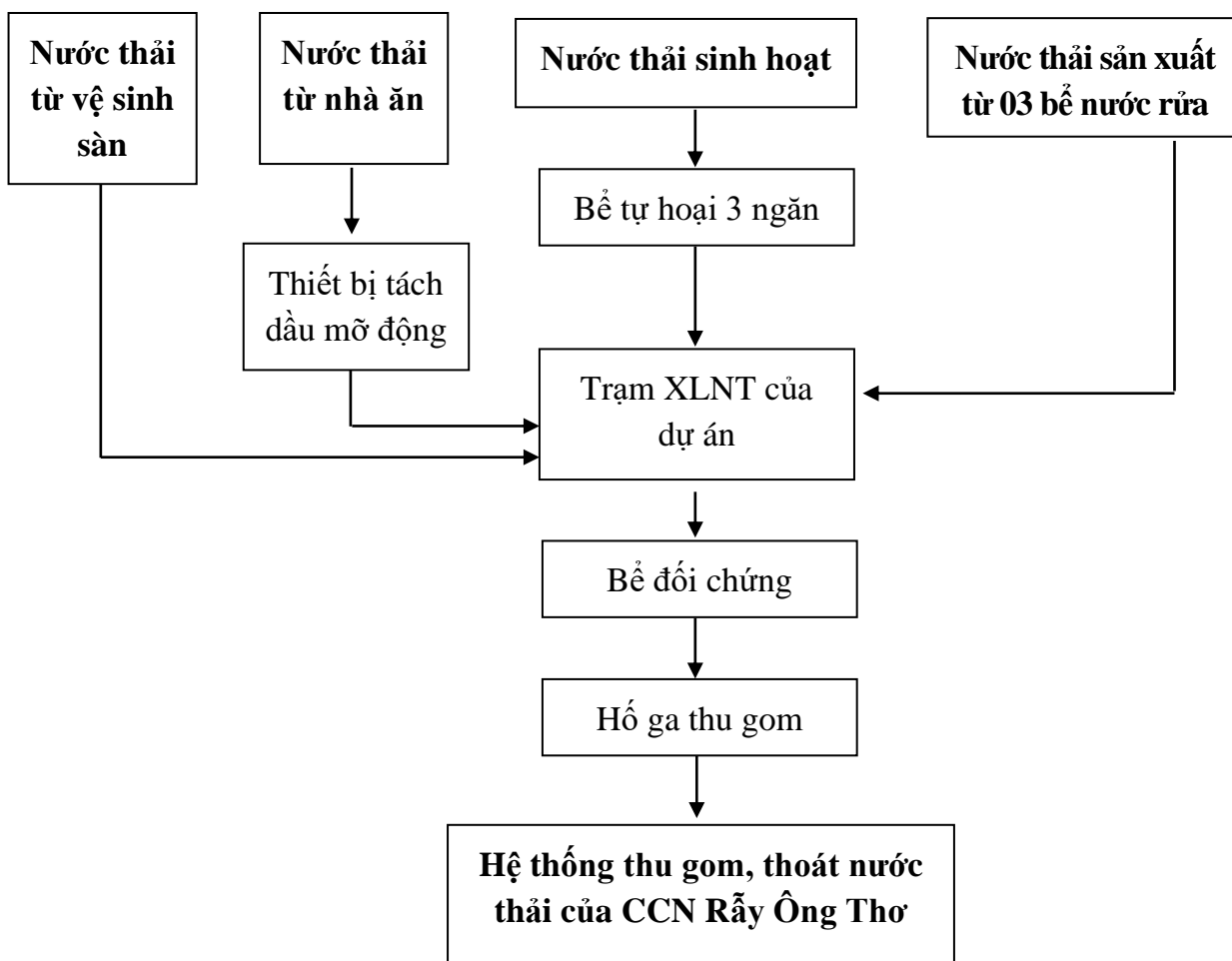
2.1.2. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất giai đoạn có hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của CCN Rẫy Ông Thơ

Về lâu dài, CCN Rẫy Ông Thơ xây dựng hạ tầng thoát nước của đường ĐS2 được hoàn thiện, Chủ dự án sẽ đầu nối thoát nước thải sau xử lý của dự án vào hạ tầng thoát nước trên đường ĐS2 đúng theo quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt tại Quyết định 2094/QĐ- UBND ngày 06/5/2024 của UBND huyện Tây Sơn về phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỉ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse, Lô C4 Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, xã Tây An.

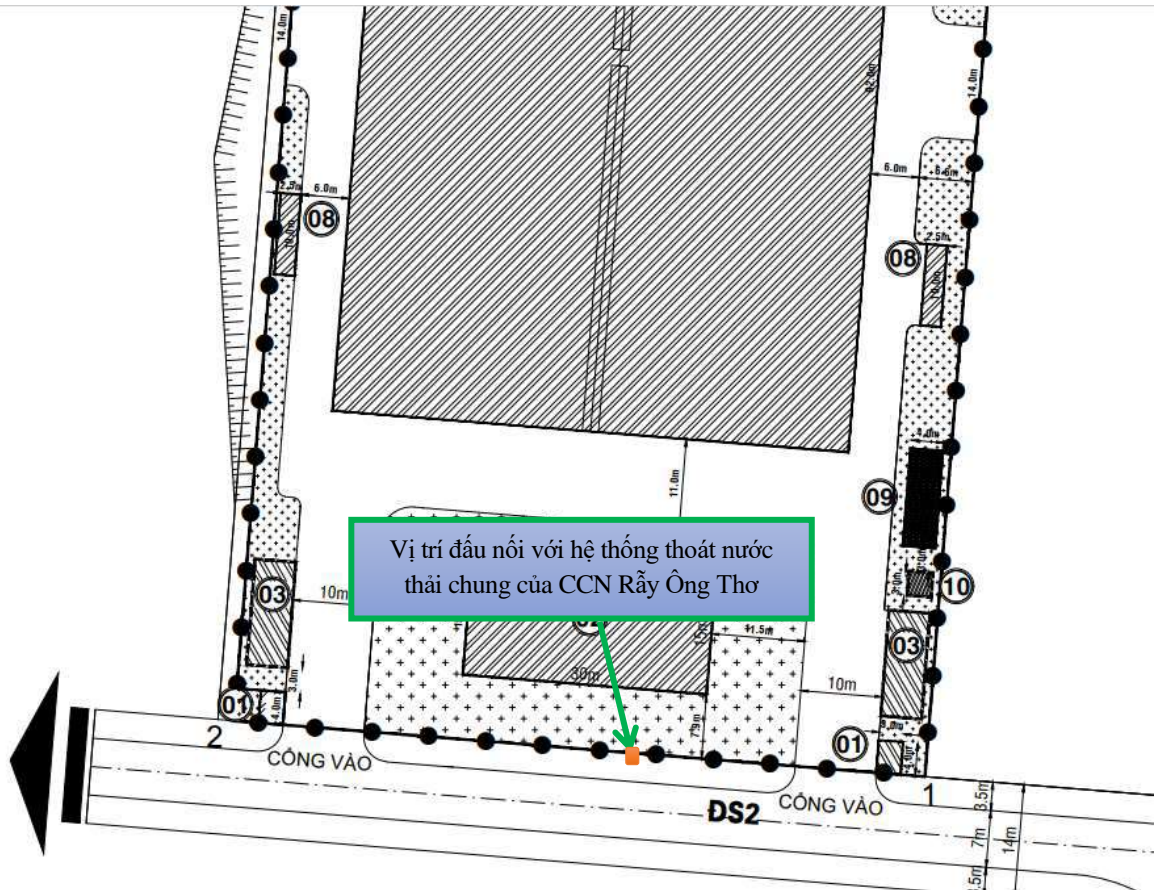
- Dự án có 01 điểm xả nước thải duy nhất nằm trên đường ĐS2 phía Nam dự án, vị trí xả nước thải có tọa độ $X= 1.543.634$; $Y= 583.220$. (Theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^0 15'$)

- Phương thức xả nước thải: tự chảy, xả ngầm.

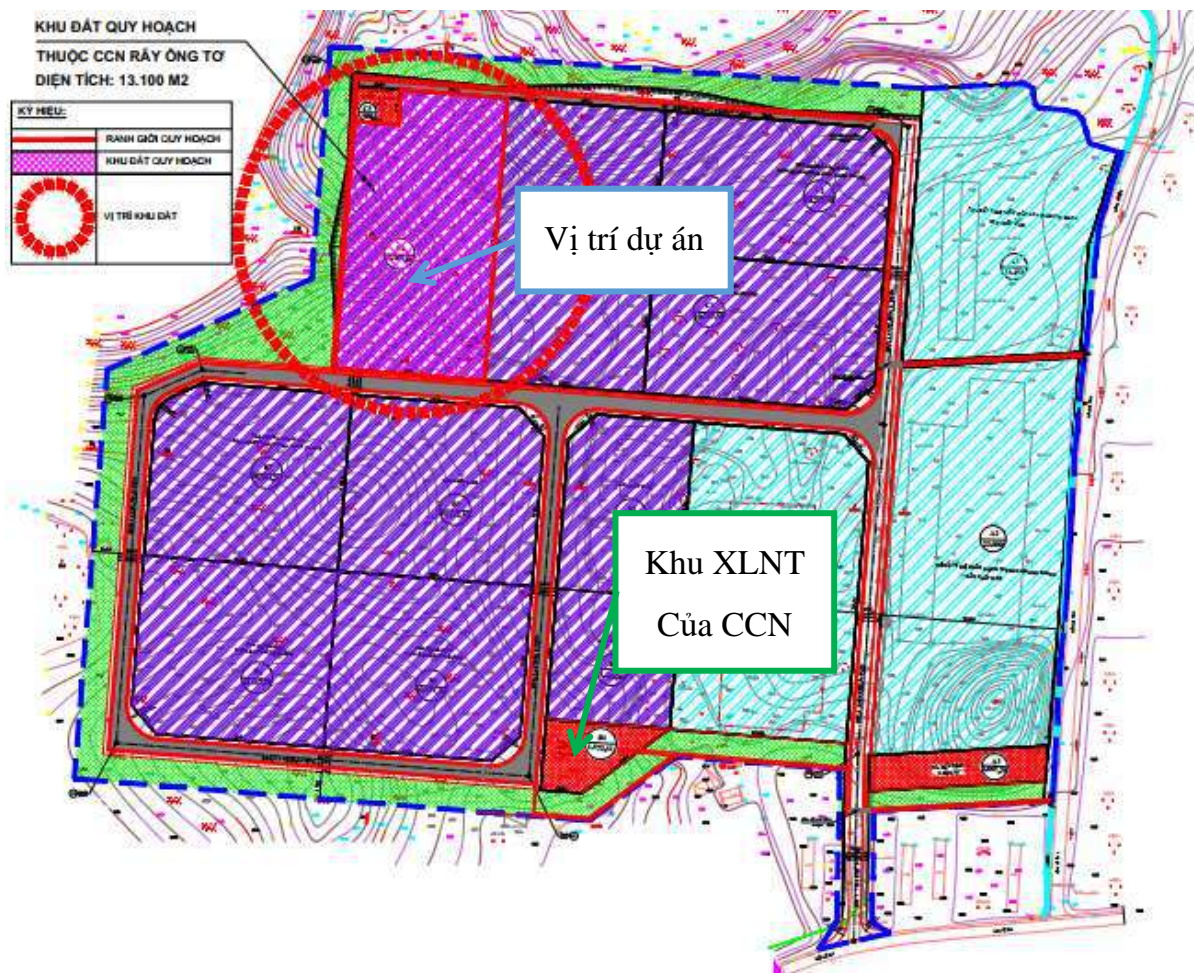
- Sơ đồ thu gom nước thải phát sinh dự án giai đoạn có hạ tầng khung thu gom, thoát nước thải chung của CCN, như sau:



Hình 4.6. Sơ đồ thu gom và công nghệ xử lý nước thải phát sinh của dự án giai đoạn CCN Rẫy Ông Thơ có hạ tầng khung thu gom, thoát nước thải chung CCN



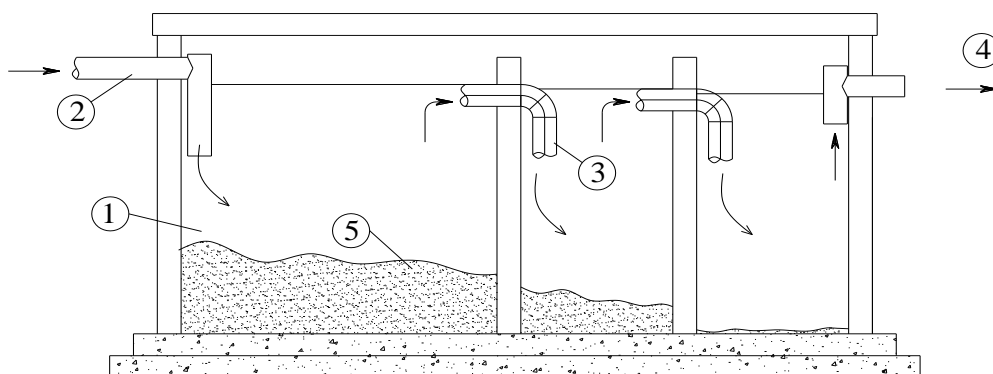
Hình 4.7. Vị trí đấu nối với hệ thống thoát nước thải chung của CCN Rẫy Ông Thọ
Vị trí khu xử lý nước thải chung của CCN Rẫy Ông Thọ như sau:



Hình 4.8. Vị trí khu xử lý nước thải chung CCN Rây Ông Thơ có hạ tầng khung thu gom, thoát nước thải chung CCN

2.1.3 Công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải

Dự án sẽ xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn bằng bê tông cốt thép, chống thấm đáy để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt.



Hình 4.9. Bể tự hoại 3 ngăn điển hình

Chú thích: 1. Bể tự hoại
2. Ống dẫn nước thải vào
3. Ống dẫn nước thải vào
4. Ống dẫn nước thải ra
5. Cặn lắng xuống đáy bể

3. Ống dẫn nước thải giữa các ngăn

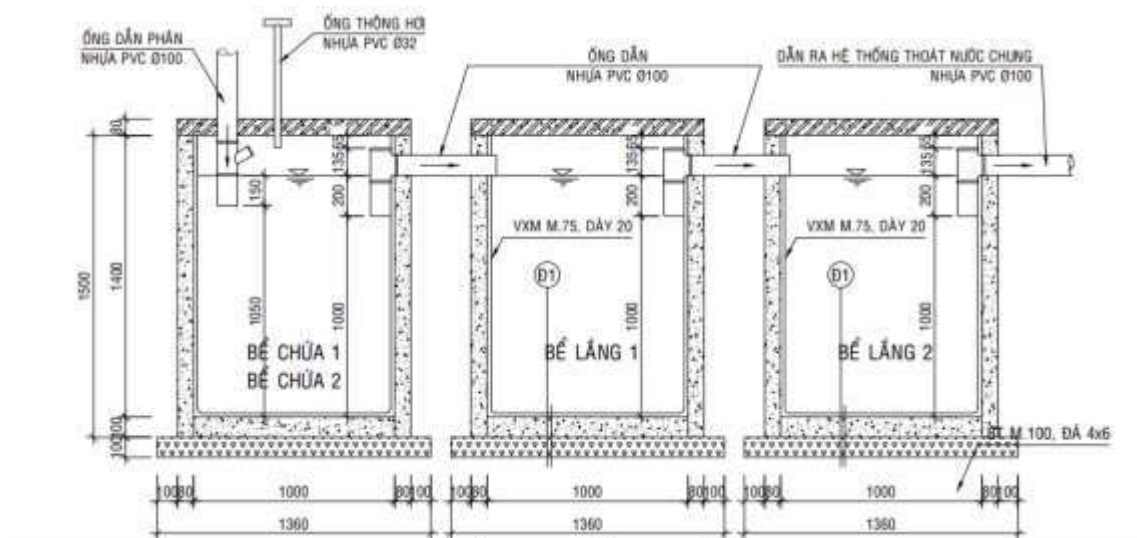
Cấu tạo của bể tự hoại 3 ngăn gồm ngăn chứa, ngăn lắng và ngăn lọc. Mỗi ngăn sẽ đảm nhiệm một chức năng, nhiệm vụ nhất định, cụ thể như sau:

- Ngăn chứa: Có nhiệm vụ chính là tiếp nhận nước thải, chất thải từ bồn cầu xuống. Đây là ngăn có diện tích lớn nhất trong tổng diện tích của bể tự hoại. Tại ngăn chứa, quá trình lên men và quá trình phân hủy chất thải trong nước sẽ được diễn ra; sau đó các chất thải sẽ được chuyển hóa thành bùn cặn lắng xuống đáy. Những chất thải khó phân hủy sẽ được chuyển tới ngăn xử lý tiếp theo.

- Ngăn lắng: Được thiết kế với diện tích chiếm khoảng 1/4 diện tích toàn bể tự hoại. Ngăn lắng có tác dụng chính trong việc xử lý chất thải khó phân hủy. Thông qua quá trình lắng, khi gặp môi trường thuận lợi, biến chất thải thành chất khí và thoát ra môi trường bên ngoài.

- Ngăn lọc: Thường có diện tích bằng ngăn lắng. Đây là nơi chứa chất thải nhẹ, lơ lửng trong nước từ ngăn lắng chuyển sang. Sau một thời gian, các chất thải này sẽ chìm xuống đáy bể, phần nước trong sẽ theo đường ống để thoát ra bên ngoài.

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sẽ cùng nước vệ sinh sàn và nước thải định kỳ vệ sinh và xả thải của các bể chứa nước rửa khung kim loại (1 lần/tuần) theo đường ống thu gom chảy về trạm xử lý nước thải cục bộ của dự án để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.



Hình 4.10. Mặt bằng, mặt cắt bể tự hoại 3 ngăn

Bể tự hoại cải tiến BASTAF thường được xây dựng với 5 ngăn tách biệt được điều chỉnh tính toán dung lượng và nồng độ dòng chảy chính xác qua các vách ngăn mỏng dòng hướng lên và ngăn lọc kỵ khí được hoạt động như sau.

- Bước 1: Chất thải được đưa tới bể chứa lớn nhất qua đường ống Ø100.

- Bước 2: Nước thải chưa được lắng hoàn toàn sẽ được đưa vào ngăn thứ hai qua 2 đường ống hay các vách ngăn hướng dòng giúp cho việc tạo dòng chảy, điều hòa dung lượng và nồng độ chất thải, ngăn làm lắng đọng chất thải, lên men kỵ khí.

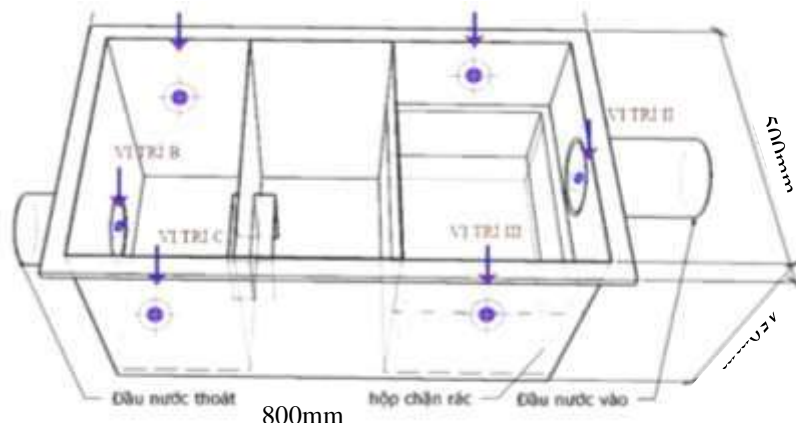
- Bước 3: Ở các ngăn tiếp theo nước thải được chuyển động theo chiều từ dưới lên trên sẽ tiếp xúc với các sinh vật kỵ khí ở lớp bùn dưới đáy bể ở điều kiện động. Các chất hữu cơ được các sinh vật kỵ khí hấp thụ và chuyển hóa giúp chúng phát triển bên trong của từng khoang bể chứa. Điều này sẽ giúp ta bóc tách riêng 2 pha là lên men axit và lên men kiềm nhờ phản ứng kỵ khí này.

- Bước 4: Tại các ngăn lọc cuối cùng của bể thì các vi sinh vật kỵ khí sống nhờ dính bám vào bề mặt các hạt vật liệu học sẽ ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo với nước làm sạch nước thải.

✚ Thiết bị tách dầu mỡ

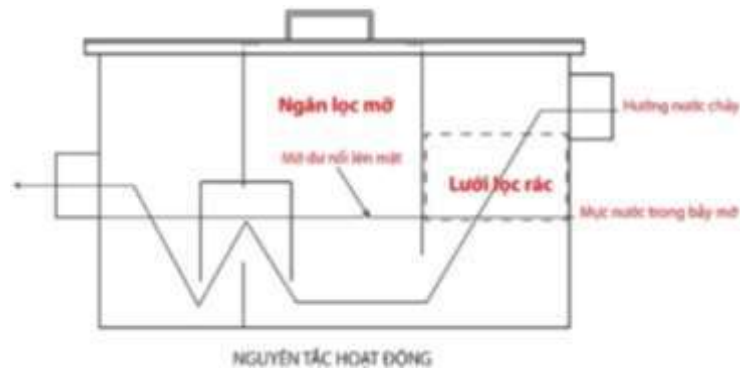
Công ty sẽ lắp đặt 1 thiết bị tách dầu mỡ tại khu bếp của nhà ăn để tách lượng dầu mỡ có trong nước thải nhà ăn trước khi dẫn về bể xử lý nước thải của dự án.

Bể tách dầu mỡ có thể tích 180 lít, kích thước bể D800 x R500 x C450, kết cấu bể bằng inox.



Hình 4.11. Bể tách dầu mỡ

Nước thải từ nhà ăn, bếp của dự án có chứa một lượng dầu, mỡ tương đối lớn sẽ được đưa vào ngăn chứa thứ nhất thông qua sọt rác được thiết kế bên trong, cho phép giữ lại các chất bẩn như các loại thực phẩm, đồ ăn thừa, xương hay các loại tạp chất khác...có trong nước thải. Chức năng này giúp cho bể tách mỡ làm việc ổn định mà không bị nghẹt rác. Sau đó, nước thải đi sang ngăn thứ hai, ở đây thời gian lưu dài đủ để mỡ, dầu nổi lên mặt nước. Còn phần nước trong sau khi mỡ và dầu đã tách ra lại tiếp tục đi xuống đáy bể và chảy ra ngoài. Lớp dầu mỡ sẽ tích tụ dần dần và tạo lớp váng trên bề mặt nước, định kỳ xả van để loại bỏ lớp dầu mỡ.



Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý cục bộ sẽ được thu gom đưa về trạm XLNT của dự án để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của CCN Rẫy Ông Thơ.

Trạm xử lý nước thải

- Với nước thải từ công đoạn rửa khung kim loại: Công đoạn này chủ yếu phát sinh nước thải từ bể nước rửa sau bể tẩy dầu và bể axit. Định kỳ 1 tuần, Nhà máy thực hiện vệ sinh và xả thải 1 bể chứa/ ngày. Việc vệ sinh và xả thải 03 bể chứa nước diễn ra trong 3 ngày liên tục. Vì vậy, tổng lượng nước thải sản xuất phát sinh với lưu lượng khoảng 1,3 m³/ngày. Lượng nước thải từ bể chứa nước thoát ra hố ga thu gom bằng ống nhựa HDPE D250mm, vào đường ống thoát nước thải bố trí dọc bên ngoài nhà xưởng dẫn về bể thu gom của Trạm XLNT cục bộ của dự án bằng đường ống nhựa HDPE D250mm, L=112m để xử lý nước thải.

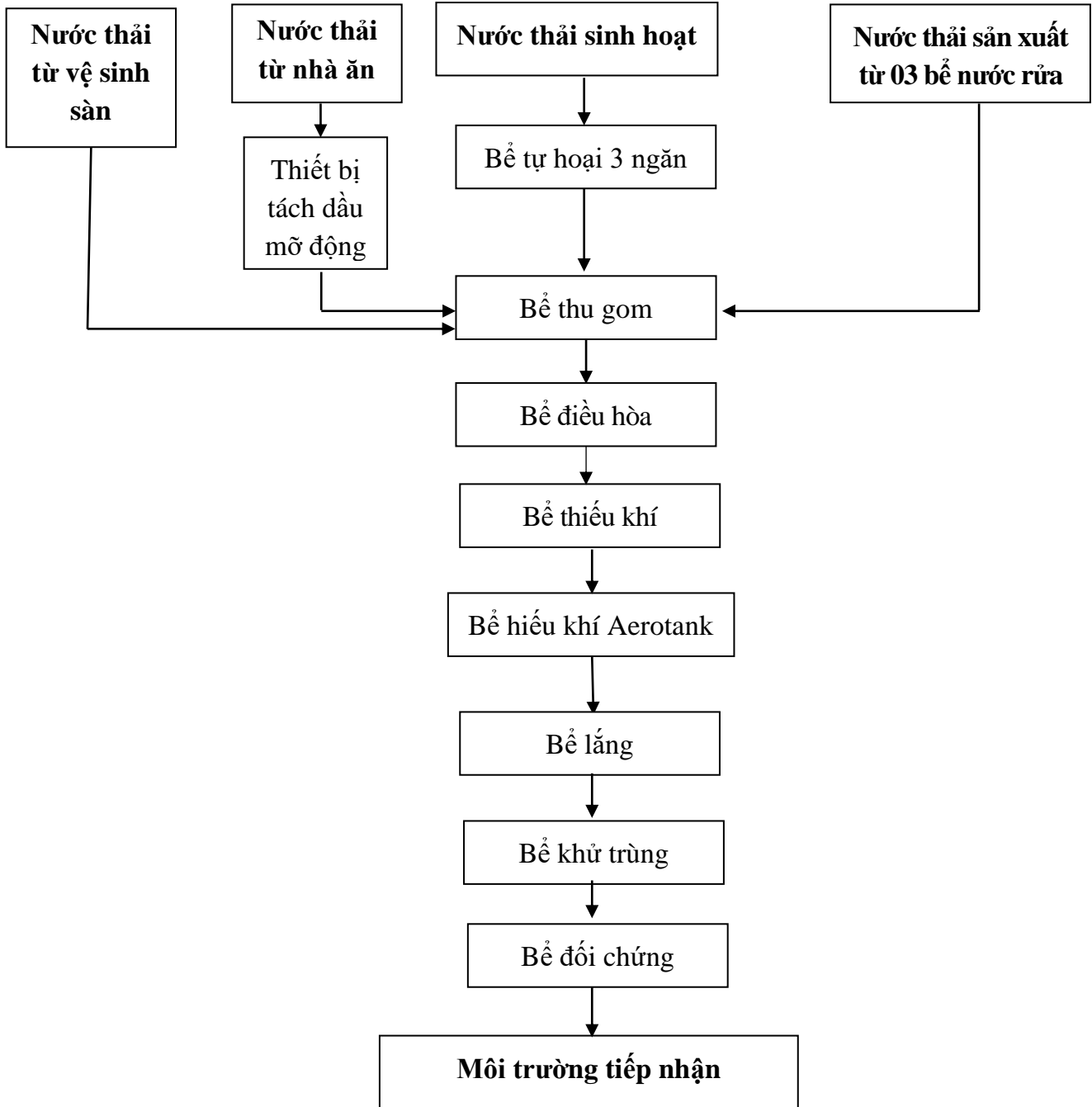
- Lượng nước thải sinh hoạt của dự án: 2,55m³ sau khi đi vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ. Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại được dẫn về bể thu gom của Trạm XLNT cục bộ.

- Lượng nước thải từ nhà ăn và rửa dụng cụ nấu ăn của dự án: 0,825m³ sau khi đi vào thiết bị tách dầu mỡ để loại bỏ dầu mỡ trong nước thải. Nước thải sau khi tách dầu mỡ thoát ra hố ga thu gom, sau đó được dẫn về bể thu gom của Trạm XLNT cục bộ của dự án.

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của dự án khoảng 4,67m³/ngày.đêm. Do đó, dự án sẽ xây dựng 01 Trạm xử lý nước thải với công suất 6 m³/ngày đêm để xử lý toàn nước thải sản xuất phát sinh. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, k_q = 0,9, k_f = 1,2 trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của CCN Rẫy Ông Thơ.

- Vị trí bố trí Trạm xử lý nước thải nằm ở phía Đông Nam dự án.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải của Nhà máy như sau:



Hình 4.12. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của dự án

✚ *Thuyết minh quy trình công nghệ*

▪ *Bể thu gom*

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ cùng nước vệ sinh sàn và nước thải định kỳ vệ sinh và xả thải các bể chứa nước rửa khung kim loại (1 lần/tuần) sẽ theo đường ống thu gom dẫn về bể thu gom để lưu chứa và chuẩn bị cho các công đoạn xử lý phía sau. Tại bể thu gom có lắp đặt giỏ tách rác để loại bỏ bớt một

phần rác thải có kích thước lớn có trong dòng nước thải, tránh làm ảnh hưởng đến các thiết bị xử lý phía sau.

▪ *Bể điều hòa*

Từ bể thu gom, nước thải sẽ được bơm lên bể điều hòa. Bể điều hòa có tác dụng điều hòa nồng độ các chất ô nhiễm và lưu lượng nước thải. Tại bể điều hòa sẽ được lắp đặt hệ thống phân phối khí nhằm tạo môi trường đồng đều toàn diện tích bể, ngăn ngừa hiện tượng lắng cặn ở bể sinh ra mùi khó chịu.

▪ *Bể thiếu khí Anoxic*

Nước thải từ bể điều hòa được đưa về bể sinh học thiếu khí (Anoxic). Tại bể Anoxic nước thải được phân phối nhiều trong bể theo hướng từ đáy bể lên. Trong bể có lắp đặt máy khuấy trộn chìm nhằm tạo môi trường thiếu khí cho vi sinh thiếu khí phát triển mạnh, làm tăng hiệu quả xử lý nitơ trong nước thải.

Sau quá trình xử lý trong bể, nước thải từ bể Anoxic tự chảy sang bể hiếu khí Aerotank.

▪ *Bể hiếu khí Aerotank*

Nước thải tiếp tục tự chảy sang bể Aerotank để xử lý. Tại bể Aerotank diễn ra quá trình sinh học hiếu khí, kết hợp giữa các điều kiện thuận lợi của quá trình xử lý bùn hoạt tính hiếu khí.

Không khí được tăng cường đưa vào bằng máy thổi khí, đảm bảo cung ứng đủ lượng oxy cho hoạt động sống của vi sinh vật để phân hủy các hợp chất hữu cơ.

Tại đây các chất hữu cơ (BOD, N, P) có trong nước thải sẽ được vi sinh vật hiếu khí sử dụng làm nguồn thức ăn để kiến tạo tế bào của chúng, sản phẩm của quá trình này chủ yếu là CO₂ và các sinh khối vi sinh.

Nước thải sau xử lý sinh học sẽ tự chảy vào bể lắng sinh học.

▪ *Bể lắng sinh học*

Tại bể lắng xảy ra quá trình tách chất rắn/lông xảy ra bởi trọng lực. Hỗn hợp bùn/nước trong bể Aerotank được dẫn sang ống trung tâm của bể lắng theo nguyên tắc tự chảy. Nhờ trọng lực của bông cặn, hỗn hợp nước thải được phân ra làm ba pha riêng biệt (pha bùn cặn, pha huyền phù, pha nước trong). Do đó, việc phân tách hoàn toàn thể rắn và nước trong ra hai pha tách biệt; các hạt huyền phù, bông cặn có tỷ trọng lớn sẽ dễ dàng lắng xuống đáy. Bùn lắng xuống đáy bể được thu về hố thu bùn trong bể. Bùn trong bể phần lớn sẽ được bơm bùn bơm tuần hoàn về bể Aerotank, phần bùn dư được bơm sang bể chứa bùn.

Nước thải sau lắng sẽ tự chảy sang bể khử trùng.

▪ *Bể khử trùng*

Có tác dụng loại bỏ các vi sinh vật gây bệnh, đặc biệt là Coliform có trong nước thải. Do đó để loại trừ khả năng lan truyền các vi sinh gây bệnh ra môi trường, nước thải

sẽ được châm Chlorine khử trùng trước khi chảy về bể đối chứng và xả thải ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, Kq = 0,9, Kf = 1,2)
- *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.*

▪ **Bể đối chứng**

Có tác dụng lưu chứa, lấy mẫu nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận

▪ **Bể chứa bùn**

Có nhiệm vụ lưu trữ các cặn lắng và giảm độ ẩm của bùn trước khi thải bỏ ra ngoài môi trường. Bùn này sau đó sẽ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

✚ **Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý**

- Trong giai đoạn đầu (khi hạ tầng thu gom và xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ chưa được xây dựng hoàn chỉnh): Nước thải sau khi xử lý được thu gom về hố ga thu gom nước thải của dự án sau đó được bơm cưỡng bức qua đường ống HDPE có đường kính D34mm lắp đặt chạy dọc theo đường ĐS2, ĐS5 đến Cống hộp BTCT, kích thước 2mx2m nằm trên đường ĐS1 của CCN cách dự án khoảng 350m về phía Đông Nam dự án, tọa độ X = 1.5443.387; Y = 583.473 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

- Về lâu dài (sau khi hạ tầng thu gom và xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ được xây dựng hoàn chỉnh): Nước thải phát sinh sau khi xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt tại Quyết định 2094/QĐ- UBND ngày 06/5/2024 của UBND huyện Tây Sơn tại vị trí hố ga trên đường ĐS2, tọa độ X = 1.543.634; Y = 583.220 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

❖ Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung

Bảng 4.7. Thông số kỹ thuật các công trình của trạm xử lý nước thải

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Bể thu gom - Kích thước: LxWxH = 2 x 2 x 2m - Vật liệu: đáy BTCT, tường xây gạch	BỂ	1
2	Bể điều hòa - Kích thước: LxWxH = 1 x 2 x 1,5m - Vật liệu: thép CT3 dày 3mm. Mặt trong phủ composite, mặt ngoài sơn Epoxy.	BỂ	1
3	Bể thiếu khí Anoxic - Kích thước: LxWxH = 1 x 2 x 1,5m	BỂ	1

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
	- Vật liệu: thép CT3 dày 3mm. Mặt trong phủ composite, mặt ngoài sơn Epoxy.		
4	BỂ hiếu khí Aerotank - Kích thước: LxWxH = 2 x 2 x 1,5m - Vật liệu: thép CT3 dày 3mm. Mặt trong phủ composite, mặt ngoài sơn Epoxy.	BỂ	1
5	BỂ lắng sinh học - Kích thước: LxWxH = 1,4 x 2 x 1,5m - Vật liệu: thép CT3 dày 3mm. Mặt trong phủ composite, mặt ngoài sơn Epoxy.	BỂ	1
6	BỂ khử trùng - Kích thước: LxWxH = 0,6 x 2 x 1,5m - Vật liệu: thép CT3 dày 3mm. Mặt trong phủ composite, mặt ngoài sơn Epoxy.	BỂ	1
7	BỂ đối chứng - Kích thước: LxWxH = 0,6 x 0,6 x 1m - Vật liệu: đáy BTCT, tường xây gạch	BỂ	1
8	BỂ chứa bùn - Thể tích: 1.000 lít - Vật liệu: nhựa	BỂ	1

❖ Thông số kỹ thuật các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung

Bảng 4.8. Danh mục máy móc thiết bị của trạm XLNT

Stt	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
I	BỂ thu gom			
1	Giỏ tách rác - Vật liệu: inox 304 - Kích thước khe lọc: 5mm	Việt Nam	Cái	01
2	Bơm nước thải - Công suất: 0,25 kW - Cột áp max: 10m - Lưu lượng max: 3 m ³ /h - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Đài Loan/ hoặc tương đương	Cái	02
II	BỂ điều hòa			

Stt	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
3	Bơm nước thải - Công suất: 0,25 kW - Cột áp max: 10m - Lưu lượng max: 3 m ³ /h - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Đài Loan/ hoặc tương đương	Cái	01
4	Đĩa thổi khí thô - Lưu lượng: 0 - 13 m ³ /h - Đường kính tổng: 127mm - Vật liệu: khung ABS - Đầu nối: ren 27mm	EDI – Mỹ/ hoặc tương đương	Cái	03
III	Bể thiếu khí Anoxic			
5	Motor khuấy trộn - Công suất: 0,25 kW - Tốc độ: 20 - 40 vòng/phút - Điện áp: 1phase/220V/50Hz - Bao gồm: trục và cánh khuấy inox 304	Đài Loan/ hoặc tương đương	Bộ	01
IV	Bể hiếu khí Aerotank			
6	Máy thổi khí - Công suất: 1,5 kW - Cột áp: 4m - Tốc độ: 1450 vòng/phút - Điện áp: 3phase/380V/50Hz - Bao gồm: máy chính, van 1 chiều, van an toàn, khung đế, pully motor,... - Motor: Eneritech – Úc/ 3phase/380V/50Hz	Đài Loan/ hoặc tương đương	Cái	02
7	Đĩa thổi khí tinh - Lưu lượng: 0 - 9 m ³ /h - Đường kính tổng: 277mm - Vật liệu: khung GFPP, màng EPDM - Đầu nối: ren 27mm	EDI – Mỹ/ hoặc tương đương	Cái	06
8	Giá thể sinh học - Vật liệu: nhựa	Việt Nam	Hệ	01
9	Bồn nuôi cấy men vi sinh - Thể tích: 300 lít - Vật liệu: nhựa	Việt Nam	Cái	01
10	Men vi sinh	Việt Nam	Hệ	01

Stt	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
11	Bơm định lượng men vi sinh - Công suất: 0,2 kW - Lưu lượng max: 15,2 lít/h - Áp lực: 1 bar - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Đài Loan/ hoặc tương đương	Cái	01
V	BỂ LẮNG SINH HỌC			
12	Ống lắng trung tâm + máng thu nước + máng răng cưa - Kích thước ống lắng: DxH = 0,4 x 1m - Bề rộng máng thu nước: 150mm - Chiều cao máng răng cưa: 200mm - Vật liệu: inox 304 dày 1,2mm	Việt Nam	Bộ	01
13	Bơm bùn - Công suất: 0,1 kW - Cột áp: 4,5m - Lưu lượng max: 3 m ³ /h - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Đài Loan/ hoặc tương đương	Cái	01
VI	BỂ KHỬ TRÙNG			
14	Bồn hóa chất - Thể tích: 300 lít - Vật liệu: nhựa	Việt Nam	Cái	01
15	Motor khuấy bồn hóa chất - Công suất: 90W - Điện áp: 1pha/220V/50Hz - Vỏ đúc: Vỏ thép	Đài Loan/ hoặc tương đương	Cái	01
16	Bơm định lượng hóa chất - Công suất: 0,2 kW - Lưu lượng max: 15,2 lít/h - Áp lực: 1 bar - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Đài Loan/ hoặc tương đương	Cái	01
VII	BỂ ĐỔI CHỨNG			
17	Đồng hồ đo lưu lượng - Kích thước lỗ: Ø42 - Kèm lưới lọc thô	Việt Nam	Cái	01

2.1.4. Nước mưa chảy tràn

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Nước chảy trên bề mặt khu vực bao gồm: nước mưa, nước tưới cây được thu gom vào hệ thống mương có nắp đan D500mm, L=399m bố trí dọc khu nhà xưởng, nhà văn phòng + trung bày, nhà ăn và nghỉ công nhân và sân đường nội bộ để tổ chức thu gom nước mưa, trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của CCN Rẫy Ông Thọ trên đường ĐS2 ở phía Nam dự án ngay cổng chính ra vào dự án.

- Nước mưa tại khu vực cây xanh và thảm cỏ chủ yếu là tự thấm.

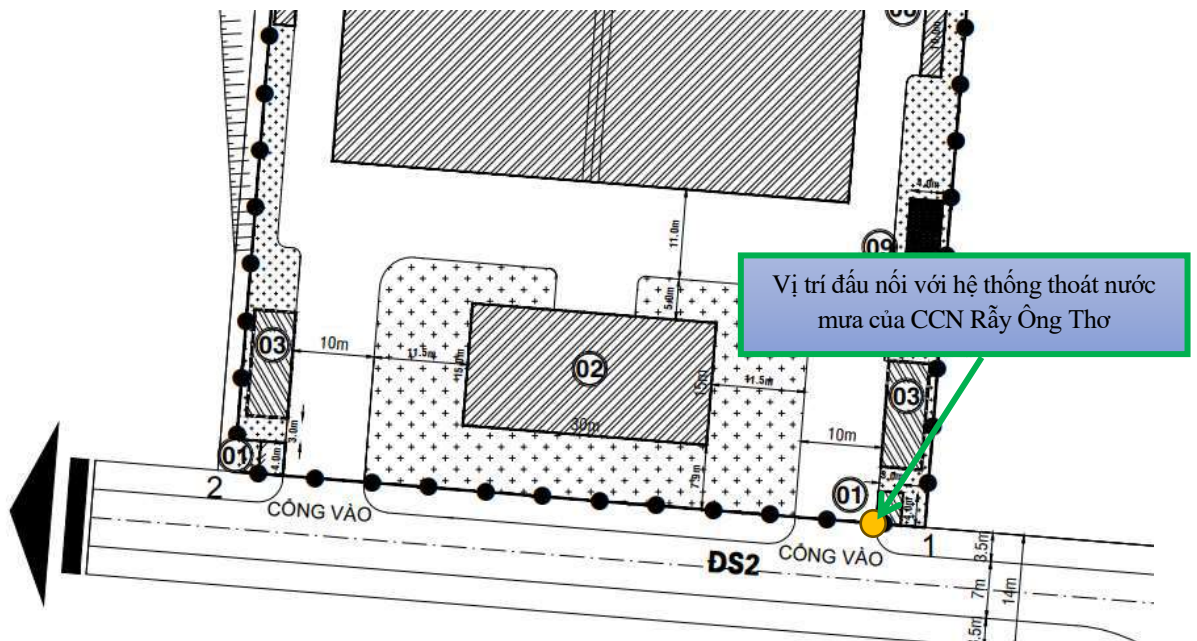
- Mương thoát nước mưa đặt dưới lòng đường nội bộ, các tuyến mương thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Đảm bảo độ dốc tối thiểu $i_{min} = 1/D$ và vận tốc tối thiểu.

- Để thuận tiện cho việc nạo vét và kiểm tra, hố ga được bố trí tại các điểm đổi hướng tuyến. Các tuyến mương đầy đan được thiết kế theo độ dốc đường, đảm bảo độ dốc theo quy định.

- Hệ thống mương thu nước xây bằng BTCT, tấm đan BTCT đục lỗ, mương rộng 0,5m với độ dốc 0,1%, đảm bảo thoát nước tốt tránh bị ngập úng cho công trình gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất.

Bảng 4.9. Hệ thống đường ống thu gom nước mưa của dự án

Stt	Hạng Mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Mương đầy đan D500mm	m	399
2	Hố Ga	cái	09



Hình 4.13. Vị trí đầu nối thoát nước mưa của dự án

2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a) Giảm thiểu ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm

Trong quá trình hoạt động của dự án, để giảm thiểu ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông vận tải, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau để hạn chế tối đa lượng bụi, khí thải phát sinh:

- Phương tiện được sử dụng để vận chuyển nguyên liệu phải có thùng kín, đảm bảo không phát tán ra môi trường trong quá trình vận chuyển.
- Đối với phương tiện giao thông, Chủ dự án sẽ bố trí khu vực đỗ xe gần công ra vào, các xe chạy trong khuôn viên Nhà máy phải giảm tốc độ trong giới hạn tốc độ cho phép.
- Tận dụng tối đa điều kiện thuận lợi về giao thông của dự án nhằm phân luồng xe ra vào hợp lý và thuận tiện.
- Xe vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm phải tắt máy trong thời gian bốc xếp.
- Bê tông hóa khu vực sân bãi, đường nội bộ; bố trí công nhân quét dọn sân đường nội bộ Nhà máy.
- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, kho chứa và khu vực đỗ xe để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.
- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa định kỳ, tăng hiệu quả đốt cháy nhiên liệu của động cơ. Không sử dụng xe, máy quá cũ để vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm.

- Nhân viên lái xe có bằng cấp, chứng chỉ phù hợp với loại xe đang vận chuyển, nắm vững và lái xe đúng luật an toàn giao thông, hạn chế tối đa các tai nạn có thể xảy ra khi vận chuyển; chở đúng trọng tải được cấp phép.

b) Giảm thiểu bụi từ quá trình tập kết, bốc dỡ nguyên liệu

- Hoạt động bốc dỡ được cơ giới hóa, sử dụng các loại xe chuyên dụng để đưa nguyên liệu về kho chứa, khu vực sản xuất, nhà chứa thành phẩm, hạn chế sử dụng lao động thủ công.

- Hạn chế bốc dỡ nguyên liệu khi trời có gió lớn để giảm thiểu bụi phát tán ra xa.

- Tập trung nhân lực, thiết bị hoàn thành việc bốc dỡ trong thời gian ngắn.

- Quét dọn thường xuyên sân đường nội bộ mặt bằng Nhà máy để tránh bụi tích tụ phát tán theo gió ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp xung quanh.

c) Đối với bụi, khí thải từ quá trình sản xuất

- Để ngăn ngừa ô nhiễm ngay từ đầu vào, Công ty đã lựa chọn công nghệ sản xuất hiện đại với thiết bị đồng bộ và tiên tiến nhất trong nước hiện nay.

- Giải pháp che chắn, chụp hút, và bịt kín nơi sinh bụi như vị trí cấp liệu,...; đồng thời công nhân trực tiếp sản xuất được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như: quần, áo, giày, mũ, găng tay, khẩu trang.

- Nhà xưởng xây dựng thông thoáng, có lắp đặt các quạt thông gió công nghiệp để tạo lượng không khí luân chuyển tại nơi làm việc của công nhân.

- Bố trí khu vực hàn thông thoáng, xung quanh có cửa thông hơi để thoát khí hàn phát sinh ra bên ngoài. Khi thực hiện thao tác hàn, bố trí khoảng cách giữa mỗi công nhân từ 3 - 4m để đảm bảo công nhân không bị ảnh hưởng của các tia lửa điện.

- Trang bị đầy đủ kính hàn phòng tia bức xạ và khẩu trang lọc bụi, khí thải và các đồ bảo hộ lao động cho công nhân như mũ, quần áo,... theo quy định.

- Trang bị các máy quạt công nghiệp tại các vị trí phát sinh khói hàn để lưu thông không khí và đẩy lượng khí này ra bên ngoài. Thường xuyên tập huấn cho công nhân để nâng cao hiểu biết, tay nghề về các biện pháp an toàn trong nghề hàn.

- Đối với các mặt sắt, sắt vụn từ quá trình cắt định hình sẽ dùng máy hút bụi để thu gom và xử lý.

- Xưởng may được xây dựng rộng rãi, thông thoáng nhằm hạn chế bụi vải phát tán trong không khí ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân làm việc tại các xưởng của Nhà máy.

- Thực hiện quét dọn, vệ sinh ngay sau khi kết thúc ca làm việc tại các xưởng làm việc.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy với diện tích trên 20% tổng diện tích khuôn viên Nhà máy. Xung quanh hàng rào Nhà máy, Công ty tổ chức trồng hàng phi lao, mỗi cây cách nhau 02 mét tạo thành hàng rào che chắn bụi và hấp thụ khí độc hại, nhằm tạo môi trường xanh - sạch - đẹp cho công nhân làm việc tại Nhà máy.

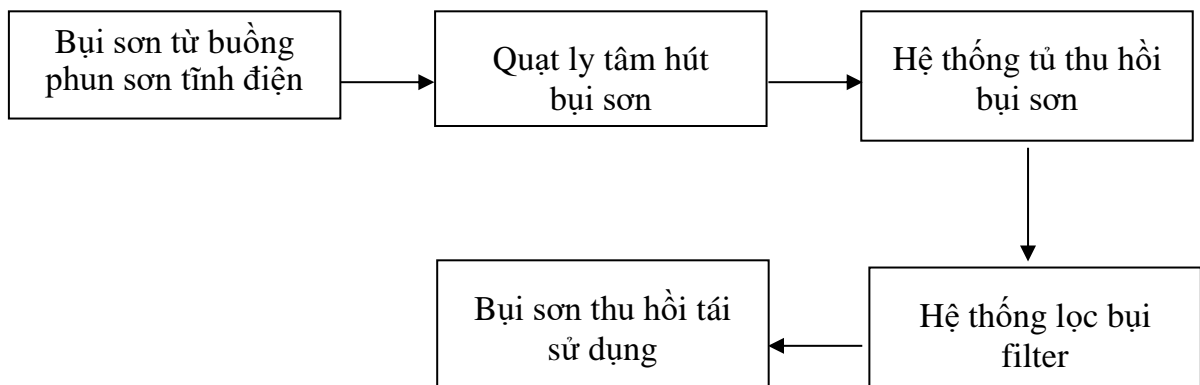
Bụi từ hệ thống phun sơn tĩnh điện

- Bụi sơn phát sinh từ quá trình sơn tĩnh điện các sản phẩm cơ khí, được thực hiện theo quy trình khép kín tại buồng sơn. Buồng sơn có cấu tạo gồm hệ thống vách ngăn tạo thành phòng kín, hệ thống hút bụi bột sơn gồm các quạt ly tâm có công suất lớn, hệ thống tủ thu hồi bụi sơn, hệ thống lọc gồm filter (có cấu tạo bằng nhựa), van solenoid và hệ thống điều khiển. Khi công nhân phun bột sơn từ súng phun sơn lên các khung kim loại trong phòng sơn, các hạt sơn không bám lên bề mặt kim loại (phân tán trong không gian phòng sơn) sẽ được quạt ly tâm hút hết vào tủ thu hồi sơn, qua bộ phận lọc filter. Sau đó, van solenoid sẽ rũ bột sơn xuống ngăn kéo để tái sử dụng tiếp, nhằm tránh lãng phí và không gây ô nhiễm môi trường.

- Nhà máy sử dụng sơn bột, không sử dụng sơn nước nên khi sơn sẽ không phát sinh hơi dung môi phun sơn. Trong thành phần của sơn tùy vào từng loại khác nhau mà các thành phần sẽ khác nhau. Thành phần chính chủ yếu có trong sơn là chì, chì có trong sơn để chống gỉ, làm cho màu sắc được tươi và nhanh khô hơn. Trong điều kiện làm việc liên tục nếu không có thiết bị thu hồi, bụi sơn có thể phát tán vào không khí trong nhà xưởng làm phát sinh mùi hóa chất trong thành phần sơn; nồng độ càng đậm thì gây mùi gắt, khó chịu ảnh hưởng chủ yếu đến công nhân làm việc trực tiếp.

- Tuy nhiên, phương pháp phun sơn được áp dụng tại Nhà máy là phun sơn tĩnh điện trong buồng kín và có trang bị hệ thống thu hồi sơn đồng bộ cùng với buồng sơn tĩnh điện nên cũng sẽ giảm đáng kể tác động này, lượng rò rỉ ra bên ngoài (nếu có) chỉ tác động chủ yếu đến công nhân lao động tại Nhà máy, còn các đối tượng xung quanh dự án tác động không đáng kể.

- Sơ đồ quy trình thu gom bụi sơn như sau:

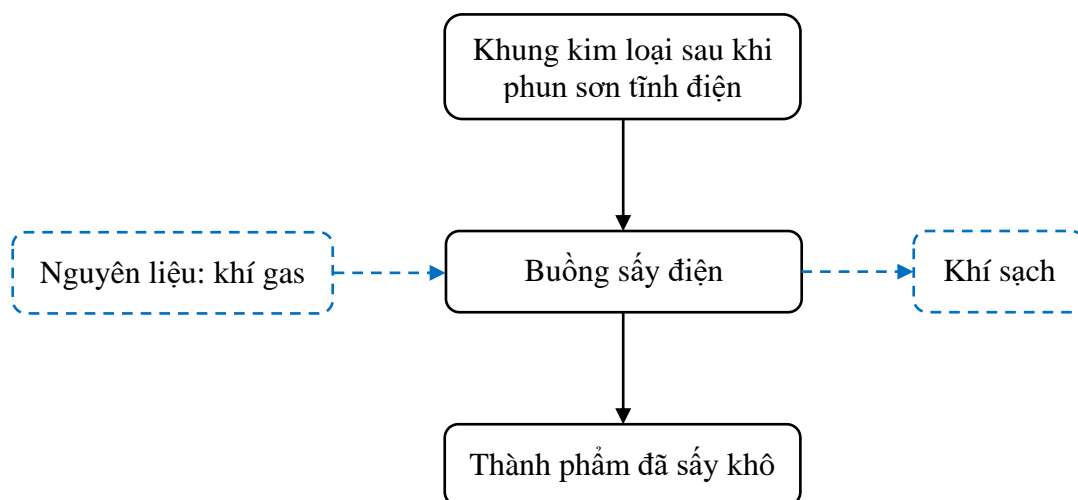


Hình 4.14. Sơ đồ quy trình thu gom bụi sơn từ hệ thống phun sơn tĩnh điện

➤ Cấu tạo hệ thống phun sơn tĩnh điện:

- + Buồng phun sơn: gồm 01 Cyclone, Filter lọc sơn, Quạt thu hồi sơn, Hệ thống rửa bột sơn, Phòng cấp sơn.
- + Bộ chuyển động tịnh tiến: công suất 2HP.
- + Hệ thống súng phun sơn tĩnh điện tự động: gồm 02 súng + 02 bộ bơm; thùng cấp sơn, dây dẫn bột sơn, tủ điện điều khiển.
- + Hệ thống băng tải.
- + Buồng sấy điện: có quạt hút khói công suất 1HP.

- Quy trình hoạt động của lò sấy:



Hình 4.15. Sơ đồ quy trình hoạt động của buồng sấy điện

✚ Thông số kỹ thuật của hệ thống thu hồi bụi sơn và buồng sấy điện được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.10. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu hồi bụi sơn và buồng sấy điện

Stt	Hệ thống	Thông số kỹ thuật
1	Hệ thống thu hồi bụi sơn	- Số lượng: 01 hệ thống - Cyclone tách và thu hồi bột sơn: 01 cái - Kích thước cyclone: DxH = 1.200 x 3.200mm - Vật liệu cyclone: tole dày 3mm - Filter lọc bụi sơn PE: 10 cái (H320 x H900mm) - Quạt thu hồi sơn: 01 bộ, công suất 20HP
2	Buồng sấy điện	- Số lượng: 01 cái - Kích thước: DxRxH = 10 x 2 x 3m - Quạt hút: 01 cái, công suất 1HP - Tháp hấp thụ xử lý hơi sơn: 01 bộ, kích thước DxH = 800 x 2.500mm (bao gồm cả chân tháp)

✚ Hơi axit phát sinh từ bể chứa axit HCl 15%

- Hơi axit từ bể chứa axit: Hơi axit rất độc hại đối với sức khỏe con người và làm hư hỏng các vật dụng hay máy móc bằng kim loại. Tuy nhiên, trong Nhà máy chỉ bố trí 01 bể chứa axit. Bên cạnh đó, nồng độ axit sử dụng có nồng độ rất loãng (15%). Cho nên, trong quá trình sản xuất tại Nhà máy, hơi axit tại bể chứa có phát sinh nhưng với nồng độ rất thấp, không gây tác động đáng kể. Công ty sẽ trang bị các đồ dùng bảo hộ lao động như kính, khẩu trang, găng tay,... cho công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực này để hạn chế các tác động đến công nhân trong quá trình làm việc.

- Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ các thùng chứa rác.

- Thu gom toàn bộ chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

- Trang bị các thùng chứa CTR có nắp đậy kín và thường xuyên vệ sinh các thùng chứa. Tránh tình trạng lưu giữ CTR quá lâu gây phát sinh mùi hôi.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ đến thu gom CTR, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Khuyến khích mọi người nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

✚ Chất thải rắn sinh hoạt

a) Thành phần, khối lượng

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên như: Chai lọ, giấy vụn, thức ăn thừa,... Định mức phát thải là 0,8kg/người/ngày, với số lượng lao động là 50 người thì tổng lượng chất thải rắn phát sinh khi Nhà máy đi vào hoạt động là 40 kg/ngày.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý, quản lý

- Công ty sẽ trang bị các thùng đựng rác chuyên dụng có nắp đậy đặt tại các khu vực Nhà máy như: văn phòng, xưởng sản xuất, khu vực sinh hoạt của công nhân, sân đường nội bộ, nhà vệ sinh,... để thu gom chất thải sinh hoạt của công nhân.

- Đối với các CTR có khả năng tái chế như: vỏ lon, chai nhựa, bao bì carton,... sẽ được Công ty thu gom, lưu giữ vào khu Nhà chứa chất thải rắn thông thường được bố trí ở khu vực phía Đông Nam ,cạnh nhà điều hành trạm XLNT của dự án, và sẽ bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đối với các loại CTR không có khả năng tái chế sẽ được thu gom, lưu giữ trong các thùng rác chuyên dụng có nắp đậy kín, định kỳ theo tần suất thu gom, công nhân vệ sinh sẽ tập kết các thùng chứa CTR về khu vực công để đơn vị có chức năng đến vận chuyển và xử lý theo quy định (Công ty Môi trường huyện Tây Sơn).

- Xây dựng quy định yêu cầu công nhân làm việc tại Nhà máy không vứt, xả rác bừa bãi, không đúng đúng nơi quy định của Nhà máy.

- Các biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt của Nhà máy được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

✚ *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*

➤ *Khối lượng bùn thải phát sinh từ trạm XLNT cục bộ:*

Dựa theo tài liệu TCVN 7957:2023 Hệ số tải lượng lấy theo TCVN 7957:2023: Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – tiêu chuẩn thiết kế, nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt được tính toán trong bảng sau:

Bảng 4.11. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt (chưa qua BTH)

Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải* (g/người/ngày)	Tải lượng chất ô nhiễm (kg/ngày)	Nồng độ các chất ô nhiễm trước xử lý (mg/l)	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B, K = 1,2)
BOD ₅	55– 60	2,75- 3,0	588,86 - 642,39	60
TSS	60– 65	3,0 – 3,25	642,39 - 695,93	120

Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải* (g/người/ngày)	Tải lượng chất ô nhiễm (kg/ngày)	Nồng độ các chất ô nhiễm trước xử lý (mg/l)	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B, K = 1,2)
Nito Amoni (NH ₄ -N)	8-10,5	0,4 - 0,525	85,65 - 112,42	12
Tổng Phosphat	1,1-2,2	0,055 - 0,11	11,77 - 23,55	12

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Cột B - quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B₁ và B₂ của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

Dựa theo “Tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải của Trịnh Xuân Lai (NXB xây dựng)” và Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải trong giai đoạn hoạt động của dự án. Lượng bùn dư đi vào bể chứa bùn:

$$G = (Q \times (0,8 \times \text{TSS} + 0,3 \times \text{BOD}_5)) - (Q \times 0,6 \times \text{TSS}) \text{ (kg/ngày)}$$

Trong đó:

- Q: lưu lượng nước thải phát sinh (m³/ngày), Q = 4,67 m³/ngày.
- m_{TSS}: nồng độ TSS trước khi xử lý đầu vào lớn nhất của trạm xử lý nước thải (mg/L).
- m_{BOD5}: nồng độ BOD₅ trước khi xử lý đầu vào của trạm xử lý nước thải (mg/L).
- Lượng bùn dự kiến phát sinh từ trạm XLNT của dự án được tính như sau:

$$G = (4,67 \times (0,8 \times 696 + 0,3 \times 642)) - (4,67 \times 0,6 \times 696) = 0,155 \text{ kg/ngày} \approx 4,65 \text{ kg/ tháng.}$$

Như vậy, lượng bùn dư phát sinh từ trạm XLNT cục bộ: 4,65kg/tháng.

Chủ yếu chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất là sắt vụn, dây đan nhựa giả mây hồng, mousse vụn, mousse hồng, bao bì carton, nhựa chưa đạt tiêu chuẩn,... phế phẩm thải ra trong quá trình sản xuất cơ khí và sản xuất đan nhựa giả mây và sản xuất đệm mousse phát sinh sẽ được bán cho các đơn vị có nhu cầu trên địa bàn. Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh hằng ngày tại Nhà máy và tiến hành phân loại nhằm giảm thiểu lượng CTR đem đi xử lý. Cụ thể như sau:

Bảng 4.12. Dự báo khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/tháng)
01	Sắt vụn	Rắn	792,86
02	Nhựa giả mây vụn, hỏng	Rắn	231
03	Mousse vụn, hỏng	Rắn	4.500
04	Vải vụn, hỏng	Rắn	125
05	Bao bì carton	Rắn	28
06	Chỉ vụn	Rắn	9
Tổng cộng:			5.685,86

- Đối với các loại chất thải rắn có khả năng tái chế như sắt vụn, bao bì carton, nhựa, dây đan nhựa giả mây hỏng ... được thu gom riêng và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đối với các loại chất thải rắn không có khả năng tái chế như vải vụn, chỉ vụn,... sẽ được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với bùn thải từ trạm xử lý nước thải của Nhà máy được bơm về bể chứa bùn và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Bố trí 05 thùng rác chuyên dụng có nắp đậy tại các khu vực sản xuất để phân loại, thu gom CTR sản xuất. Tiến hành vệ sinh quét dọn, thu gom lượng CTR sản xuất phát sinh tại xưởng, khu vực sản xuất sau mỗi ngày làm việc hay sau một mẻ cắt hàng, sau đó tập kết lại tại vị trí Nhà chứa CTR thông thường được bố trí ở khu vực phía Đông Nam, cạnh nhà điều hành trạm XLNT của dự án với diện tích 10m² và hợp đồng với đơn vị chức năng trên địa bàn đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

☀️ Chất thải nguy hại, CTPKS

Chất thải nguy hại phát sinh từ trong quá trình hoạt động của nhà máy chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; Bộ lọc dầu (trong máy nén khí, thiết bị sản xuất khác); pin, ắc quy chì thải. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được dự báo như sau.

Bảng 4.13. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
02	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn/lỏng	15	17 02 03
03	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	5	19 06 01
Tổng cộng:			25	

Chất thải phải kiểm soát phát sinh từ trong quá trình hoạt động của nhà máy chủ yếu là que hàn thải, bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại,... Thành phần và khối lượng CTPKS phát sinh tại nhà máy được dự báo như sau:

Bảng 4.14. Dự báo khối lượng CTPKS phát sinh

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã chất thải
01	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	m ³ /năm	8	07 01 06
02	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình tẩy dầu mỡ	Lỏng	m ³ /năm	10	07 01 07
03	Que hàn thải	Rắn	kg/năm	65	07 04 01
04	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	kg/năm	25	18 01 03
05	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	kg/năm	15	18 02 01
Tổng cộng:				123	

- Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình tẩy dầu mỡ và dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại định kỳ khoảng 06 đến 12 tháng hoặc theo tình hình hoạt động sản xuất của Nhà máy sẽ hợp đồng với đơn vị có chức đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Công ty không lưu giữ CTNH và CTCNPKS tại dự án quá 12 tháng.

- Bố trí công nhân thu gom, phân loại CTNH, CTPKS không để chất thải nguy hại, CTPKS lẫn với các nguồn chất thải khác làm gia tăng khối lượng chất thải nguy hại của dự án.

- Sử dụng 06 thùng chứa CTR thể tích 120 lít, màu vàng để lưu giữ tạm thời lượng CTNH, CTPKS phát sinh.

- CTNH, CTPKS được chứa trong nhà chất thải nguy hại phía Đông Nam Nhà máy, cạnh nhà điều hành trạm XLNT của dự án với diện tích khu vực chứa chất thải là 10m², bố trí tách biệt với khu vực chứa CTRSH và CTRTT; kết cấu nhà kho: tường xây gạch kín, nền bê tông chống thấm, mái lợp tôn, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có cửa lấy chất thải và lắp đặt biển dấu hiệu cảnh báo về chất thải nguy hại với kích thước ít nhất 30cm mỗi chiều.

- Mỗi loại chất thải được lưu chứa trong từng khu vực riêng biệt nhằm tránh khả năng các loại chất thải phản ứng với nhau.

- Khu vực lưu chứa CTNH dạng lỏng hay bùn được xây gờ chắn bao quanh cao 10÷15cm đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, tràn đổ.

- Ngoài ra, khu vực nhà kho chứa CTNH và CTPKS còn được trang bị thiết bị PCCC theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về PCCC theo quy định của pháp luật.

- Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hậu Sanh) đến thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh từ Nhà máy. Tần suất thu gom, vận chuyển khoảng 1 - 2 lần/năm.

Các biện pháp quản lý CTNH, CTPKS của Nhà máy được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

- Xưởng sản xuất được bao che vách tường bằng tole, hạn chế tối đa âm thanh do máy móc phát tán ra bên ngoài.

- Khu vực văn phòng làm việc được lắp đặt các cửa kính để hạn chế bụi và tiếng ồn trong quá trình sản xuất gây ra.

- Công nhân vận hành trực tiếp được trang bị quần áo bảo hộ lao động, nút bịt tai, bố trí thời gian làm việc xen kẽ để đảm bảo sức khỏe và hiệu quả công việc.

- Không vận hành thiết bị, máy móc vượt quá công suất thiết kế.

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo luôn hoạt động trong tình trạng tốt.

- Thường xuyên kiểm tra độ mòn của các chi tiết máy móc, thiết bị và định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn, tra dầu mỡ nhất là các ổ trục, ổ bi của thiết bị.

- Bê đặt thiết bị, máy móc đảm bảo xây dựng đủ khối lượng cần thiết ở những nơi có độ rung lớn. Chân đế máy được lắp đặt cố định và chắc chắn vào bê đặt và được bổ sung các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của máy để giảm rung.

- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm khi vào Nhà máy phải hạn chế tốc độ, tắt máy khi chờ hàng hoặc bốc dỡ nguyên liệu.

- Trồng cây xanh theo đúng hồ sơ quy hoạch: trồng trên 20% diện tích cây xanh trên tổng diện tích khuôn viên Nhà máy. Xung quanh hàng rào Nhà máy trồng hàng phi lao, mỗi cây cách nhau 02 mét tạo thành hàng rào che chắn bụi và hấp thụ khí độc hại,...

- Không thực hiện các công đoạn sản xuất phát ra tiếng ồn lớn vào các thời điểm nhạy cảm (buổi tối và sáng sớm: từ 19h00' hôm trước tới 7h00' sáng hôm sau và buổi trưa: từ 11h30' tới 13h00').

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

An toàn lao động

Là một Nhà máy xây dựng mới với khối lượng công việc lớn nên kỹ thuật an toàn cho con người và thiết bị trong sản xuất được đặt lên hàng đầu.

- Công nhân được trang bị các dụng cụ bảo hộ như găng tay, ủng, khẩu trang, giày bảo hộ,... trong quá trình làm việc, sản xuất tại Nhà máy.

- Hướng dẫn công nhân vận hành các thiết bị, máy móc sản xuất đúng quy trình và đảm bảo an toàn lao động; đảm bảo an toàn cho máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành sản xuất; không vận hành vượt quá công suất thiết kế của thiết bị.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng cho các thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất.

- Hệ thống chiếu sáng hoạt động tốt đảm bảo đủ ánh sáng cho công nhân làm việc.

- Phổ biến, tuyên truyền cho cán bộ, công nhân Nhà máy về các quy tắc an toàn trong sản xuất công nghiệp và khi tham gia giao thông.

- Thường xuyên kiểm tra và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ tiềm ẩn gây tai nạn lao động để kịp thời khắc phục và ngăn chặn sự cố có thể xảy ra.

- Trang bị tủ thuốc sơ cấp cứu sẵn sàng ứng phó nếu có sự cố xảy ra.
- Tổ chức kiểm tra khám sức khỏe công nhân định kỳ, bố trí lao động hợp lý.
- Tại các khu vực có nguồn nhiệt cao, nguồn điện, khu vực có khả năng đổ ngã,... để gây tai nạn lao động bố trí biển báo hướng dẫn vận hành và đề phòng sự cố, tai nạn.

🚒 Phòng chống rò rỉ, cháy nổ

- Trang bị các phương tiện, thiết bị PCCC và lắp đặt theo đúng tiêu chuẩn quy phạm.
- Tập huấn cho công nhân, quản lý kho, tổ kỹ thuật và phân công trách nhiệm cho cá nhân hoặc phòng ban chịu trách nhiệm về công tác quản lý PCCC để thường xuyên kiểm tra, theo dõi, xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Khi phát hiện cháy trong khu vực sản xuất, tuyệt đối không vận hành hoặc sử dụng các thiết bị điện, các thiết bị máy móc phục vụ sản xuất và phải đóng ngắt mạch điện ngay.
- Xây dựng bể chứa nước PCCC lắp đặt hệ thống máy bơm, ống chữa cháy, vòi phun nước dọc theo hệ thống nhà xưởng sản xuất. Khu vực văn phòng làm việc và trong phạm vi nhà xưởng lắp đặt thêm hệ thống bình chữa cháy và hệ thống chuông báo cháy.
- Khu vực chứa nguyên liệu sản xuất và sản phẩm sau sản xuất phải được thông thoáng, nguyên liệu, sản phẩm trong kho được sắp xếp hợp lý, có lối đi đủ rộng và thông thoáng nhau để dễ ứng cứu khi xảy ra sự cố cháy nổ.
- Nghiêm cấm công nhân hút thuốc, mang bật lửa trong nhà xưởng, nhà kho, khu vực dễ phát sinh cháy.
- Lắp đặt thiết bị an toàn cho đường dây tải điện và thiết bị tiêu thụ điện (aptomat bảo vệ ngắt mạch và ngắt mạch chạm đất,...).
- Liên hệ với các cơ quan chức năng như cơ quan PCCC, công an 113,... để yêu cầu hỗ trợ ngay khi xảy ra các sự cố nằm ngoài khả năng kiểm soát.

Hệ thống báo động cứu hỏa

Để phát hiện nhanh chóng khu vực hỏa hoạn, các thiết bị dò cháy, báo động cháy sẽ được lắp đặt tại các vị trí có khả năng gây cháy. Các khu vực sau đây sẽ phải được trang bị hệ thống phát hiện cháy: các trạm điện, phòng điều khiển, sàn giả, trần nhà. Hệ thống phát hiện cháy sẽ bao gồm các bộ phận sau:

- Bảng điều khiển kèm bộ nguồn cấp.
- Các thiết bị phát hiện khói và lửa tự động.
- Các thiết bị phát hiện cháy kiểu không tự động.

- Các thiết bị báo cháy bằng âm thanh và ánh sáng.
- Các thiết bị phát hiện cháy tự động và các nút bấm báo động báo cháy sẽ được nối với bộ điều khiển theo các nhóm độc lập.
- Các thiết bị phát hiện lửa và khói sẽ được bố trí tỷ lệ phù hợp với các khu vực bảo vệ.
- Các nút bấm báo động bằng tay sẽ được lắp đặt tại các lối ra, cửa thoát hiểm và phía ngoài các cửa ra vào.
- Các tín hiệu báo động cháy của các đầu dò cháy tự động cũng như vị trí bấm sẽ được hiển thị trên sơ đồ mặt bằng của bảng thông báo báo động trong phòng điều khiển.

Ngoài ra các khu vực mặt bằng khu đất dự án đều trang bị các họng lấy nước cứu hỏa loại kép đường kính 80cm với đủ vòi, van đồng hồ và trang bị đầy đủ các bình bọt dập lửa (CO₂) tại các khu vực Nhà máy.

Hệ thống tiếp địa chống sét

- Sử dụng giải pháp kim thu sét của Pulsar, đảm bảo bán kính bảo vệ an toàn cho Nhà máy.
- Dùng một cáp thoát sét bằng đồng D70 nối kim Pulsar xuống hệ thống tiếp địa.
- Hệ thống tiếp địa bao gồm: cọc thép bọc đồng tiếp đất, băng đồng liên kết và phụ kiện đầu nối được bố trí theo hệ thống nối đất bao gồm nhiều điện cực có tác dụng tản năng lượng sét xuống đất an toàn và nhanh chóng. Cọc nối đất bằng thép đồng D16 dài 2,5m chôn cách nhau 4m và liên kết với nhau bằng băng đồng trần D25. Đầu trên được đóng sâu xuống mặt đất 0,8m. Băng đồng trần được đặt trong các rãnh 0,4m sâu 0,9m. Việc liên kết giữa cọc đồng, băng đồng và cáp đồng thoát sét bằng bộ kẹp nối đất tuân theo tiêu chuẩn chống sét TCVN 46:2007 hiện hành của Bộ xây dựng, tiêu chuẩn ngành 20 TCN 46-48.
- Bố trí cột thu lôi tại vị trí cao nhất của công trình (như đỉnh ống khói, nóc silô và các xưởng sản xuất).
- Các công trình có cao độ từ 6m phải bố trí hệ thống chống sét.
- Khi thi công các công trình bằng kim loại ngay từ đầu phải nối móng công trình với bộ phận nối đất chống sét đánh thẳng.
- Lắp đặt hệ thống chống sét cho các công trình không phải là kim loại có độ cao lớn hơn 15m gồm các cột thu lôi bố trí quanh mái.
- Điện trở tiếp đất không được lớn hơn 10.

- Dự án thực hiện đầy đủ và nghiêm ngặt các quy định của cơ quan chức năng tại địa phương cũng như của Nhà nước về công tác đảm bảo an toàn lao động và an toàn phòng chống cháy nổ; phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý chuyên ngành tại địa phương về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ để hướng dẫn, huấn luyện về công tác này cũng như về các biện pháp áp dụng để xử lý các tình huống xảy ra mất an toàn về lao động hoặc cháy nổ.

🚧 Phòng ngừa sự cố hóa chất

- Không sử dụng hóa chất quá hạn sử dụng. Hết sức cẩn trọng trong quá trình sử dụng, san chiết, pha chế hóa chất.

- Tất cả các thùng chứa hóa chất đều phải được đậy kín khi không sử dụng, có tem nhãn cụ thể.

- Hóa chất được lưu chứa trong kho hóa chất. Kho chứa được thiết kế xây dựng theo các tiêu chuẩn quy định.

- Cấm hút thuốc trong khu vực lưu chứa hóa chất.

- Công nhân vận hành phải được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi tiếp xúc, sử dụng hóa chất trong sản xuất và vận hành.

🚧 Sự cố mất an ninh trật tự

- Xây dựng tường rào, công ngõ bao quanh và có người bảo vệ để tránh người dân tự ý ra vào Nhà máy.

- Quản lý công nhân chặt chẽ, cấm các tệ nạn xã hội trong quá trình làm việc. Nhắc nhở, giáo dục công nhân quan hệ tốt, có thái độ hòa nhã với công nhân ở các nhà máy lân cận và người dân ở địa phương để không xảy ra xung đột.

- Thực hiện tốt các chính sách phúc lợi đối với người lao động, mang đến cho người lao động cảm giác an tâm và thoải mái làm việc, giúp tăng năng suất, hiệu suất, hiệu quả công việc cũng như mức độ hài lòng qua việc đảm bảo cho họ và gia đình họ được bảo vệ và hỗ trợ khi cần thiết.

- Kết hợp với chính quyền địa phương làm tốt công tác dân vận.

- Duy trì lối sống lành mạnh, các tập tục văn hóa truyền thống của dân cư địa phương.


- Thường xuyên thu thập thông tin, tâm tư nguyện vọng của bà con trong khu vực nếu bị ảnh hưởng bởi quá trình hoạt động, để khắc phục kịp thời đảm bảo đời sống cho người dân xung quanh khu vực thực hiện dự án.

🚧 Sự cố đối với các công trình, thiết bị xử lý môi trường

Để phòng ngừa các sự cố đối với các công trình, thiết bị xử lý môi trường, Công ty sẽ thực hiện một số biện pháp sau:

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường để sẵn sàng đáp ứng khi gặp sự cố.
- Thường xuyên vệ sinh mặt bằng Nhà máy, nạo vét các tuyến mương thoát nước mưa, nước thải.
- Kiểm tra thường xuyên các thiết bị xử lý bụi, khí thải, nước thải nhằm kịp thời phát hiện các trường hợp hư hỏng để sửa chữa.
- Yêu cầu công nhân sản xuất và vận hành thực hiện theo đúng quy trình vận hành hệ thống xử lý và nội dung của Nhà máy.
- Kiểm tra chế độ vận hành theo đúng thiết kế và sửa chữa kịp thời khi có sự cố xảy ra. Đội ngũ nhân viên kỹ thuật và công nhân trong Nhà máy luôn sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra.
- Công nhân vận hành hệ thống xử lý môi trường được đào tạo cơ bản, đúng tay nghề theo yêu cầu của hệ thống và có kiến thức về xử lý sự cố.
- Tập huấn cho công nhân vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải, nước thải một cách thuần thục, hiểu rõ quy trình của hệ thống để phát hiện kịp thời các sự cố có thể xảy ra.
- Thực hiện chế độ bảo trì, bảo dưỡng, thay thế định kỳ đối với tất cả các hạng mục của hệ thống xử lý.
- Khi đã xảy ra sự cố, Chủ dự án sẽ cho tạm dừng hoạt động để khắc phục, sửa chữa kịp thời. Trường hợp vượt quá khả năng xử lý, Chủ dự án sẽ báo cáo các cơ quan có chức năng để hướng dẫn xử lý sự cố.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

 **Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và kế hoạch xây lắp, dự toán kinh phí**

Bảng 4.15. Danh mục, kế hoạch và khái toán kinh phí thực hiện, xây dựng, lắp đặt các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn thi công xây dựng

Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện (đồng)	Tổ chức thực hiện
<i>Khí thải, bụi, tiếng ồn và độ rung</i>		

Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện (đồng)	Tổ chức thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> - Xe chở đúng trọng tải cho phép. - Phủ bạt xe vận chuyển. - Phun nước, che chắn những khu vực có phát sinh bụi và đường vận chuyển. - Bảo dưỡng máy móc, thiết bị. - Các khu tập kết vật liệu có mái hoặc bạt che chắn. - Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân. 	30.000.000	Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng dự án
<i>Nước thải</i>		
Nước mưa chảy tràn: tạo mương rãnh thoát nước mưa.	2.000.000	
Nước thải xây dựng: sử dụng thùng chứa hoặc bể chứa.	1.000.000	
Nước thải sinh hoạt: Xây dựng công trình vệ sinh khép kín, có 3 bể phốt để ngăn ngừa xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân công trường	20.000.000	
<i>Chất thải rắn</i>		Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng dự án
Chất thải rắn xây dựng: <ul style="list-style-type: none"> - Nhựa, sắt thép vụn,...: thu gom, lưu giữ bán phế liệu. - Đất đá, gạch vụn thừa: tận dụng để san nền, san lấp mặt bằng cho khu vực có địa hình thấp trũng. - Chất thải không tái chế được: thuê đơn vị chức năng vận chuyển xử lý. 	5.000.000	
Chất thải rắn sinh hoạt: <ul style="list-style-type: none"> - Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy kín, chuyên dụng. - Thuê đơn vị chức năng vận chuyển xử lý. 	5.000.000	

Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện (đồng)	Tổ chức thực hiện
<p>Chất thải nguy hại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu gom, phân loại, lưu trữ theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại. - Thuê đơn vị chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định. 	3.000.000	
<i>Gia tăng mật độ giao thông</i>		
<ul style="list-style-type: none"> - Không chở nguyên vật liệu vượt quá tải trọng. - Sử dụng các phương tiện được đăng kiểm, kiểm định đúng quy định. - Bố trí biển báo và biển chỉ dẫn hướng đi cho các phương tiện. - Tuyên truyền, phổ biến luật an toàn giao thông. - Phân luồng giao thông hợp lý. - Phân bố thời gian vận chuyển hợp lý. 	2.000.000	
<i>Cháy nổ</i>		
<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí kho chứa nhiên liệu. - Trang bị các thiết bị chống cháy nổ. - Lắp đặt biển báo cấm lửa. 	5.000.000	
<i>Tai nạn lao động</i>		
<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động. - Xây dựng và ban hành các nội quy làm việc tại công trường. 	5.000.000	
<i>Kinh tế xã hội</i>		
<ul style="list-style-type: none"> - Ưu tiên tuyển dụng công nhân tại địa phương. - Đề ra nội quy cấm công nhân tụ tập bia rượu sau giờ làm việc,... - Phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc quản lý công nhân. 	-	

Bảng 4.16. Danh mục, kế hoạch và khái toán kinh phí thực hiện, xây dựng, lắp đặt các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành dự án

Các công trình biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện (đồng)
Xây dựng hệ thống mương thoát nước mưa	180.000.000
Xây dựng nhà chứa chất thải	50.000.000
Hệ thống thu gom và xử lý nước thải	400.000.000
Bể nước phòng cháy chữa cháy	180.000.000

🚧 Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường dự án có nhiệm vụ sau:

- Tổ chức thực hiện đúng các cam kết của Chủ dự án đưa ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được phê duyệt, cũng như bảo đảm công tác quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường dự án hoạt động ổn định, đạt hiệu quả xử lý yêu cầu và bảo đảm chất lượng môi trường trên khu vực dự án đạt quy chuẩn quy định.

- Tổ chức thực hiện công tác giám sát môi trường định kỳ, công tác báo cáo và công khai thông tin về môi trường dự án theo quy định của nhà nước.

- Nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho CBCNV của dự án, góp phần thực hiện nghiêm túc công tác vệ sinh môi trường hàng ngày.

- Tổ chức phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm và giám sát chất lượng môi trường trên khu vực dự án.

Giám sát an toàn và môi trường có trách nhiệm quản lý, vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong dự án: chịu trách nhiệm điều hành giám sát an toàn lao động của công nhân viên và hoạt động an toàn hệ thống các máy móc, thiết bị của dự án, cũng như thực hiện công tác bảo dưỡng máy móc, thiết bị, hay tổ chức thực hiện xử lý sự cố xảy ra trong quá trình vận hành; chịu trách nhiệm quản lý và giám sát môi trường chung trong toàn dự án.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Trong báo cáo này, chúng tôi đã sử dụng một loạt các phương pháp đánh giá như: Phương pháp thống kê, phương pháp phân tích mẫu môi trường, phương pháp so sánh với các TCVN và QCVN hiện hành đồng thời sử dụng nhiều nguồn dữ liệu, số liệu từ

các dự án khác có tính chất tương đồng về mức độ ảnh hưởng đến môi trường trong giai đoạn xây dựng dự án, thu thập các nguồn thông tin và kinh nghiệm chuyên môn của các cơ quan tư vấn, thông tin từ các văn bản pháp luật có liên quan để trên cơ sở đó chúng tôi phân loại theo nguyên nhân các tác nhân gây ô nhiễm môi trường, gây nên sự cố môi trường; từ đó đánh giá các tác động môi trường một cách khách quan, chặt chẽ và đưa ra các biện pháp giảm thiểu cụ thể, phù hợp với từng nguồn tác động. Các nguồn dữ liệu, số liệu và các tài liệu tham khảo để lập báo cáo có nguồn gốc rõ ràng nên công tác đánh giá tác động môi trường có mức độ chi tiết và tin cậy cao.

Các phương pháp được sử dụng trong báo cáo là những phương pháp đã được áp dụng từ lâu, mức độ tin cậy của các phương pháp được thể hiện như sau:

- Phương pháp thống kê tương đối đơn giản nên mức độ chi tiết và độ tin cậy của phương pháp này là có cơ sở.

- Phương pháp liệt kê mô tả: Đã liệt kê được các tác động tích cực và tiêu cực của dự án gây ra đối với môi trường xung quanh bao gồm con người và tự nhiên. Phương pháp này đã mô tả và đánh giá được mức độ các tác động xấu lên cùng một nhân tố và chỉ ra được những điểm cần phải khắc phục khi thực hiện.

- Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm: Phương pháp này mang tính thực tế, thể hiện tương đối chính xác hiện trạng môi trường.

- Phương pháp đánh giá nhanh của tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã góp phần trong việc đánh giá các mức ô nhiễm của các tác nhân gây ô nhiễm ở nhiều mức độ khác nhau.

- Phương pháp so sánh: Dựa vào số liệu thực tế, so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành để xác định mức độ ô nhiễm. Phương pháp này có độ chính xác tương đối cao.

- Phương pháp kế thừa là đáng tin cậy vì các đánh giá đã được các cơ quan có chức năng thẩm định và phê duyệt. Tuy nhiên, phương pháp này chỉ mang tính tương đối bởi tại thời điểm lập báo cáo có thể số liệu đó bị thay đổi hoặc không còn hoàn toàn chính xác.

Chương V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải, lưu lượng xả thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt công nhân, nhà vệ sinh, nhà ăn và nghỉ công nhân, lưu lượng: 3,37m³/ngày.

+ Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ vệ sinh bể chứa nước ở công đoạn làm sạch bề mặt khung kim loại, lưu lượng: 1,30 m³/ngày.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 4,67 m³/ngày.đêm.

1.2. Dòng nước thải vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

- Dòng nước thải: 01 dòng thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận.

- Vị trí xả nước thải:

+ Giai đoạn đầu: Tại công hộp BTCT trên đường ĐS1 của CCN ở phía Đông Nam dự án, tọa độ: X = 1.5443.387; Y = 583.473 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

+ Giai đoạn khi có hạ tầng thu gom, xử lý nước thải của CCN Rẫy Ông Thơ Hồ ga thu gom nước thải của của Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ. Tọa độ: X = 1.543.634; Y = 583.220 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

- Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

- Chế độ xả nước thải: Xả thải gián đoạn theo ca sản xuất (8 -12 giờ/ngày).

- Nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Trong giai đoạn đầu (khi hạ tầng thu gom và xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ chưa được xây dựng hoàn chỉnh): Nước thải sau khi xử lý được thu gom về hồ ga thu gom nước thải của dự án sau đó được bơm cưỡng bức qua đường ống HDPE có đường kính D34mm lắp đặt chạy dọc theo đường ĐS2, ĐS5 đến Công hộp BTCT, kích thước 2mx2m nằm trên đường ĐS1 của CCN cách dự án khoảng 350m về phía Đông Nam dự án, tọa độ X = 1.5443.387; Y = 583.473 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

+ Về lâu dài (sau khi hạ tầng thu gom và xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thọ được xây dựng hoàn chỉnh): Nước thải phát sinh sau khi xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt tại Quyết định 2094/QĐ- UBND ngày 06/5/2024 của UBND huyện Tây Sơn tại vị trí hồ ga trên đường ĐS2, tọa độ X = 1.543.634; Y = 583.220 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

1.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

Chất lượng nước sau xử lý, trước khi thải ra nguồn tiếp nhận đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải theo QCVN 40:2011/BTNMT cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$ - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép như sau:

Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_q=0,9$, $K_f = 1,2$	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
1	pH	-	5,5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
2	Màu	Pt/Co	150		
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	54		
4	COD	mg/l	162		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108		
6	Tổng Nitơ	mg/l	43,2		
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,48		
8	Coliform	vi khuẩn/100ml	5.000		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10		

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh: khí thải từ hệ thống xử lý hơi sơn từ buồng sấy điện.
- Lưu lượng xả khí thải tối đa khoảng 1.600 m³/giờ.

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải tại ống thoát khí của tháp hấp thụ xử lý hơi sơn.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	240
2	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	60
3	CO	mg/Nm ³	1.200
4	SO ₂	mg/Nm ³	600
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1.020

- Tiêu chuẩn xả thải: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p = 1; K_v = 1,2) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Vị trí xả thải: tại ống thoát khí của hệ thống hấp thụ xử lý hơi sơn.
- Phương thức xả thải: Xả thải gián đoạn theo quy trình sản xuất của Dự án.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đối với các dự án không thuộc cột 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, Chủ dự án tự quyết định và chịu trách nhiệm trong thời gian vận hành thử nghiệm, nhưng không quá 06 tháng và phải đảm bảo đánh giá được hiệu quả của các công trình xử lý chất thải theo quy định.

Trên cơ sở quy mô, công suất hoạt động và các công trình, thiết bị xử lý chất thải của dự án, chúng tôi lựa chọn thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án là 06 tháng (từ ngày 01/12/2025 đến ngày 31/05/2026). Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cụ thể như sau:

Bảng 6.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
Trạm xử lý nước thải	01/12/2025	31/05/2026	6 m ³ /ngày
Hệ thống hấp thụ xử lý hơi sơn	01/12/2025	31/05/2026	≥ 50% công suất thiết kế

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Căn cứ theo quy định tại khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, việc quan trắc chất thải do Chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

- Thời gian lấy mẫu:

Bảng 6.2. Thời gian thực hiện lấy mẫu

Giai đoạn	Lần lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu
Giai đoạn vận hành ổn định	Lần 1	Ngày 18/05/2026
	Lần 2	Ngày 19/05/2026
	Lần 3	Ngày 20/05/2026

- Vị trí và chỉ tiêu lấy mẫu:

Bảng 6.3. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Stt	Vị trí lấy mẫu	Chỉ tiêu	Quy chuẩn so sánh	Số lượng mẫu/ngày	Số lần lấy mẫu
1	Vị trí ống thoát ra bể đối chứng của trạm XLNT	pH, Độ màu, BOD ₅ (20°C), COD, chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Coliform, Tổng dầu mỡ khoáng.	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B (K _q = 0,9; K _f = 1,2)	01	03
2	Vị trí ống thoát khí của tháp hấp thụ xử lý hơi sơn	Bụi tổng, NH ₃ , CO, SO ₂ , NO _x	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (K _p = 1; K _v = 1,2)	01	03

✚ *Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.*

- Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định.
- Trung tâm Phân tích và Đo lường chất lượng - (Sở Khoa học và CN tỉnh Bình Định).

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định pháp luật

✚ *Quan trắc nước thải*

Căn cứ Điều 97 và mục 3, cột (5) Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, đối với dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP, có lưu lượng xả nước thải của dự án

nhỏ hơn $500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm thì sẽ không phải thực hiện chương trình quan trắc chất thải tự động, liên tục và định kỳ.

Vậy, với tổng lượng nước thải phát sinh của dự án khoảng $4,67 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm, dự án sẽ không thực hiện chương trình quan trắc nước thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định.

Quan trắc khí thải

Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và có mức lưu lượng các công trình, thiết bị xả khí thải của dự án đầu tư nhỏ hơn quy định tại số thứ tự 9, cột 6, Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Do đó, dự án không thực hiện chương trình quan trắc khí thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định.

Chương VII **CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Công ty cam kết thực hiện các chương trình quản lý môi trường như đã nêu trong báo cáo. Đồng thời, cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội trong khu vực và tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến dự án.

- Cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định, Thông tư hướng dẫn và các quy định hiện hành khác có liên quan.

- Đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC theo đúng quy định Nhà nước về PCCC.

- Cam kết các giải pháp, biện pháp về bảo vệ môi trường sẽ được vận hành thường xuyên trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án.

- Cam kết thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$ trước khi thải ra môi trường.

- Cam kết thu gom, xử lý khí hơi sơn từ buồng sấy điện của dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B, $K_p = 1$; $K_v = 1,2$ trước khi thải ra môi trường.

- Cam kết trồng cây xanh theo đúng diện tích theo quy hoạch được duyệt.

- Cam kết xây dựng nhà chứa CTR (CTR thông thường và CTNH) theo quy định.

- Cam kết chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra các sự cố làm ảnh hưởng đến con người và môi trường xung quanh.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ báo cáo ngay với các cơ quan có liên quan để phối hợp xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động của dự án nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao các văn bản pháp lý của dự án.
- Phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường.
- Bản vẽ mặt bằng tổng thể, thiết kế các công trình xử lý chất thải.
- Bản vẽ vị trí quan trắc chất thải.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4101562073

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 04 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 15 tháng 03 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
DRAGON

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DRAGON PRODUCTION & TRADING
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH SX - TM DRAGON

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Phú Hưng, Xã Bình Tân, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0901002339

Fax:

Email: accountant@dragonfurniture.vn

Website:

3. Vốn điều lệ : 9.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân, địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
	NGUYỄN NGỌC LONG	Việt Nam	Số 44 Huỳnh Minh, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	6.300.000.000	70,000	215072744	

2	PIAM TH HUONG	Việt Nam	Số 44 Huỳnh Minh, Phường Trần Quang Điều, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	2.700.000.000	30,000	215397090
---	------------------	----------	---	---------------	--------	-----------

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/11/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 215072744

Ngày cấp: 13/06/2019

Nơi cấp: Công an Bình Định

Địa chỉ thường trú: Số 44 Huỳnh Minh, Phường Trần Quang Điều, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 44 Huỳnh Minh, Phường Trần Quang Điều, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG



Hồ Kim Hạnh

Số: 5406 /QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH
CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ
(cấp lần đầu: ngày 31 tháng 12 năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dragon nộp ngày 08/12/2021;

Căn cứ báo cáo thẩm định số 857/BC-SKHĐT ngày 16/12/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư:

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dragon

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101562073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 20/4/2020, thay đổi lần thứ 01 ngày 04/8/2020.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Hưng, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

2. Tên dự án: Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse

3. Mục tiêu dự án: Sản xuất sản phẩm đan nhựa giả mây, gia công cơ khí và may nệm mousse.

4. Quy mô dự án:

- + Gia công cơ khí: 450 tấn/năm.
- + Đan nhựa giả mây: 33.000 bộ/năm.
- + May nệm mousse: 10.000 bộ/năm.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 12.700.000.000 VNĐ (Mười hai tỷ bảy trăm triệu đồng), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 5.000.000.000 VNĐ (Năm tỷ đồng) chiếm tỷ lệ 39% tổng vốn đầu tư.
- Vốn vay: 7.700.000.000 VNĐ (Bảy tỷ bảy trăm triệu đồng) chiếm tỷ lệ 61% tổng vốn đầu tư.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Lô C4 Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 13.100 m².

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và huy động vốn:

- Vốn góp:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu (%)	Tiến độ
1	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dragon	5.000.000.000	100	Theo tiến độ đầu tư
Tổng cộng		5.000.000.000	100	

- Vốn vay từ Ngân hàng: 7.700.000.000 VNĐ, theo tiến độ của dự án đầu tư.

b) Tiến độ thực hiện dự án:

- Quý IV/2021: Hoàn thành các thủ tục đầu tư.
- Quý I/2022: Khởi công xây dựng.
- Quý III/2023: Hoàn thành và đi vào hoạt động

9. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai hoàn thiện các công trình theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được phê duyệt.

- Thực hiện dự án đúng quy mô, tiến độ và các cam kết trong hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

- Triển khai đầy đủ các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định khác có liên quan theo quy định.

- Sau khi được cho thuê đất, nhà đầu tư chịu trách nhiệm bố trí đủ vốn để thực hiện dự án; đồng thời nộp tiền thuê đất theo quy định.

- Sau 12 tháng kể từ ngày chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan quản lý đầu tư mà không có lý do chính đáng sẽ bị thu hồi chủ trương đầu tư.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Công Thương, UBND huyện Tây Sơn các cơ quan liên quan và Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dragon có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp 01 bản cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dragon; 01 bản được lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư và 01 bản được lưu tại Văn phòng UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP KT;
- Lưu: VT, K1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phi Long

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse tại Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, xã Tây An, huyện Tây Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quyết định số 5406/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Dragon đầu tư dự án Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse tại Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, xã Tây An, huyện Tây Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 104/BC-SKHĐT ngày 23/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse tại Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, xã Tây An, huyện Tây Sơn do Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Dragon làm chủ đầu tư, với nội dung như sau:

STT	Nội dung đã phê duyệt	Nội dung điều chỉnh
1	Tiến độ thực hiện dự án: - Quý IV/2021: Hoàn thành các thủ tục đầu tư. - Quý I/2022: Khởi công xây dựng. - Quý III/2023: Hoàn thành và đi vào hoạt động.	Tiến độ thực hiện dự án: - Quý II/2024: Hoàn thành các thủ tục đầu tư. - Quý III/2024: Khởi công xây dựng. - Quý IV/2025: Hoàn thành và đi vào hoạt động.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 5406/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh.

Điều 3. Yêu cầu UBND huyện Tây Sơn nhanh chóng hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để bàn giao mặt bằng sạch cho Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Dragon có thể triển khai các thủ tục tiếp theo, sớm khởi công xây dựng dự án đúng tiến độ. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Dragon đảm bảo tiến độ thực hiện và các thủ tục theo quy định hiện hành khi triển khai dự án.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn; Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Dragon và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K1, K14.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Số: 2094/QĐ-UBND

Tây Sơn, ngày 06 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500
Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse
Địa điểm: Lô C4 Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thọ, xã Tây An

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm
2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6
năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP
ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô
thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 về Quy định chi
tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản
lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây
dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy
hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện
quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số
35/2020/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số
điều của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô

thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thọ;

Căn cứ Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thọ, thôn Đại Chí, xã Tây An, huyện Tây Sơn;

Căn cứ Quyết định số 5406/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse tại Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thọ, xã Tây An, huyện Tây Sơn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 108/TTr-KTHT ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse, địa điểm: Lô C4 Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thọ, xã Tây An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dragon, với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse.

2. Phạm vi, ranh giới và quy mô quy hoạch

- Khu đất quy hoạch tại Lô C4 Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thọ, xã Tây An; có giới cận:

- + Phía Bắc giáp: Đường ĐS6 của cụm công nghiệp;
- + Phía Nam giáp: Đường ĐS2 của cụm công nghiệp;
- + Phía Đông giáp: Đất công nghiệp của cụm công nghiệp;
- + Phía Tây giáp: Đất cây xanh của cụm công nghiệp;
- Quy mô quy hoạch: 13.100m².

3. Tính chất và mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư xây dựng nhà

máy sản xuất sản phẩm đan nhựa giả mây, gia công cơ khí và may nệm mousse; chuyển đổi công nghệ sản xuất tiên tiến ít gây ô nhiễm môi trường; giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương; tăng thu nhập cho các tổ chức, cá nhân góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các dự án đã và đang triển khai trong khu vực quy hoạch với các khu vực lân cận theo hướng hiện đại và bền vững.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư xây dựng.

4. Quy hoạch sử dụng đất

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	6.962,0	53,1
2	Đất cây xanh	2.693,8	20,6
3	Đất giao thông, sân bãi	3.444,2	26,3
	Tổng	13.100,0	100,0

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

5.1. Quy định về kiến trúc: Các nhà xưởng, công trình trên đất có hình thức kiến trúc phù hợp với dây chuyền công nghệ, sản xuất của nhà máy, tạo bộ mặt kiến trúc, cảnh quan toàn khu.

5.2. Mật độ xây dựng: 53,1%.

5.3. Tầng cao xây dựng: Các công trình gồm: Nhà xưởng, nhà xe, nhà bảo vệ, nhà để khí, nhà vệ sinh xây dựng 01 tầng; các công trình: Nhà văn phòng và trưng bày, nhà ăn và nghỉ công nhân được xây dựng 02 tầng.

5.4. Chỉ giới xây dựng: Trùng với ranh giới lô đất.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Chuẩn bị kỹ thuật

- Cao độ san nền phù hợp với cao độ tự nhiên và quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thơ đã được phê duyệt; hướng dốc san nền từ hướng Bắc vào hướng Nam. Cao độ quy hoạch san nền cao nhất +28,8m, thấp nhất +24,9m.

- Thoát nước mưa: Nước mưa được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa nhà máy, đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung tại 01 vị trí trên đường ĐS2 của Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thơ.

6.2. Giao thông

- Giao thông đối ngoại: Đầu nối với tuyến đường ĐS2 của Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thơ tại 02 điểm.

- Giao thông nội bộ: Quy hoạch các tuyến đường nội bộ kết nối các khu chức năng trong khu vực quy hoạch, đảm bảo bố trí giao thông nội bộ thông suốt, hợp lý.

6.3. Cấp nước

- Đấu nối với hệ thống cấp nước chung tại vị trí đường ĐS6 của Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thơ; tổng nhu cầu cấp nước khoảng: 35m³/ngày.đêm.

- Đường ống cấp nước PCCC bố trí riêng với hệ thống cấp nước sinh hoạt. Hệ thống PCCC được bố trí theo quy định.

6.4. Cấp điện

Đấu nối từ nguồn điện 22kV nằm dọc theo tuyến đường ĐS2 của Cụm Công nghiệp Rẫy Ông Thơ để cấp điện cho khu đất quy hoạch; tổng nhu cầu cấp điện khoảng: 257kVA.

6.5. Vệ sinh môi trường

- Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải đi riêng với hệ thống thoát nước mưa, nước thải được xử lý đảm bảo theo quy định trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung.

- Quản lý chất thải rắn: Chất thải được thu gom đưa về khu vực xử lý tập trung để xử lý theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Quyết định này làm căn cứ để quản lý xây dựng theo quy hoạch và các việc khác có liên quan theo đúng quy định của Nhà nước.

- Nhà Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan công bố công khai đồ án quy hoạch, đưa mốc giới quy hoạch ra thực địa; gửi hồ sơ quy hoạch được duyệt đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Ủy ban nhân dân xã Tây An và các cơ quan, đơn vị có liên quan để lưu trữ, quản lý hồ sơ theo quy định; thực hiện đầy đủ, hoàn thiện các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, PCCC, cấp, thoát nước, nghĩa vụ tài chính và các vấn đề khác theo quy định.

- Giao các Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Tài nguyên và Môi trường huyện, Ủy ban nhân dân xã Tây An và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình chịu trách nhiệm hướng dẫn Nhà Đầu tư thực hiện quy hoạch và các thủ tục khác theo quy định hiện hành.

- Đơn vị tư vấn thiết kế Công ty TNHH Tư vấn - Thương mại Du lịch Việt Nguyên chịu trách nhiệm về số liệu và tính toán thiết kế đồ án quy hoạch chi tiết.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi

trường huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tây An, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dragon và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND huyện;
- CVP, C2;
- Lưu: VT. VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN

Số: 5833 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Sơn, ngày 20 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án và chi phí bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng xây dựng Dự án: Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse của công ty TNHH sản xuất và thương mại Dragon tại Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, xã Tây An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3904/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của UBND huyện Tây Sơn về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng Dự án: Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse của công ty TNHH sản xuất và thương mại Dragon tại Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, xã Tây An;

Căn cứ Văn bản số 1425/UBND-TC ngày 30/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn về việc lập, thẩm định dự toán chi phí thẩm tra quyết toán hoàn thành đối với các dự án có chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo Tờ trình số 858/TTr-HĐBT ngày 12/9/2023 của Hội đồng Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện;

Theo Biên bản thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ ngày 15/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án và chi phí bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng để xây dựng Dự án: Nhà máy sản xuất hàng cơ khí đan nhựa giả mây, may nệm mousse của công ty TNHH sản xuất và thương mại Dragon tại Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, xã Tây An, huyện Tây Sơn theo Phương án số 90/PA-HĐBT do Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện lập ngày 12/9/2023, như sau:

- Tổng kinh phí thực hiện: 3.135.135.153 đồng (bằng chữ: Ba tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm năm mươi ba đồng).

Trong đó:

+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng: 3.056.580.153 đồng (bằng chữ: Ba tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi nghìn, một trăm năm mươi ba đồng).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

+ Chi phí phục vụ bồi thường, hỗ trợ: 61.132.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 17.423.000 đồng (bằng chữ: Mười bảy triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng).

- Nguồn kinh phí chi trả: Vốn của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dragon.

Điều 2. Giao Chủ tịch Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và chi phí thực hiện đã được phê duyệt tại Điều 1 theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường huyện, Tài chính - Kế hoạch huyện; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện; thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND xã Tây An và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *ML*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT.



Phan Chí Hùng

Phụ lục

**DANH SÁCH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG
DỰ ÁN: NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG CƠ KHÍ ĐAN NHỰA GIẢ MÂY, MAY NỆM MOUSSE
CỦA CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI DRAGON TẠI
CỤM CÔNG NGHIỆP RAY ÔNG THƠ, XÃ TÂY AN, HUYỆN TÂY SƠN**

(Kèm theo Quyết định số 5133 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023
của Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn)

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tổng giá trị bồi thường và hỗ trợ
1	Ông Trần Ngọc Thứ	Thôn Đại Chí, xã Tây An	1.629.476.816
2	Trần Công Nhị	Thôn Đại Chí, xã Tây An	46.926.495
3	Trần Văn Phong - vợ Nguyễn Thị Hoa	Thôn Đại Chí, xã Tây An	984.600.629
4	Trần Văn Diện	Thôn Đại Chí, xã Tây An	25.269.214
5	Châu Thị Kết	Thôn Đại Chí, xã Tây An	47.601.400
6	Nguyễn Ngọc Trương - vợ Trần Thị Tuyết	Thôn Đại Chí, xã Tây An	231.757.200
7	UBND xã Tây An		90.968.400
	Tổng cộng		3.056.600.153

Handwritten mark

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, thôn Đại Chí, xã Tây An, huyện Tây Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 52/2012/QĐ-UBND ngày 19/01/2012 của UBND tỉnh Bình Định V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ, thôn Đại Chí, xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của UBND huyện Tây Sơn tại Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 03/4/2017 và đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 62/TTr-SXD ngày 24/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thơ.

2. Phạm vi và ranh giới quy hoạch xây dựng:

Phạm vi lập quy hoạch có diện tích 20 ha thuộc thôn Đại Chí, xã Tây An, huyện Tây Sơn, có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp: Đất trồng cây hằng năm và lâu năm;
- Phía Nam giáp: Quốc lộ 19B;
- Phía Tây giáp: Đất trồng cây hằng năm và lâu năm;
- Phía Đông giáp: Xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn.

3. Tính chất và mục tiêu quy hoạch:

- Quy hoạch Cụm công nghiệp nhằm cụ thể hóa các chủ trương đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp trong tỉnh; đầu tư xây dựng đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu đất sản xuất của các doanh nghiệp trong và ngoài huyện.

- Các ngành nghề thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp: Chế biến nông, lâm sản, chế biến thực phẩm; sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, may mặc và các ngành nghề công nghiệp nhẹ khác không gây ô nhiễm môi trường.

- Làm cơ sở cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4. Nhiệm vụ thiết kế: Thực hiện theo Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, bao gồm:

a) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng đất xây dựng, dân cư, hạ tầng kỹ thuật; các quy định của quy hoạch chung có liên quan đến khu vực quy hoạch.

Điều tra, khảo sát cập nhật hướng tuyến của tuyến đường cao tốc Bắc – Nam ở phía Đông của khu vực quy hoạch.

b) Xác định cụ thể tính chất, chức năng và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật của khu vực thiết kế.

c) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định các khu chức năng trong khu quy hoạch, xác định cụ thể các chỉ tiêu sử dụng đất các cơ sở sản xuất công nghiệp và đảm bảo các chỉ tiêu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan.

d) Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Xác định cốt san nền cho toàn cụm công nghiệp.

- Quy hoạch mạng lưới giao thông: Xác định mạng lưới giao thông, đường nội bộ cụm công nghiệp, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cụm công nghiệp.

- Quy hoạch mạng lưới cấp nước:

+ Xác định nhu cầu sử dụng nước của toàn cụm công nghiệp, giải pháp thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước và kích thước đường ống cung cấp cho các khu chức năng và phòng cháy chữa cháy.

+ Xác định nguồn cấp nước cho toàn cụm công nghiệp.

- Quy hoạch mạng lưới cấp điện: Xác định nguồn cung cấp điện, nhu cầu sử dụng điện của cụm công nghiệp, điểm đầu nối cấp điện cho cụm công nghiệp. Giải pháp thiết kế mạng lưới cấp điện cho các khu chức năng.

- Quy hoạch mạng lưới thoát nước:

2

+ Thoát nước mặt: Xác định hướng thoát nước mặt, kết cấu hệ thống thoát nước, thống kê, tính toán kinh phí và phân kỳ đầu tư.

+ Thoát nước thải và vệ sinh môi trường: Xác định tổng lượng nước thải, rác thải, vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải cho toàn cụm công nghiệp.

đ) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; các vấn đề xã hội; cảnh quan thiên nhiên.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch.

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

e) Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết.

5. Thành phần hồ sơ đồ án: Thực hiện theo Điều 17, Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

6. Quy mô diện tích lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: 20ha.

7. Dự toán chi phí lập quy hoạch: 438.975.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch: 37.978.000 đồng

- Chi phí thiết kế quy hoạch: 321.420.000 đồng

- Chi phí khác:

+ Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch: 6.905.000 đồng

+ Thẩm định đồ án quy hoạch: 30.571.000 đồng

+ Quản lý nghiệp vụ quy hoạch: 26.614.000 đồng

+ Công bố Quy hoạch: 9.643.000 đồng

+ Lấy ý kiến cộng đồng: 5.844.000 đồng

8. Nguồn vốn: Vốn khuyến công Quốc gia và Ngân sách huyện Tây Sơn.

9. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành thiết kế đồ án không quá 120 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Quyết định này làm căn cứ để lập đồ án quy hoạch và bố trí vốn theo quy định.

2. UBND huyện Tây Sơn tổ chức lập đồ án quy hoạch thông qua Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

3

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT P.C.Thắng;
- CVP, PVPCN;
- Lưu: VT, K6, K14. *ph*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Phan Cao Thắng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 04/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 23 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về chủ trương đầu tư

SỞ NỘI VỤ TỈNH BÌNH ĐỊNH Dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã phía Bắc huyện Tây Sơn

ĐẾN Số: 3761
Ngày: 11/4/23
Chuyên:
Số và Ký hiệu HS: Căn cứ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 10 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã phía Bắc huyện Tây Sơn; Báo cáo thẩm tra số 10/BC-KTNS ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã phía Bắc huyện Tây Sơn do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn làm chủ đầu tư.

1. Mục tiêu đầu tư:

Nhằm cấp nước sạch đảm bảo lưu lượng, chất lượng theo QCVN 01:2022/BĐ của tỉnh Bình Định cho 11.594 hộ gia đình (khoảng 35.952 người) thuộc 06 xã Tây Bình, Tây An, Tây Vinh, Bình Hòa, Bình Thuận và Bình Tân (04 thôn: Mỹ Thạch, Thuận Hòa, Phú Hưng, An Hội), huyện Tây Sơn cùng với các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, khu thương mại, dịch vụ, du lịch, trạm y tế, trường học, công trình công cộng trên địa bàn dự án.

2. Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã phía Bắc huyện Tây Sơn gồm các nội dung như sau:

a) Về nguồn nước: Sử dụng nguồn nước sạch Nhà máy cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân để cấp nước cho dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã phía Bắc huyện Tây Sơn, với công suất 5.100m³/ngày đêm.

b) Về quy mô và phân kỳ đầu tư xây dựng

* Giai đoạn 1:

- Xây dựng tuyến ống truyền tải nước sạch HDPE (OD315-OD350), dài khoảng 10.000m, từ nhà máy cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân, tại thôn Nam Tượng, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn đến Trạm bơm tăng áp tại thôn An Chánh, xã Tây Bình, huyện Tây Sơn.

- Xây dựng 01 trạm bơm tăng áp có công suất 5.100m³/ngày đêm, dự kiến đặt tại xã Tây Bình, huyện Tây Sơn, gồm các hạng mục chính:

+ Bể chứa nước sạch dung tích 1.500m³, kết cấu bằng bê tông cốt thép;

+ Trạm bơm nước sạch lắp đặt 03 bơm nước chạy luân phiên (02 bơm chạy, 01 bơm nghỉ), Q=110-130m³/giờ, H= 45-55m;

+ Các hạng mục khác: Nhà hóa chất, nhà kho, nhà làm việc kết hợp nhà nghỉ nhân viên, hệ thống điện động lực, chiếu sáng, đường dây 22kV, trạm biến áp, sân nền, đường giao thông, tường rào, cổng ngõ, nhà để xe,...

+ Cung cấp lắp đặt các thiết bị trạm bơm tăng áp, đồng hồ nước dịch vụ hộ gia đình.

- Xây dựng tuyến ống truyền tải và phân phối nước sạch HDPE, thép mạ kẽm (D40-D315) dài khoảng 35.000m, từ trạm bơm tăng áp đến các khu vực dân cư trên địa bàn xã Tây Bình, huyện Tây Sơn. Cung cấp đồng hồ nước cho hộ gia đình trên địa bàn xã Tây Bình, huyện Tây Sơn.

* Giai đoạn 2:

Xây dựng tuyến ống truyền tải và phân phối nước sạch HDPE, thép mạ kẽm (D40-D315), dài khoảng 220.000m, cấp nước cho các khu vực dân cư trên địa bàn 05 xã Tây An, Tây Vinh, Bình Hòa, Bình Thuận và Bình Tân (04 thôn: Mỹ Thạch, Thuận Hòa, Phú Hưng, An Hội), huyện Tây Sơn. Cung cấp đồng hồ nước cho hộ gia đình trên địa bàn các xã Tây An, Tây Vinh, Bình Hòa, Bình Thuận và Bình Tân (04 thôn: Mỹ Thạch, Thuận Hòa, Phú Hưng, An Hội), huyện Tây Sơn.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 126.531.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ, năm trăm ba mươi một triệu đồng).

Được phân kỳ đầu tư:

- Giai đoạn 1: 50.815.000.000 đồng (Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh 50.000.000.000 đồng; vốn người dân hưởng lợi góp: 815.000.000 đồng).

- Giai đoạn 2: 75.716.000.000 đồng (Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh 71.323.000.000 đồng; vốn người dân hưởng lợi góp: 4.393.000.000 đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh; vốn đóng góp của người dân hưởng lợi.

6. Khả năng cân đối các nguồn vốn thực hiện dự án:

- Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022, Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh, ngân sách tỉnh cân đối vốn cho dự án với số tiền 50.000.000.000 đồng để triển khai giai đoạn 1.

- Đối với phần vốn thực hiện giai đoạn 2: Ngân sách tỉnh bố trí trong giai đoạn 2021 - 2025 hoặc sau năm 2025 khi cân đối được nguồn lực.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 – 2026. Trong đó:

- Giai đoạn 1: Năm 2023 - 2025;

- Giai đoạn 2: Năm 2024 – 2026.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 10 (kỳ họp chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 3 năm 2023. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy (b/cáo); TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp. *th*



CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND NATURAL RESOURCES MONITORING
ĐC: 174 - Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn - ĐT: 0256. 6544468 - 6533368

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



Ký hiệu: 1433/14890624
Ngày: 10/7/2024
Trang: 01/01

I. Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH tư vấn - thương mại du lịch Việt Nguyên

II. Loại mẫu: Không khí xung quanh

Lượng mẫu:

III. Thời gian:

Lấy mẫu: 21/6/2024 Thử nghiệm: 21/6/2024-10/7/2024 Lưu mẫu:

IV. Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy sản xuất đàn nhựa, gia công cơ khí và may nệm muosse, lô C4, CCN Rẫy Ông Thơ, xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

V. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu:

- Tại khu vực trung tâm dự án, tọa độ: 1543650; 583269 (16h30)

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

KK3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 7878-2:2010	59,5
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	89
3	SO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	57
4	CO ^(c)	µg/Nm ³	HDPTK-02.4	<5600
5	NO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 6137-2009	20

VI. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- Mục I, II, IV, V được ghi theo đúng yêu cầu của đơn vị;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimecerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (d): Các chỉ theo yêu cầu khách hàng
- (KPH): Không phát hiện –(MDL): Giới hạn phát hiện –(LOQ): Giới hạn định lượng
- (c): Các chỉ tiêu nhà thầu phụ

PHỤ TRÁCH PHÒNG QT-PT

Nguyễn Trung Nghĩa



GIÁM ĐỐC

Trần Đoàn Khoa Tiến



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND NATURAL RESOURCES MONITORING
ĐC: 174 - Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn - ĐT: 0256. 6544468 - 6533368

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



VILAS 671

Ký hiệu: 1432/14880624

Ngày: 10/7/2024

Trang: 01/01

I. Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH tư vấn - thương mại du lịch Việt Nguyên

II. Loại mẫu: Không khí xung quanh

Lượng mẫu:

III. Thời gian:

Lấy mẫu: 21/6/2024 **Thử nghiệm:** 21/6/2024-10/7/2024 **Lưu mẫu:**

IV. Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy sản xuất đan nhựa, gia công cơ khí và may nệm muosse, lô C4, CCN Rẫy Ông Thơ, xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

V. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu:

Mô tả mẫu: **Ký hiệu mẫu:**

- Tại khu vực trung tâm dự án, tọa độ: 1543650; 583269 (11h30)

KK2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	Tiếng ồn ^(c)	dB(A)	TCVN 7878-2:2010	57,4
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	92
3	SO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	59
4	CO ^(c)	µg/Nm ³	HDPTK-02.4	<5600
5	NO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 6137-2009	21

VI. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;

- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;

- Mục I, II, IV, V được ghi theo đúng yêu cầu của đơn vị;

- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts 014

- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671

- (d): Các chỉ theo yêu cầu khách hàng

- (KPH): Không phát hiện -(MDL): Giới hạn phát hiện -(LOQ): Giới hạn định lượng

- (c): Các chỉ tiêu nhà thầu phụ

PHỤ TRÁCH PHÒNG QT-PT

Nguyễn Trung Nghĩa



Trần Đoàn Khoa Tiên



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND NATURAL RESOURCES MONITORING
ĐC: 174 - Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn - ĐT: 0256. 6544468 - 6533368

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



VILAS 671

Ký hiệu: 1431/14870624

Ngày: 10/7/2024

Trang: 01/01

I. Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH tư vấn - thương mại du lịch Việt Nguyên

II. Loại mẫu: Không khí xung quanh

Lượng mẫu:

III. Thời gian:

Lấy mẫu: 21/6/2024 Thử nghiệm: 21/6/2024-10/7/2024 Lưu mẫu:

IV. Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy sản xuất đan nhựa, gia công cơ khí và may nệm mousse, lô C4, CCN Rây Ông Thờ, xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

V. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu:

Mô tả mẫu: Ký hiệu mẫu:

- Tại khu vực trung tâm dự án, tọa độ: 1543650; 583269 (8h30)

KK1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	Tiếng ồn ^(c)	dB(A)	TCVN 7878-2:2010	58,5
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	91
3	SO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	52
4	CO ^(c)	µg/Nm ³	HDPTK-02.4	<5600
5	NO ₂ ^(c)	µg/Nm ³	TCVN 6137-2009	19

VI. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;

- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;

- Mục I, II, IV, V được ghi theo đúng yêu cầu của đơn vị;

- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimecerts 014

- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671

- (d): Các chỉ theo yêu cầu khách hàng

- (KPH): Không phát hiện -(MDL): Giới hạn phát hiện -(LOQ): Giới hạn định lượng

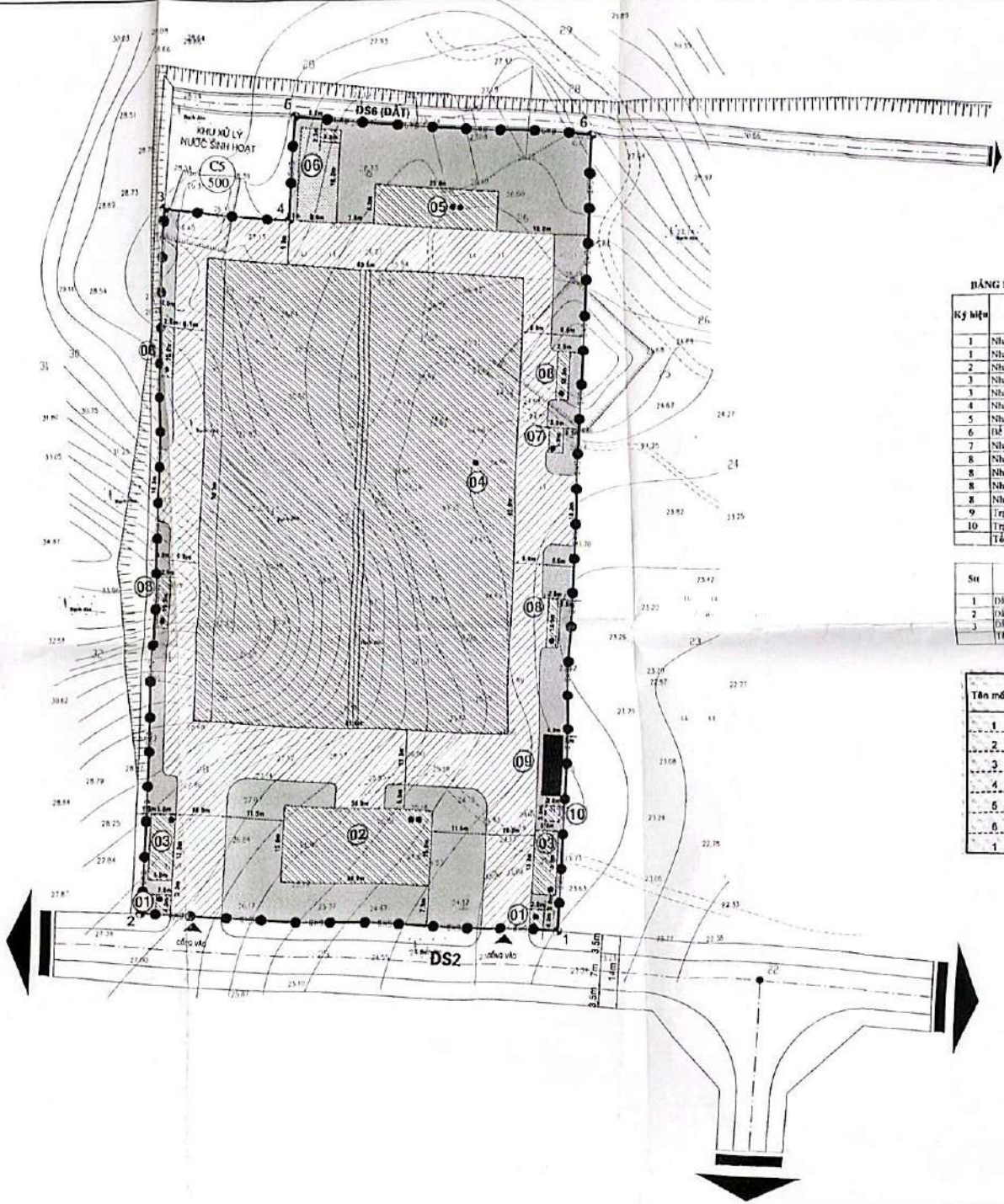
- (c): Các chỉ tiêu nhà thầu phụ

PHỤ TRÁCH PHÒNG QT-PT

Nguyễn Trung Nghĩa



Trần Đoàn Khoa Tiến



BẢNG HẠNG MỤC CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

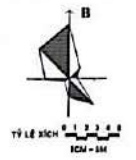
Ký hiệu	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tầng cao (tầng)
1	Nhà kho vệ 1	12,0	1
1	Nhà kho vệ 2	12,0	1
2	Nhà văn phòng + Trạm bơm	450,0	2
3	Nhà xe 1	65,0	1
3	Nhà xe 2	65,0	1
4	Nhà xưởng	5842,0	1
5	Nhà ăn và nghỉ công nhân	200,0	2
6	Bể nước PCCC và trạm bơm	144,0	
7	Nhà để khí	15,0	1
8	Nhà vệ sinh công nhân 1	25,0	1
8	Nhà vệ sinh công nhân 2	25,0	1
8	Nhà vệ sinh công nhân 3	25,0	1
8	Nhà vệ sinh công nhân 4	25,0	1
9	Trạm xử lý nước thải	48,0	
10	Trạm biến áp	9,0	
Tổng		6.962,0	

Stt	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	6.962,0	53,1
2	Đất cây xanh	2.693,8	20,6
3	Đất giao thông, sân bãi	3.414,2	26,3
Tổng		13.070,0	100,0

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

Tần mốc	Tọa độ (Xm)	Tọa độ (Ym)	Khoảng cách (m)
1	1543630.150	583268.651	85,0
2	1543636.989	583183.926	140,0
3	1543776.535	583195.190	25,0
4	1543774.524	583220.109	20,0
5	1543794.459	583221.718	60,0
6	1543789.632	583281.524	100,0
1	1543630.150	583268.651	

THÀNH ĐỢT
Đã kiểm tra và
Ngày... tháng... năm...
Ký tên



KÝ HIỆU:

	BIÊN GIỚI QUY HOẠCH
	CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
	ĐẤT CÂY XANH
	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ
	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
	ĐẤT SÂN BÀI
	BỂ NƯỚC PCCC

- ① - Nhà kho vệ
- ② - Nhà văn phòng + Trạm bơm
- ③ - Nhà xe
- ④ - Nhà xưởng
- ⑤ - Nhà ăn và nghỉ công nhân
- ⑥ - Bể nước PCCC và Trạm bơm
- ⑦ - Nhà để khí
- ⑧ - Nhà vệ sinh công nhân
- ⑨ - Bể nước xử lý nước thải
- ⑩ - Trạm biến áp
- - Số tầng cao tối đa

CƠ QUẢN LÝ DỰ ÁN: BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN
 HẸM THƯỜNG MẠI ĐƯỜNG SỐ 10/10, PHƯỜNG KHUÊ TẾ, THƯỜNG MẠI, NAM ĐO, QUẢNG BÌNH
 NGÀY 16 THÁNG 9, NĂM 2023

ĐƠN QUẢN TRỊ MẶT ĐẤT: PHÒNG KHUÊ TẾ VÀ TÂN TẠNG
 HẸM THƯỜNG MẠI ĐƯỜNG SỐ 10/10, PHƯỜNG KHUÊ TẾ, THƯỜNG MẠI, NAM ĐO, QUẢNG BÌNH
 NGÀY 16 THÁNG 9, NĂM 2023

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI DRAGON
 HẸM THƯỜNG MẠI ĐƯỜNG SỐ 10/10, PHƯỜNG KHUÊ TẾ, THƯỜNG MẠI, NAM ĐO, QUẢNG BÌNH
 NGÀY 16 THÁNG 9, NĂM 2023

ĐỊA ĐIỂM: CỒN RẮY ỒNG THỎ, KÁ TÂY AN, HUYỆN TÂY SƠN
 TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-03; CHẾP: 1:50; TỶ LỆ: 1:500; NGÀY: .../.../2024

THET KÊ: KTB. BẢO CÔNG THINH
 CHỌI TH: KTB. NGUYỄN THÀNH QUÂN
 CHỖ NHẬN ĐỒ ÁN: KTB. NGUYỄN THÀNH QUÂN
 QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KTB. NGUYỄN THÀNH QUÂN



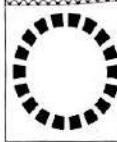
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI DRAGON
VIỆT NGUYỄN
 ĐƠN VỊ TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ

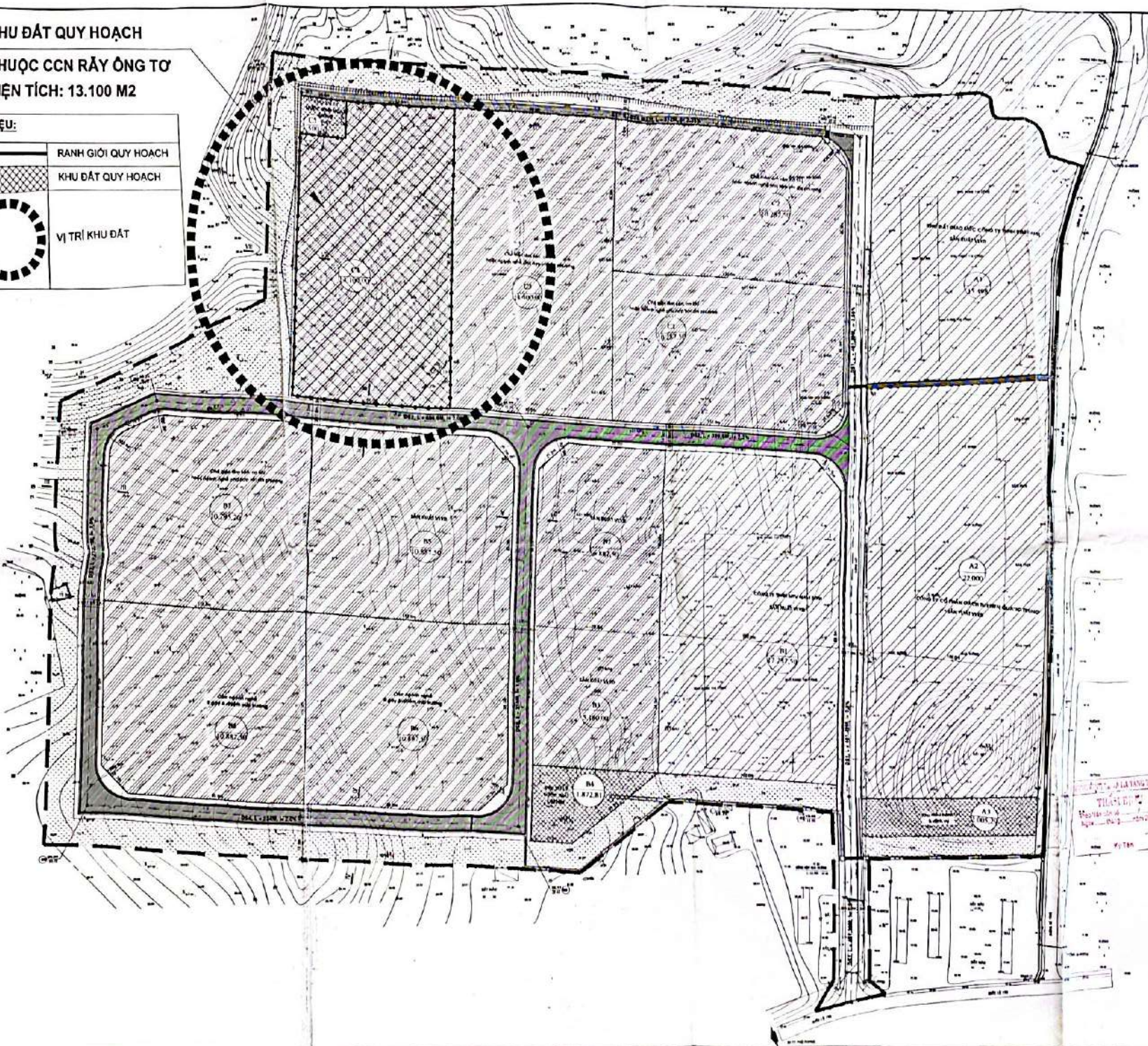
KHU ĐẤT QUY HOẠCH

THUỘC CCN RÃY ÔNG TƠ

DIỆN TÍCH: 13.100 M²

KÝ HIỆU:

	RANH GIỚI QUY HOẠCH
	KHU ĐẤT QUY HOẠCH
	VỊ TRÍ KHU ĐẤT



CHÚ THÍCH:

Ký hiệu	Tên ký hiệu
	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh hiện trạng
	Đất Quy hoạch cụm công nghiệp
	Đất khu điều hành, cụm xử lý
	Đất cây xanh
	Đất có mặt nước chuyên dùng
	Ranh Giới xã
	Ranh Giới quy hoạch

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY BÒN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 02/TT-UBND NGÀY 01 THÁNG 5, NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 02/TT-UBND NGÀY 01 THÁNG 5, NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: CÔNG TY TNHH BÀN ĐÁY VÀ THƯƠNG MẠI ĐÀO AN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 02/TT-UBND NGÀY 16 THÁNG 5, NĂM 2024

QUY HOẠCH TÍCH MẶT NƯỚC VÀ CHỖ ĐỂ Ô TÔ
NHÀ MÁY SẢN XUẤT BĂNG CỐ KHI BÀN NHỰA GIẤ MÂY,
MÂY KEM NGÓNG

ĐỊA ĐIỂM:
CCN RÃY ÔNG TƠ, XÃ TÂY AN, HUYỆN TÂY BÒN

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, PHẠM VI RANH GIỚI KHU ĐẤT

BẢN VẼ: 01-01 CHẾP SẴN TỶ LỆ 1:2000 NGÀY: .../.../2024

THIẾT KẾ: KTS. ĐÀO CÔNG THÀNH

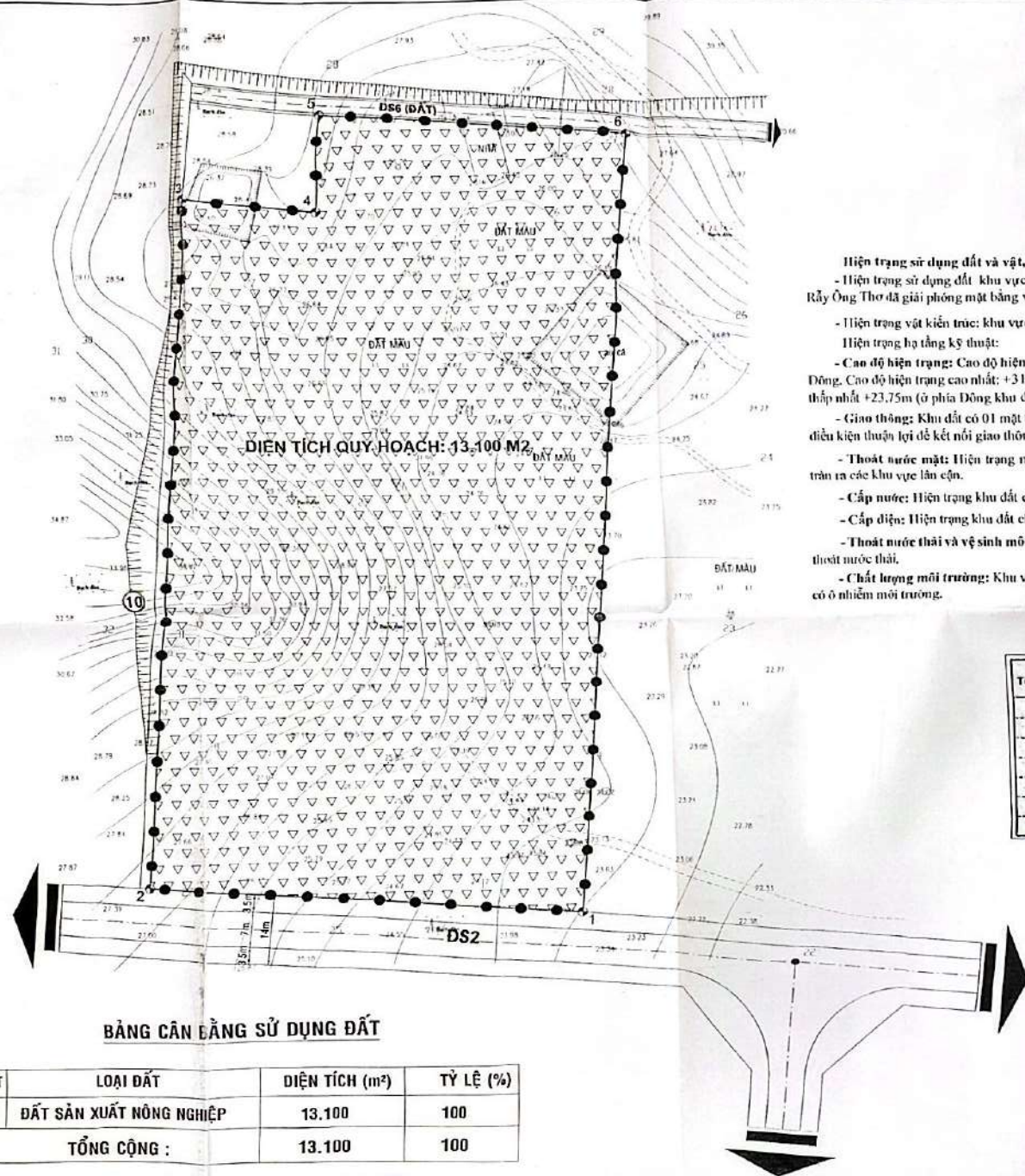
CHẤU TRÚ: KTS. NGUYỄN THÀNH QUÂN

CHỖ NHÌN ĐÓNG AN: KTS. NGUYỄN THÀNH QUÂN

QUẢN LÝ KẾT THỰC: KTS. NGUYỄN THÀNH QUÂN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI ĐÀO AN
VIỆT NGUYỄN
Số 01/11/THƯỜNG QUET TP. QUẢNG NGÃI, QUẢNG NGÃI

Scanned with CamScanner



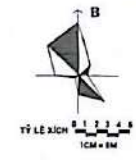
BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
01	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	13.100	100
TỔNG CỘNG :		13.100	100

- Hiện trạng sử dụng đất và vật, kiến trúc:**
- Hiện trạng sử dụng đất: khu vực lập quy hoạch nằm trong Cụm công nghiệp Rẫy Ông Thọ đã giải phóng mặt bằng với diện tích: 13.100 m².
 - Hiện trạng vật kiến trúc: khu vực quy hoạch không có công trình xây dựng.
- Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:**
- **Cao độ hiện trạng:** Cao độ hiện trạng dốc từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông. Cao độ hiện trạng cao nhất: +31,55m (ở phía Tây khu đất), cao độ hiện trạng thấp nhất: +23,75m (ở phía Đông khu đất).
 - **Giao thông:** Khu đất có 01 mặt tiếp giáp với đường quy hoạch lộ giới 14m là điều kiện thuận lợi để kết nối giao thông.
 - **Thoát nước mặt:** Hiện trạng nước mặt khu đất từ chảy theo địa hình chảy tràn ra các khu vực lân cận.
 - **Cấp nước:** Hiện trạng khu đất chưa có hệ thống cấp nước.
 - **Cấp điện:** Hiện trạng khu đất chưa có hệ thống cấp điện.
 - **Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:** Hiện trạng khu đất chưa có hệ thống thoát nước thải.
 - **Chất lượng môi trường:** Khu vực quy hoạch chủ yếu là đất trồng cây, không có ô nhiễm môi trường.

BẢNG KÊ TOA ĐỘ

Tên mốc	Tọa độ (Xm)	Tọa độ (Ym)	Khoảng cách (m)
1	1543630,110	583268,651	85,0
2	1543636,989	583183,926	140,0
3	1543776,535	583195,190	25,0
4	1543774,524	583220,109	20,0
5	1543794,479	583221,718	60,0
6	1543789,632	583281,524	100,0
1	1543630,110	583268,651	85,0



KÝ HIỆU:

●	RANH GIỚI QUY HOẠCH
.....	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

CƠ QUAN THÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN
KÈM THEO QUÊ SƠ: NGÀY ... THÁNG ... NĂM

CƠ QUAN THẦU DẠNG: PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG
KÈM THEO QUÊ SƠ SỐ: 20/2018/KT. NGÀY 23 THÁNG 5, NĂM 2024
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG
TRƯỞNG PHÒNG: *[Signature]*

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH BẢO QUẾ VÀ THƯƠNG MẠI DRAGON
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 04/ĐD/2024 NGÀY 16 THÁNG 4, NĂM 2024
CÔNG TY TNHH BẢO QUẾ VÀ THƯƠNG MẠI DRAGON
TRƯỞNG TẬP: *[Signature]*

QUY HOẠCH TỒNG MẶT BẰNG ĐẤT VÀ THƯỜNG MẶT ĐỒNG TỶ LỆ 1/500
NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐẤT BĂNG CƠ KHÍ DANH NHỰA GIÁ MÁY,
BAY NEM BOUSSE

ĐỊA ĐIỂM:
CƠN RẦY ÔNG THỌ, XÃ TÂY AN, HUYỆN TÂY SƠN

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG TỔNG MẶT

BẢN VẼ: QH-K2 | CHÉP: TẮT | TỶ LỆ: 1/500 | NGÀY: .../.../2024

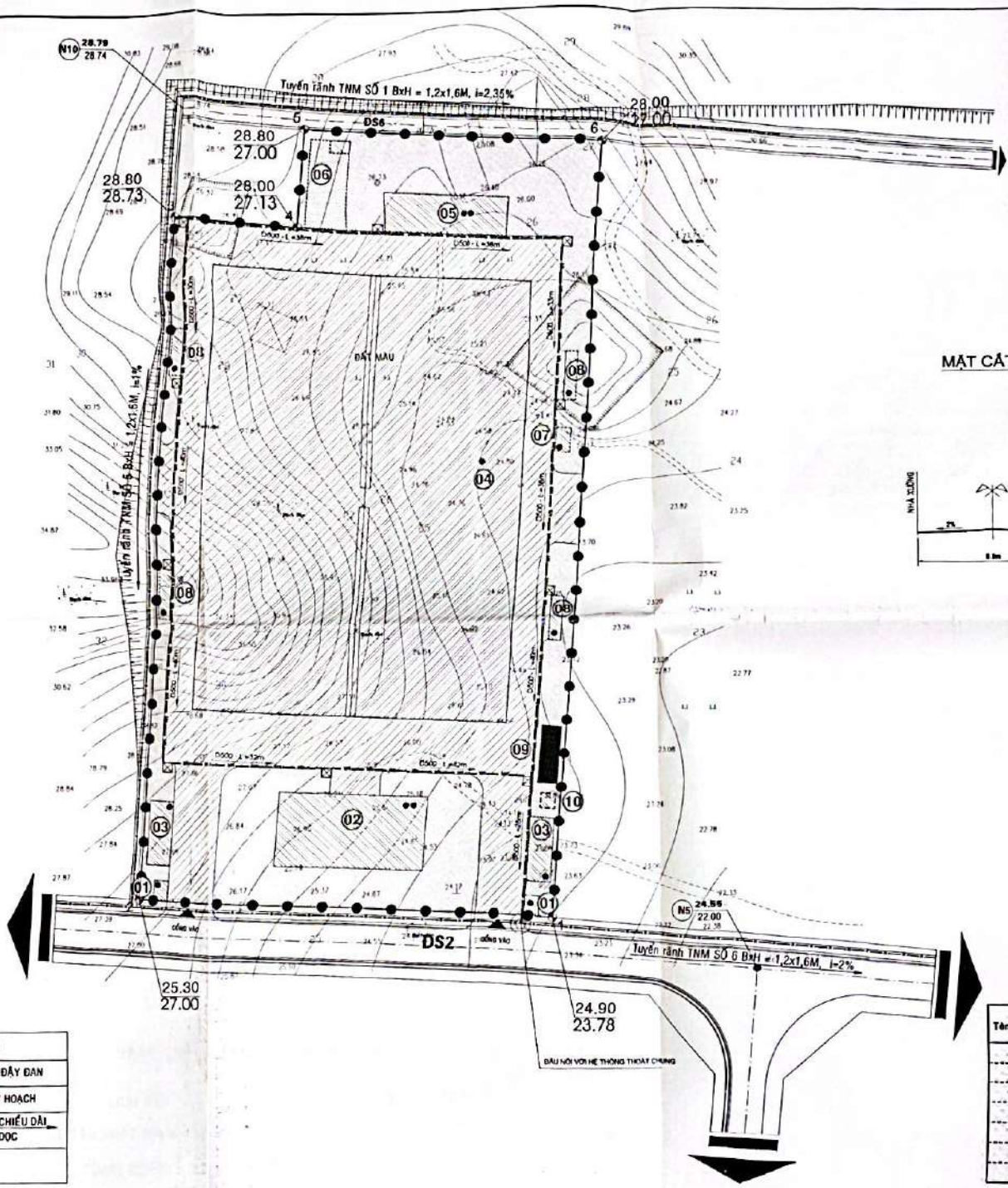
THIẾT KẾ: KTS. ĐÀO CÔNG THỊNH *[Signature]*

CHỌI TRỊ: KTS. NGUYỄN THÀNH QUÂN *[Signature]*

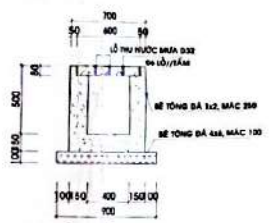
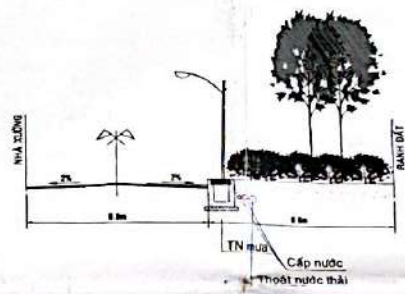
CHỦ NHIỆM DỒ AN: KTS. NGUYỄN THÀNH QUÂN *[Signature]*

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI ĐỒNG TỶ LỆ
VIỆT NGUYỄN
ĐỊA CHỈ: 11/1 PHƯỚC BẾN, TP. QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH



MẶT CẮT ĐƯỜNG ĐIỂN HÌNH



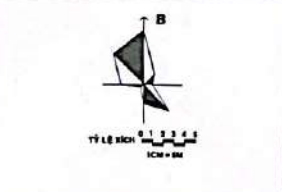
MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH MƯƠNG THOÁT NƯỚC

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

Tên mốc	Tọa độ (Xm)	Tọa độ (Ym)	Khoảng cách (m)
1	1543630.150	583268.651	85.0
2	1543636.689	583183.926	140.0
3	1543776.435	583195.190	25.0
4	1543774.524	583220.109	20.0
5	1543794.459	583221.718	160.0
6	1543789.732	583281.524	60.0
1	1543630.150	583268.651	

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	NỘI DUNG
	TUYẾN MƯƠNG ĐẦY ĐÀN
	RANH GIỚI QUY HOẠCH
	ĐƯỜNG KÍNH - CHIỀU DÀI ĐỘ ĐỐC ĐỌC
	HỒ GA



KÝ HIỆU:

	RANH GIỚI QUY HOẠCH
	DÁT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
	DÁT CÂY XANH
	DÁT GIAO THÔNG NỘI BỘ
	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
	DÁT SÀN BÃI
	BỂ NƯỚC PCCC

- ① - MẶT SÀNG VỆ
 - ② - MẶT SÀN PHÒNG + TRẠNG BÃI
 - ③ - MẶT XE
 - ④ - MẶT CƯỜNG
 - ⑤ - MẶT SÀN VÀ MẶT CƯỜNG MẶT
 - ⑥ - BỂ NƯỚC PCCC VÀ TRẠNG BÃI
 - ⑦ - MẶT BẾ ĐỒ
 - ⑧ - MẶT VỆ SẠCH CÔNG NHẬN
 - ⑨ - BỂ NƯỚC KÌ LỖ MỨC THẢI
 - ⑩ - TRẠNG BẾ SẬP
 - ⊗ - SỐ TẦNG CAO TỌA ĐỘ
- 11.68 CAO ĐỘ THIẾT KẾ
11.68 CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY BÓN
KÈM THEO QĐ SỐ _____ NGÀY ____ THÁNG ____ NĂM

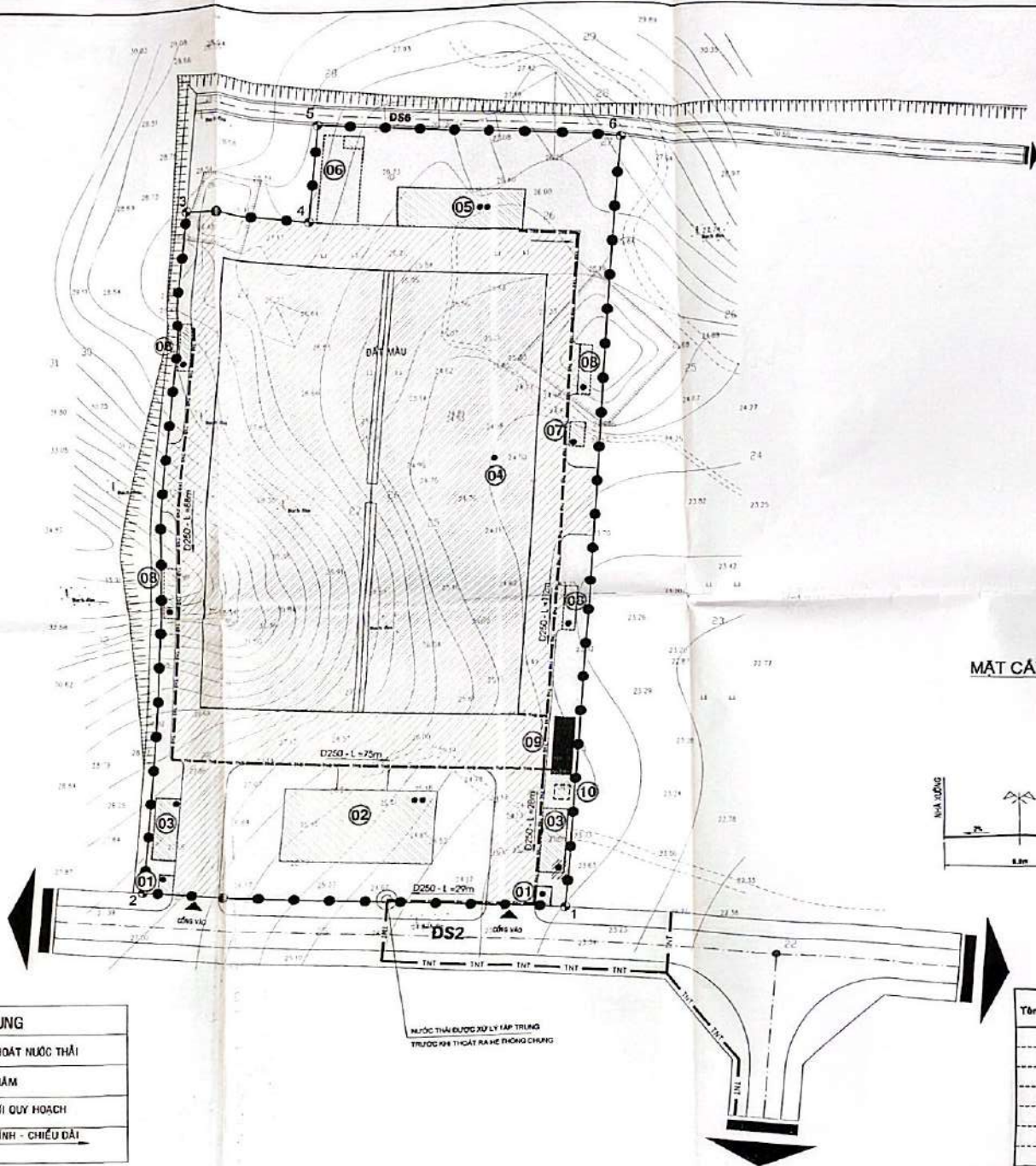
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG
KÈM THEO SỐ THẨM ĐỊNH L/TL-S&M&N/Đ/THANG C. NĂM 2024

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DRAGON
KÈM THEO SỐ THẨM ĐỊNH L/TL-S&M&N/Đ/THANG C. NGÀY 16 THÁNG 10 NĂM 2024

ĐỊA ĐIỂM: CƠ SỞ BÂY ĐÔNG THỜI, XÃ TÂY AN, HUYỆN TÂY BÓN
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT THOÁT NƯỚC MƯA

BẢN VẼ: CH. M. CH. P. 1/1 TỶ LỆ 1:500 NGÀY ____ / ____ / 2024
THIẾT KẾ: K.S. NGUYỄN VĂN THẠNH
CHỌN TRÈ: _____
CHỦ NHIỆM DỒ AN: K.T.S. NGUYỄN THÀNH QUÂN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: _____

VIỆT NGUYỄN
BỘ CH. KỸ. L. THƯƠNG MẠI TP. QUẢNG NGÃI

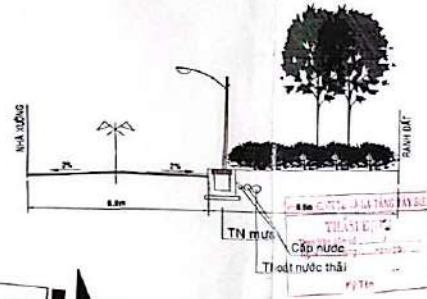


CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	NỘI DUNG
---	TUYẾN THOÁT NƯỚC THẢI
☒	HỒ GA THÂM
●—●—●—●	RANH GIỚI QUY HOẠCH
D250 - L = 11 m	ĐƯỜNG KINH - CHIỀU DÀI

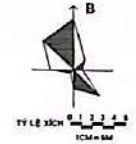
MỨC THẢI DƯỢC XỬ LÝ TẬP TRUNG
TRƯỚC NHÀ THOÁT RA HỆ THỐNG CHƯNG

MẶT CÁT ĐƯỜNG ĐIỂN HÌNH



BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

Tên mốc	Tọa độ (Xm)	Tọa độ (Ym)	Khoảng cách (m)
1	1543630.150	583268.651	85.0
2	1543636.989	583183.926	140.0
3	1543776.535	583195.190	25.0
4	1543774.524	583220.109	20.0
5	1543794.459	583221.718	60.0
6	1543789.632	583281.524	100.0
1	1543630.150	583268.651	



KÝ HIỆU:

●	RANH GIỚI QUY HOẠCH
▨	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
▨	ĐẤT CÂY XANH
▨	ĐẤT GIAO THÔNG HỒI ĐỘ
▨	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
▨	ĐẤT SÂN BÀ
▨	BỂ NƯỚC PCCC

- ① - NHÀ BẢO VỆ
- ② - NHÀ VÀO PHÒNG + TRUNG BÀY
- ③ - NHÀ BẾ
- ④ - NHÀ KINH
- ⑤ - NHÀ AN VÀ NGHỈ CÔNG NHÂN
- ⑥ - BỂ NƯỚC PCCC VÀ TRẠM BƠM
- ⑦ - NHÀ SẾ NÚI
- ⑧ - NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN
- ⑨ - BỂ NƯỚC SỬ LÝ NƯỚC THẢI
- ⑩ - TRẠM BẾP
- - SỐ TẦNG CAO TỶ SA

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN
KÈM THEO QUÂN SỐ: _____ NGÀY: ____ THÁNG ____ NĂM ____

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TÀNG
KÈM THEO QUÂN SỐ: _____ NGÀY: ____ THÁNG ____ NĂM ____

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI DRAGON
KÈM THEO QUÂN SỐ: _____ NGÀY: ____ THÁNG ____ NĂM ____

QUY HOẠCH TỌA ĐỘ MẶT BẰNG XÂY DỰNG TỶ LỆ 1:500
NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG CƠ KHÍ ĐẠM NHỰA GIÀ MỸ,
MẶT NẸM BOUSSE

QUA ĐỀM: ANH KAY ĐÔNG THỌ, SÁ TÂY AN, HUYỀN TÂY SƠN

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT THOÁT NƯỚC THẢI

BẢN VẼ: CH-87 CHẾP: 15/11 TỶ LỆ: 1:500 NGÀY: .../.../2024

PHIẾNG KÊ: NS. NGUYỄN VĂN THÀNH



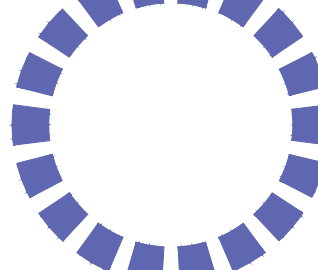
CHỦ NHIỆM ĐOÀN: KTS. NGUYỄN THÀNH QUÂN

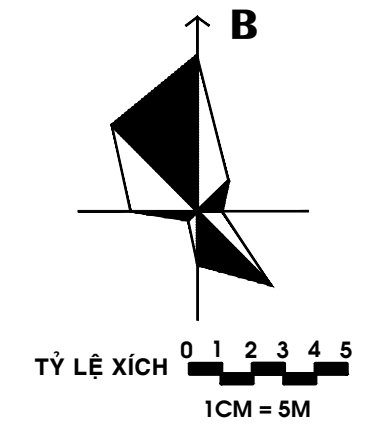
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: NGUYỄN QUANG HOÀNG

VIỆT NGUYỄN
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI ĐU LỊCH
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KỸ THUẬT

KHU ĐẤT QUY HOẠCH
THUỘC CCN RẦY ÔNG TỜ
DIỆN TÍCH: 13.100 M²

KÝ HIỆU:

	TNB	ĐƯỜNG THOÁT NƯỚC THẢI
		KHU ĐẤT QUY HOẠCH
		VỊ TRÍ KHU ĐẤT



CHÚ THÍCH:

Ký hiệu	Tên ký hiệu
	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh hiện trạng
	Đất Quy hoạch cụm công nghiệp
	Đất khu điều hành, cụm xử lý
	Đất cây xanh
	Đất có mặt nước chuyên dùng
	Ranh Giới xã
	Ranh Giới quy hoạch

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN
 KÈM THEO QĐ SỐ: NGÀY THÁNG NĂM

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG
 KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI DRAGON
 KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500
NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG CƠ KHÍ ĐẠN NHỰA GIÁ MỸ, MÀY NỆM MOUSSE

ĐỊA ĐIỂM:
 CCN RẦY ÔNG TỜ, XÃ TÂY AN, HUYỆN TÂY SƠN

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ THOÁT NƯỚC THẢI CỦA DỰ ÁN
GIAI ĐOẠN CHƯA CỎ HẠ TẦNG THOÁT NƯỚC THẢI CHUNG

BẢN VẼ: QH-01 GHEP: 1x1 TỶ LỆ: 1/2000 NGÀY: /.../2024

THIẾT KẾ: KTS. ĐÀO CÔNG THỊNH

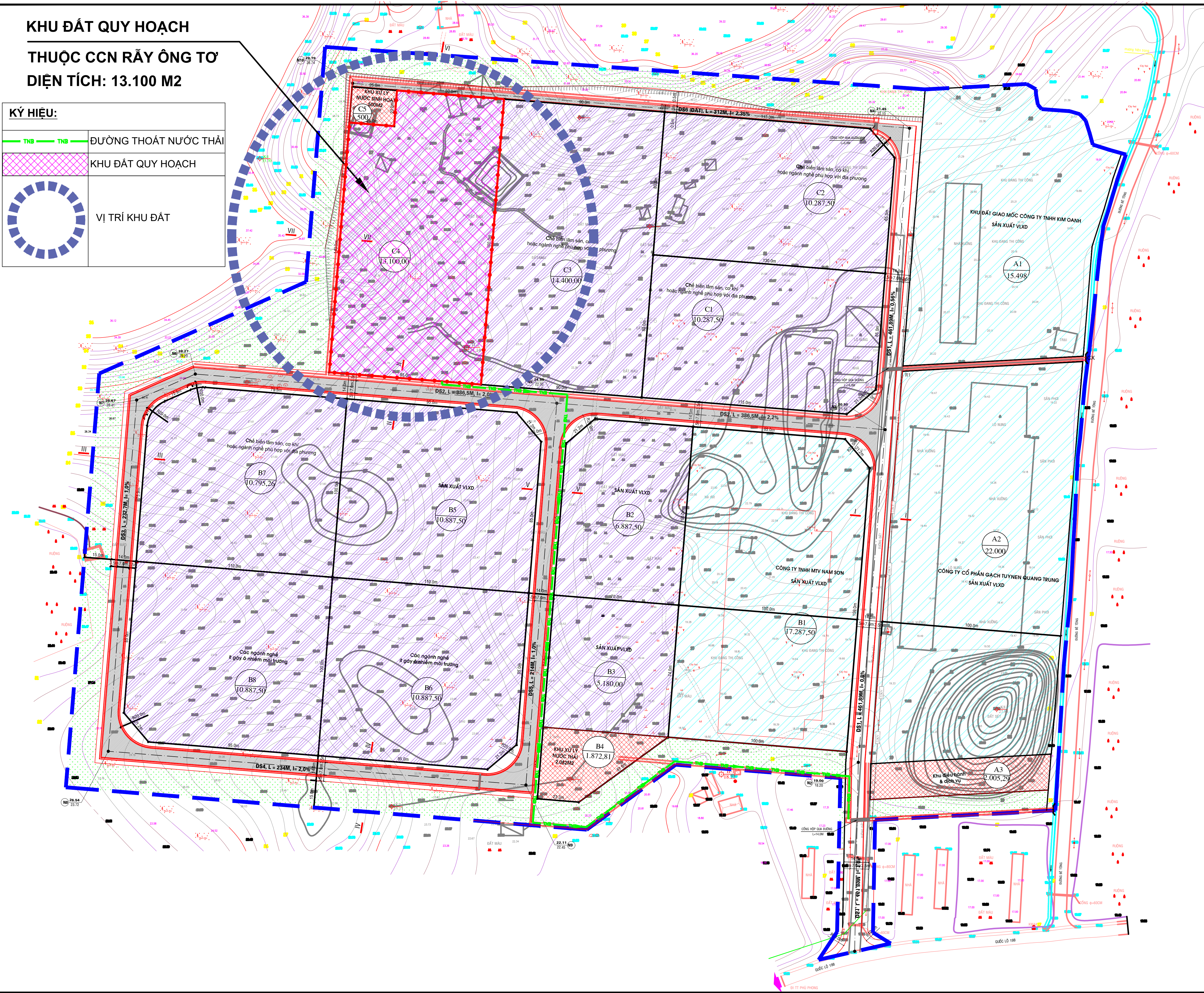
CHỦ TRÌ: KTS. NGUYỄN THÀNH QUÂN

CHỦ NHIỆM ĐO ÁN: KTS. NGUYỄN THÀNH QUÂN

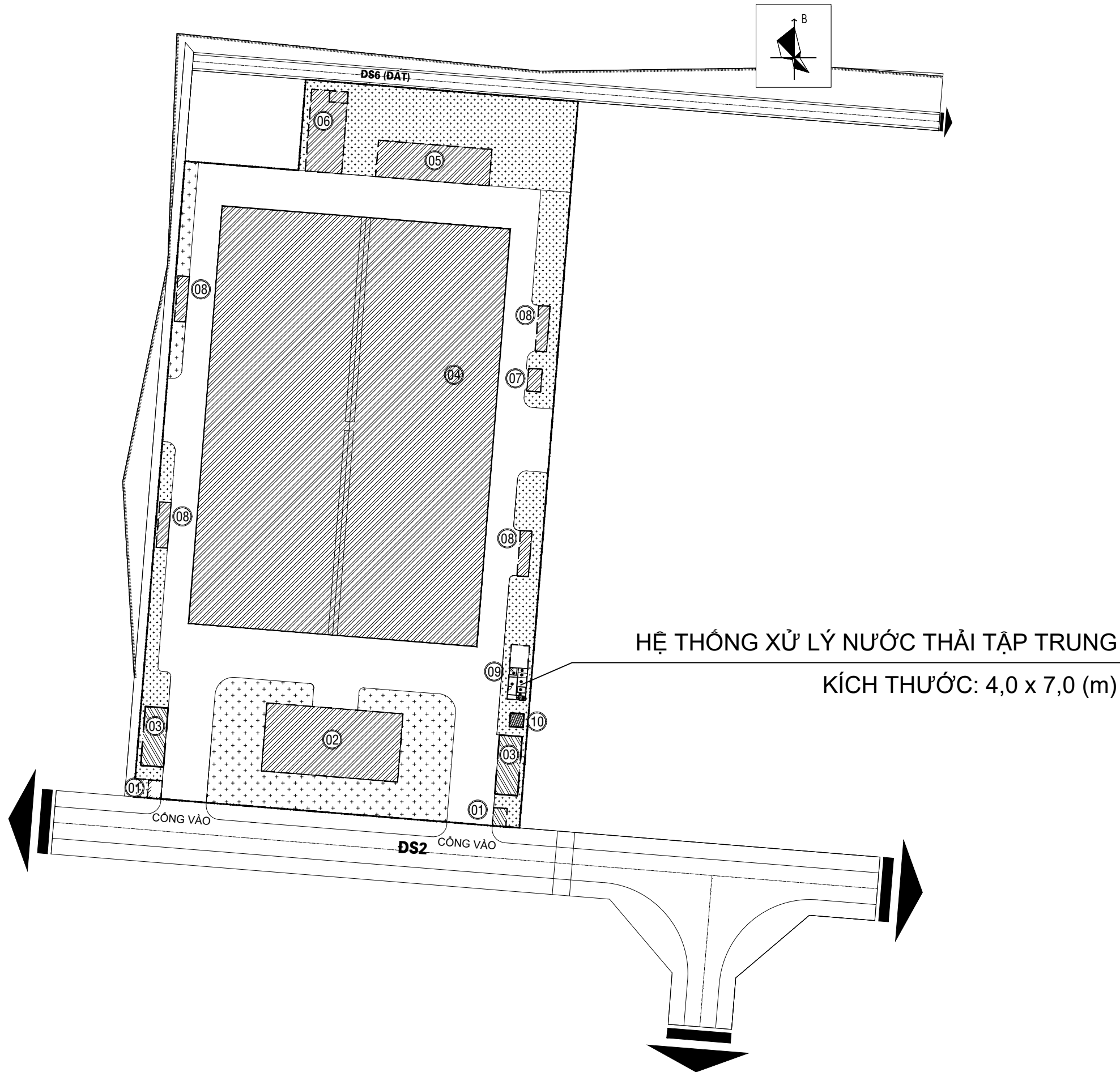
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG HOÀNG

 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI DỰ LỊCH
VIỆT NGUYỄN
 ĐỊA CHỈ: 17 LÝ THƯỜNG KIỆT - TP. QUY NHƠN - T. Q. 0914064007



MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG, CÔNG SUẤT 5 M3/NGÀY



Ghi chú:

Chủ đầu tư:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI DRAGON

Địa chỉ: Thôn Phú Hưng, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn,
tỉnh Bình Định

Giám đốc:

Dự án:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG CƠ KHÍ
ĐẠN NHỰA GIẢ MÂY, MÂY NỆM
MOUSSE

Công trình:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TẬP TRUNG

Địa điểm xây dựng:

LÔ C4, CỤM CÔNG NGHIỆP RÂY ÔNG THƠ, XÃ
TÂY AN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Tên bản vẽ:

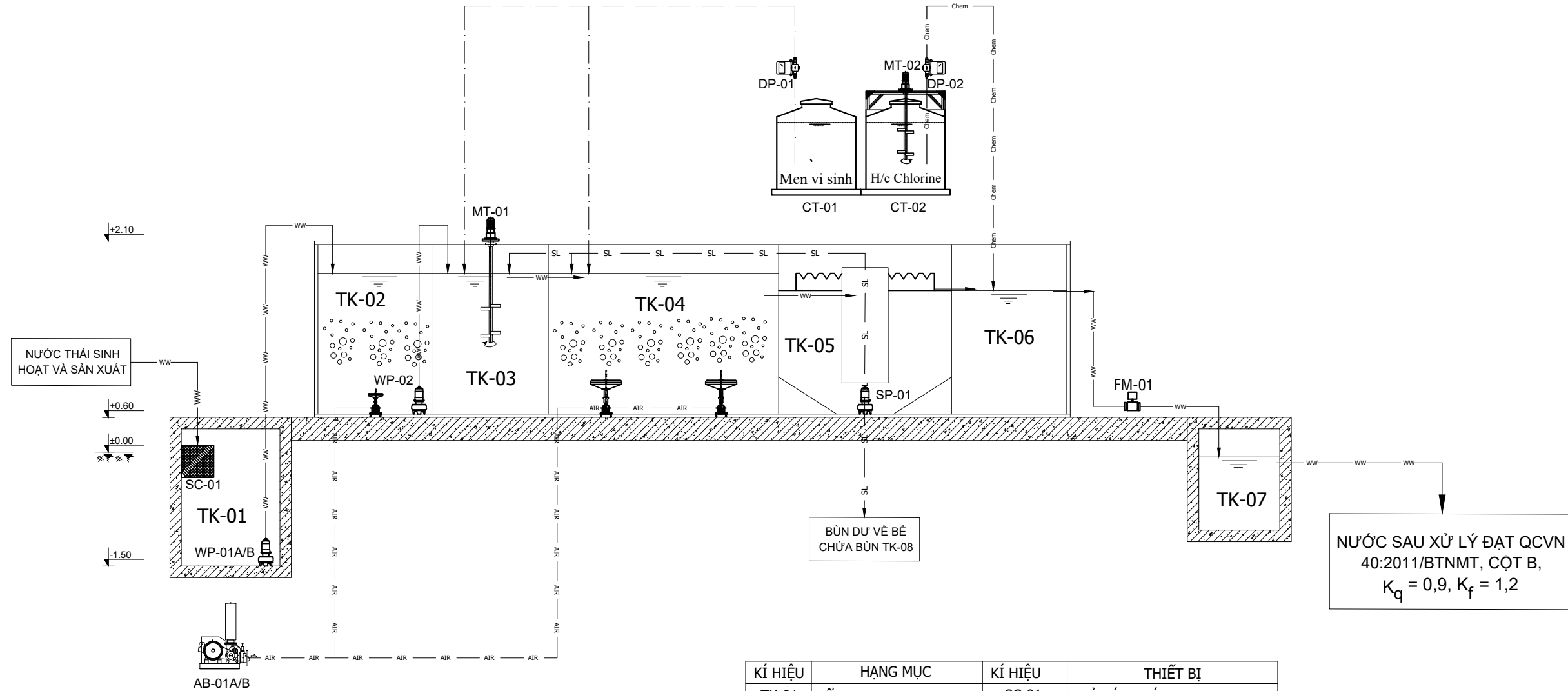
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ

Năm hoàn thành: 2024

Tỷ lệ: 1/100

Số bản vẽ: 01/09

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG CÔNG SUẤT 5 M3/NGÀY



KÍ HIỆU	
— WW —	ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
— AIR —	ĐƯỜNG KHÍ
— SL —	ĐƯỜNG BÙN
— — — — —	ĐƯỜNG MEN VI SINH
— Chem —	ĐƯỜNG HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG

KÍ HIỆU	HẠNG MỤC	KÍ HIỆU	THIẾT BỊ
TK-01	BỂ THU GOM	SC-01	GIÒ TÁCH RÁC
TK-02	BỂ ĐIỀU HÒA	WP-01A/B	BƠM BỂ THU GOM
TK-03	BỂ THIẾU KHÍ ANOXIC	WP-02	BƠM BỂ ĐIỀU HÒA
TK-04	BỂ HIẾU KHÍ AEROTANK	MT-01	MOTOR KHUẤY BỂ ANOXIC
TK-05	BỂ LẮNG SINH HỌC	AB-01A/B	MÁY THỔI KHÍ
TK-06	BỂ KHỬ TRÙNG	SP-01	BƠM BÙN BỂ LẮNG
TK-07	BỂ ĐỔI CHỨNG	CT-01	BỒN MEN VI SINH
TK-08	BỂ CHỨA BÙN	CT-02	BỒN HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG
N-01	NHÀ ĐIỀU HÀNH	DP-01/02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
		MT-02	MOTOR KHUẤY BỒN HÓA CHẤT
		FM-01	ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

Ghi chú:

Chủ đầu tư:

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI DRAGON**

Địa chỉ: Thôn Phú Hưng, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

Giám đốc:

Dự án:

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG CƠ KHÍ
ĐAN NHỰA GIẢ MÂY, MÁY NỆM
MOUSSE**

Công trình:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TẬP TRUNG**

Địa điểm xây dựng:

LÔ C4, CỤM CÔNG NGHIỆP RÂY ÔNG THƠ, XÃ TÂY AN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Tên bản vẽ:

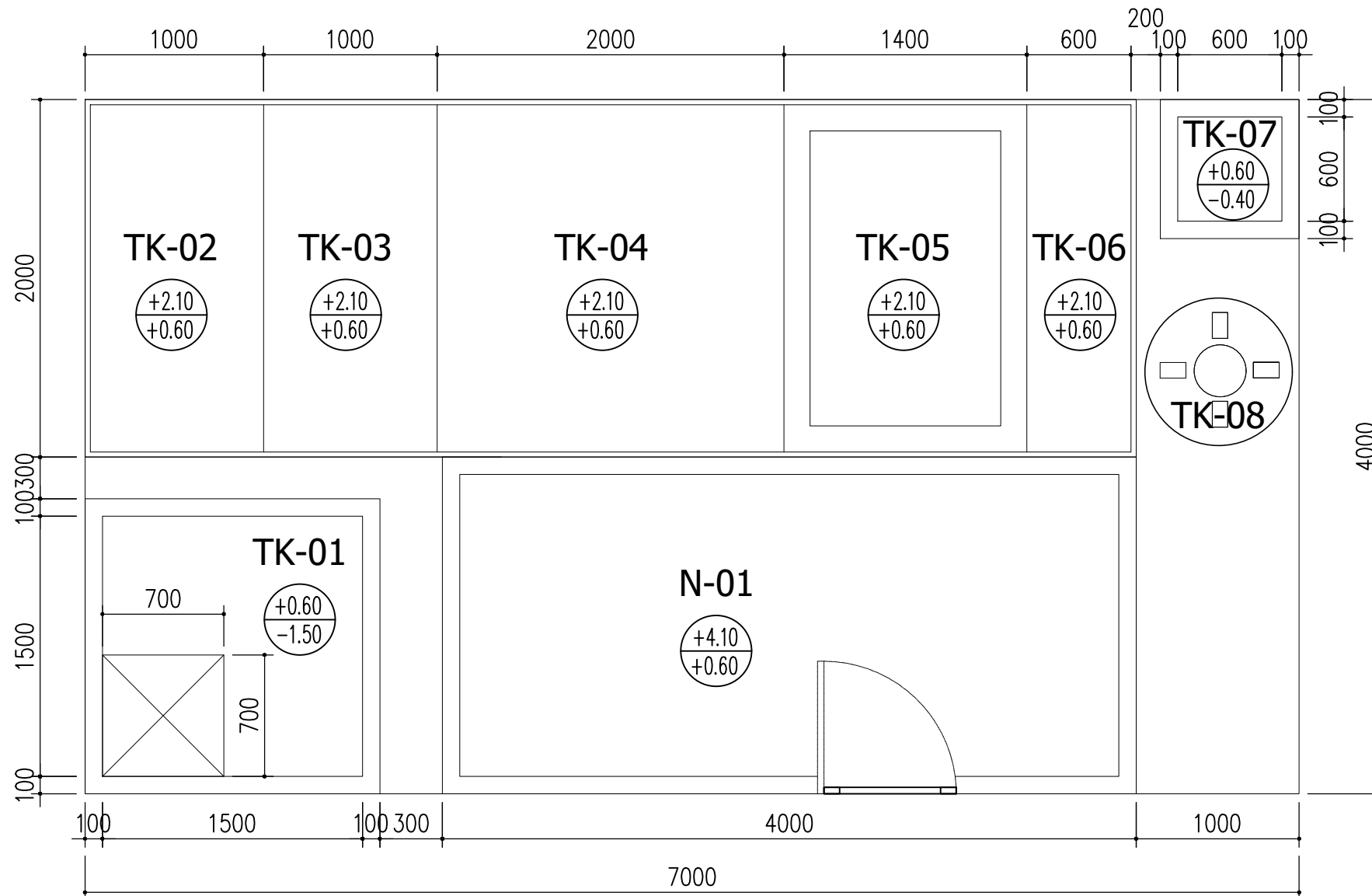
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

Năm hoàn thành: 2024

Tỷ lệ: 1/100

Số bản vẽ: 02/09

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
CÔNG SUẤT 5 M3/NGÀY



KÍ HIỆU	HẠNG MỤC	KÍ HIỆU	THIẾT BỊ
TK-01	BỂ THU GOM	SC-01	GIÒ TÁCH RÁC
TK-02	BỂ ĐIỀU HÒA	WP-01A/B	BƠM BỂ THU GOM
TK-03	BỂ THIẾU KHÍ ANOXIC	WP-02	BƠM BỂ ĐIỀU HÒA
TK-04	BỂ HIẾU KHÍ AEROTANK	MT-01	MOTOR KHUẤY BỂ ANOXIC
TK-05	BỂ LẮNG SINH HỌC	AB-01A/B	MÁY THỔI KHÍ
TK-06	BỂ KHỬ TRÙNG	SP-01	BƠM Bùn BỂ LẮNG
TK-07	BỂ ĐỔI CHỨNG	CT-01	BỒN MEN VI SINH
TK-08	BỂ CHỨA BÙN	CT-02	BỒN HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG
N-01	NHÀ ĐIỀU HÀNH	DP-01/02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
		MT-02	MOTOR KHUẤY BỒN HÓA CHẤT
		FM-01	ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

Ghi chú:

Chủ đầu tư:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI DRAGON

Địa chỉ: Thôn Phú Hưng, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn,
tỉnh Bình Định

Giám đốc:

Dự án:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG CƠ KHÍ
ĐẠN NHỰA GIẢ MÂY, MÁY NỆM
MOUSSE

Công trình:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TẬP TRUNG

Địa điểm xây dựng:

LÔ C4, CỤM CÔNG NGHIỆP RÂY ÔNG THƠ, XÃ
TÂY AN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Tên bản vẽ:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG

Năm hoàn thành:

2024

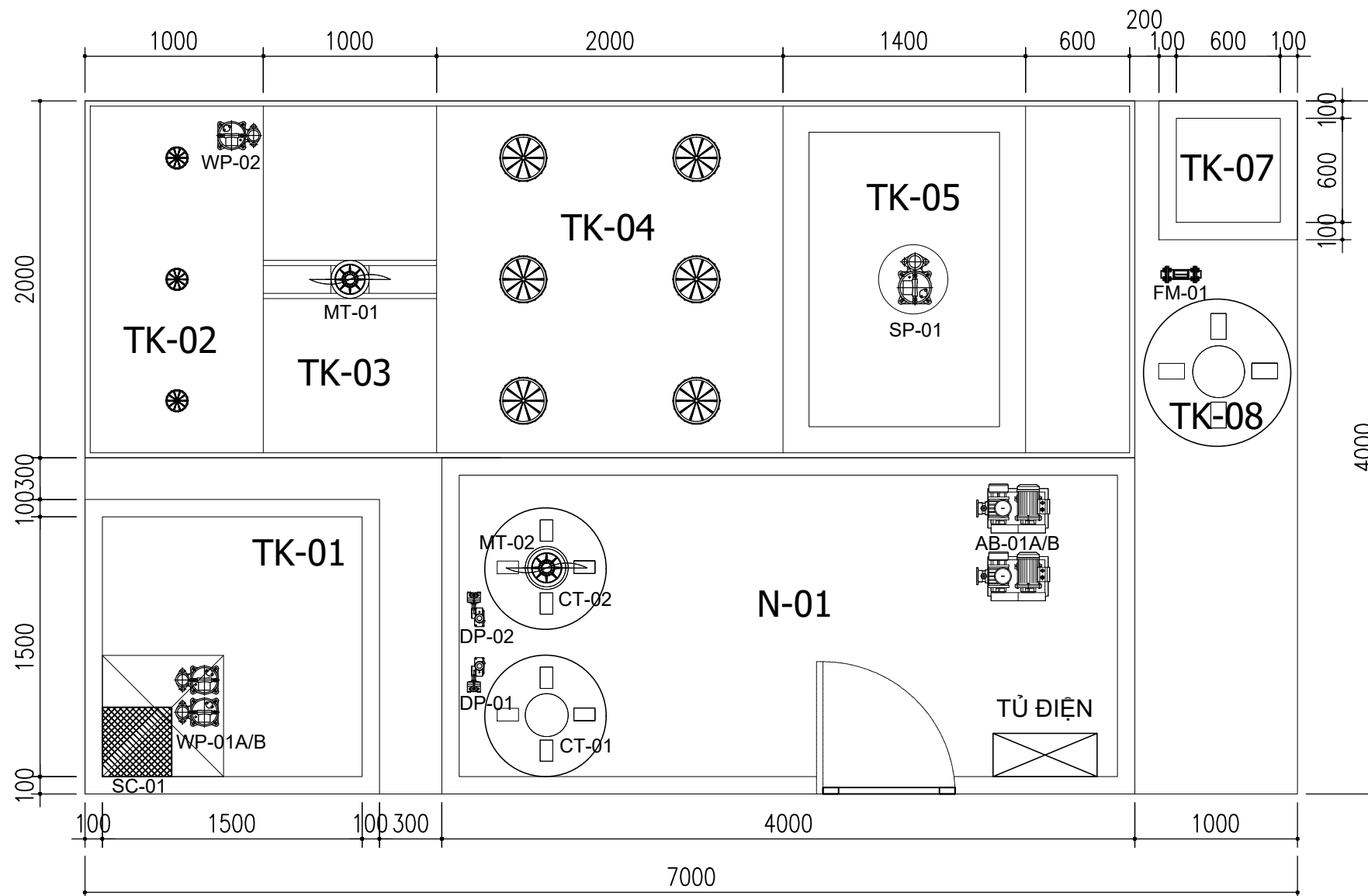
Tỷ lệ:

1/100

Số bản vẽ:

03/09

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG CÔNG SUẤT 5 M3/NGÀY



KÍ HIỆU	HẠNG MỤC	KÍ HIỆU	THIẾT BỊ
TK-01	BỂ THU GOM	SC-01	GIỎ TÁCH RÁC
TK-02	BỂ ĐIỀU HÒA	WP-01A/B	BƠM BỂ THU GOM
TK-03	BỂ THIẾU KHÍ ANOXIC	WP-02	BƠM BỂ ĐIỀU HÒA
TK-04	BỂ HIẾU KHÍ AEROTANK	MT-01	MOTOR KHUẤY BỂ ANOXIC
TK-05	BỂ LẮNG SINH HỌC	AB-01A/B	MÁY THỔI KHÍ
TK-06	BỂ KHỬ TRÙNG	SP-01	BƠM Bùn BỂ LẮNG
TK-07	BỂ ĐỔI CHỨNG	CT-01	BỒN MEN VI SINH
TK-08	BỂ CHỨA BÙN	CT-02	BỒN HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG
N-01	NHÀ ĐIỀU HÀNH	DP-01/02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
		MT-02	MOTOR KHUẤY BỒN HÓA CHẤT
		FM-01	ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

Ghi chú:

Chủ đầu tư:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI DRAGON

Địa chỉ: Thôn Phú Hưng, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn,
tỉnh Bình Định

Giám đốc:

Dự án:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG CƠ KHÍ
ĐẠN NHỰA GIẢ MÂY, MÁY NỆM
MOUSSE

Công trình:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TẬP TRUNG

Địa điểm xây dựng:

LÔ C4, CỤM CÔNG NGHIỆP RÂY ÔNG THƠ, XÃ
TÂY AN HUYỆN TÂY SON, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Tên bản vẽ:

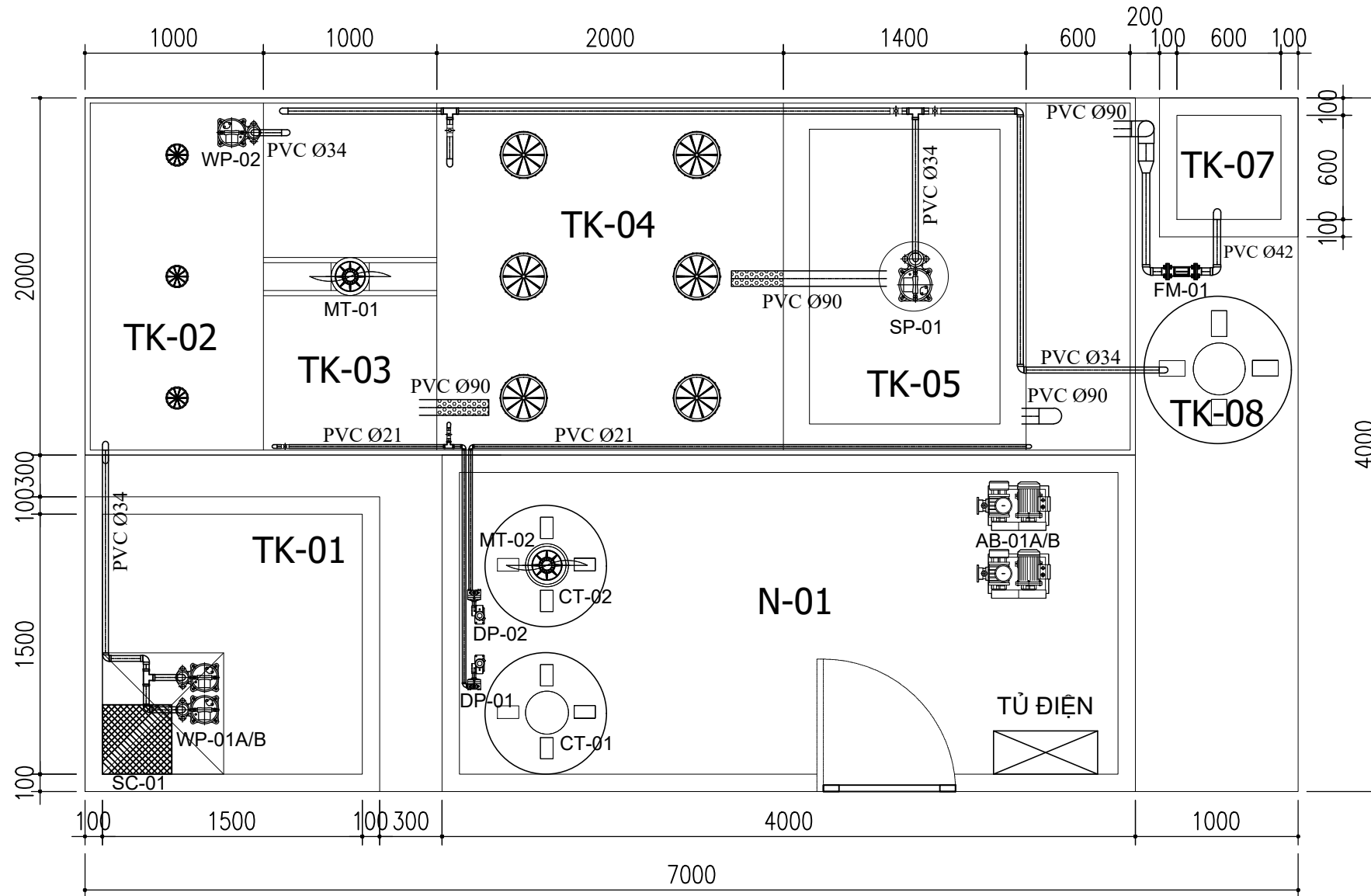
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Năm hoàn thành: 2024

Tỷ lệ: 1/100

Số bản vẽ: 04/09

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG, CÔNG SUẤT 5 M3/NGÀY



KÍ HIỆU	HẠNG MỤC	KÍ HIỆU	THIẾT BỊ
TK-01	BỂ THU GOM	SC-01	GIỎ TÁCH RÁC
TK-02	BỂ ĐIỀU HÒA	WP-01A/B	BƠM BỂ THU GOM
TK-03	BỂ THIẾU KHÍ ANOXIC	WP-02	BƠM BỂ ĐIỀU HÒA
TK-04	BỂ HIẾU KHÍ AEROTANK	MT-01	MOTOR KHUẤY BỂ ANOXIC
TK-05	BỂ LẮNG SINH HỌC	AB-01A/B	MÁY THỔI KHÍ
TK-06	BỂ KHỬ TRÙNG	SP-01	BƠM Bùn BỂ LẮNG
TK-07	BỂ ĐỔI CHỨNG	CT-01	BỒN MEN VI SINH
TK-08	BỂ CHỨA BÙN	CT-02	BỒN HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG
N-01	NHÀ ĐIỀU HÀNH	DP-01/02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
		MT-02	MOTOR KHUẤY BỒN HÓA CHẤT
		FM-01	ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

Ghi chú:

Chủ đầu tư:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI DRAGON

Địa chỉ: Thôn Phú Hưng, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn,
tỉnh Bình Định

Giám đốc:

Dự án:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG CƠ KHÍ
ĐAN NHỰA GIẢ MÂY, MÁY NỆM
MOUSSE

Công trình:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TẬP TRUNG

Địa điểm xây dựng:

LÔ C4, CỤM CÔNG NGHIỆP RÂY ỚNG THƠ, XÃ
TÂY AN HUYỆN TÂY SON, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Tên bản vẽ:

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG
CÔNG NGHỆ

Năm hoàn thành:

2024

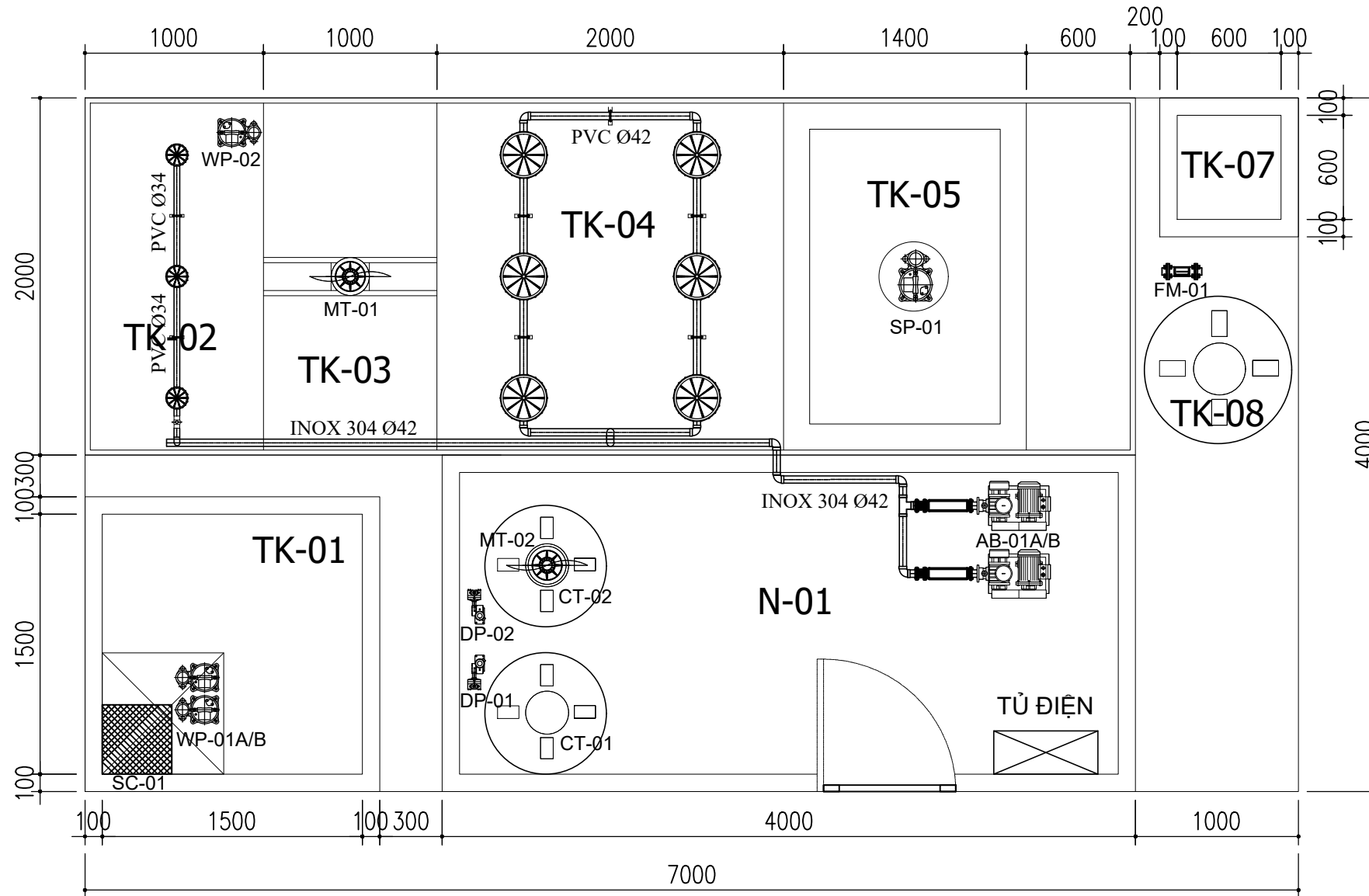
Tỷ lệ:

1/100

Số bản vẽ:

05/09

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG, CÔNG SUẤT 5 M3/NGÀY



KÍ HIỆU	HẠNG MỤC	KÍ HIỆU	THIẾT BỊ
TK-01	BỂ THU GOM	SC-01	GIỎ TÁCH RÁC
TK-02	BỂ ĐIỀU HÒA	WP-01A/B	BƠM BỂ THU GOM
TK-03	BỂ THIẾU KHÍ ANOXIC	WP-02	BƠM BỂ ĐIỀU HÒA
TK-04	BỂ HIẾU KHÍ AEROTANK	MT-01	MOTOR KHUẤY BỂ ANOXIC
TK-05	BỂ LẮNG SINH HỌC	AB-01A/B	MÁY THỔI KHÍ
TK-06	BỂ KHỬ TRÙNG	SP-01	BƠM Bùn BỂ LẮNG
TK-07	BỂ ĐỔI CHỨNG	CT-01	BỒN MEN VI SINH
TK-08	BỂ CHỨA BÙN	CT-02	BỒN HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG
N-01	NHÀ ĐIỀU HÀNH	DP-01/02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
		MT-02	MOTOR KHUẤY BỒN HÓA CHẤT
		FM-01	ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

Ghi chú:

Chủ đầu tư:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI DRAGON

Địa chỉ: Thôn Phú Hưng, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn,
tỉnh Bình Định

Giám đốc:

Dự án:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG CƠ KHÍ
ĐAN NHỰA GIẢ MÂY, MÁY NỆM
MOUSSE

Công trình:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TẬP TRUNG

Địa điểm xây dựng:

LÔ C4, CỤM CÔNG NGHIỆP RÂY ỚNG THƠ, XÃ
TÂY AN HUYỆN TÂY SON, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Tên bản vẽ:

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG
PHÂN PHỐI KHÍ

Năm hoàn thành:

2024

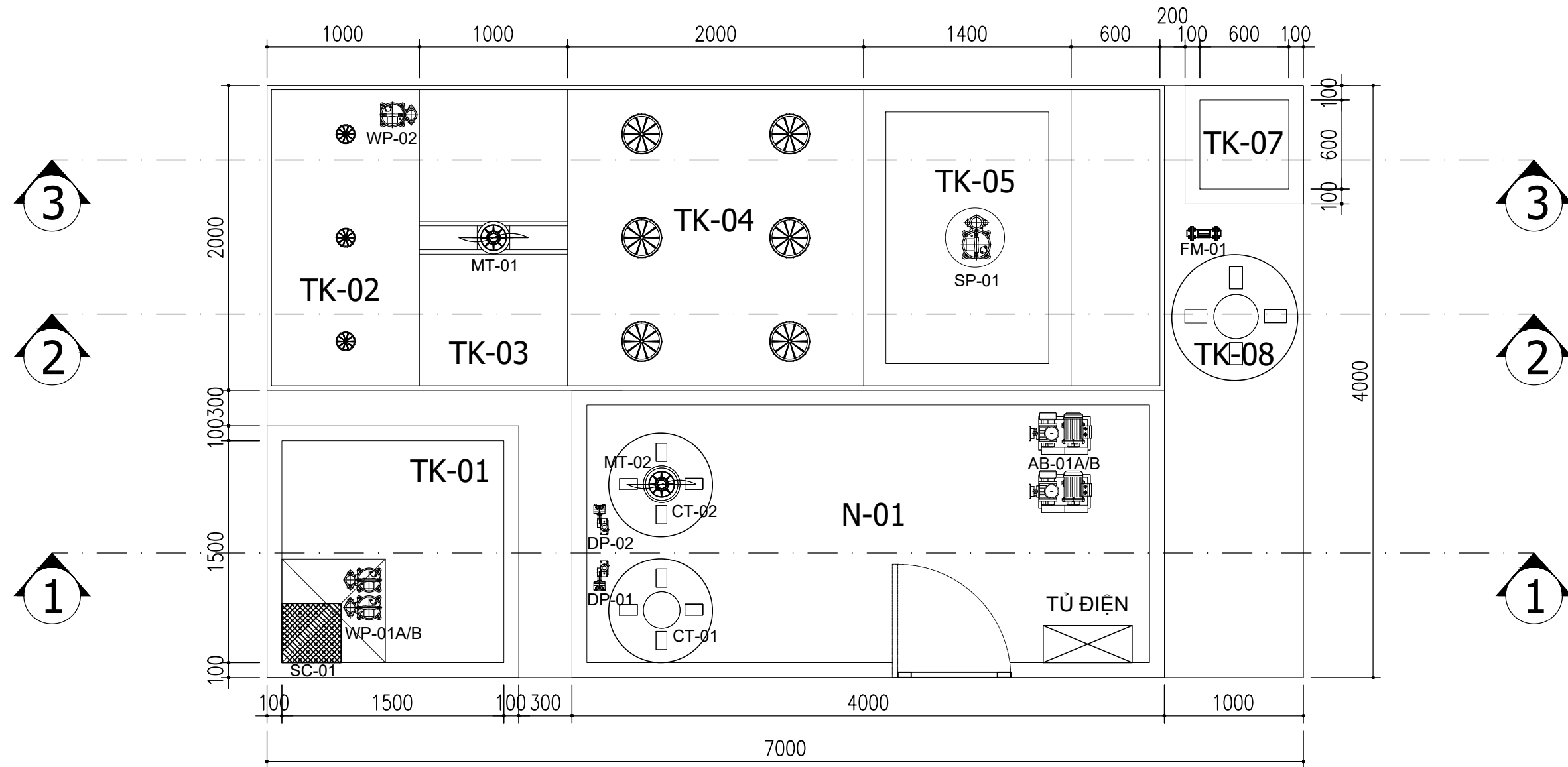
Tỷ lệ:

1/100

Số bản vẽ:

06/09

MẶT BẰNG BỐ TRÍ MẶT CẮT CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG, CÔNG SUẤT 5 M3/NGÀY



Ghi chú:

Chủ đầu tư:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DRAGON

Địa chỉ: Thôn Phú Hưng, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

Giám đốc:

Dự án:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG CƠ KHÍ ĐẠN NHỰA GIẢ MÂY, MÂY NỆM MOUSSE

Công trình:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

Địa điểm xây dựng:

LÔ C4, CỤM CÔNG NGHIỆP RÂY ÔNG THƠ, XÃ TÂY AN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

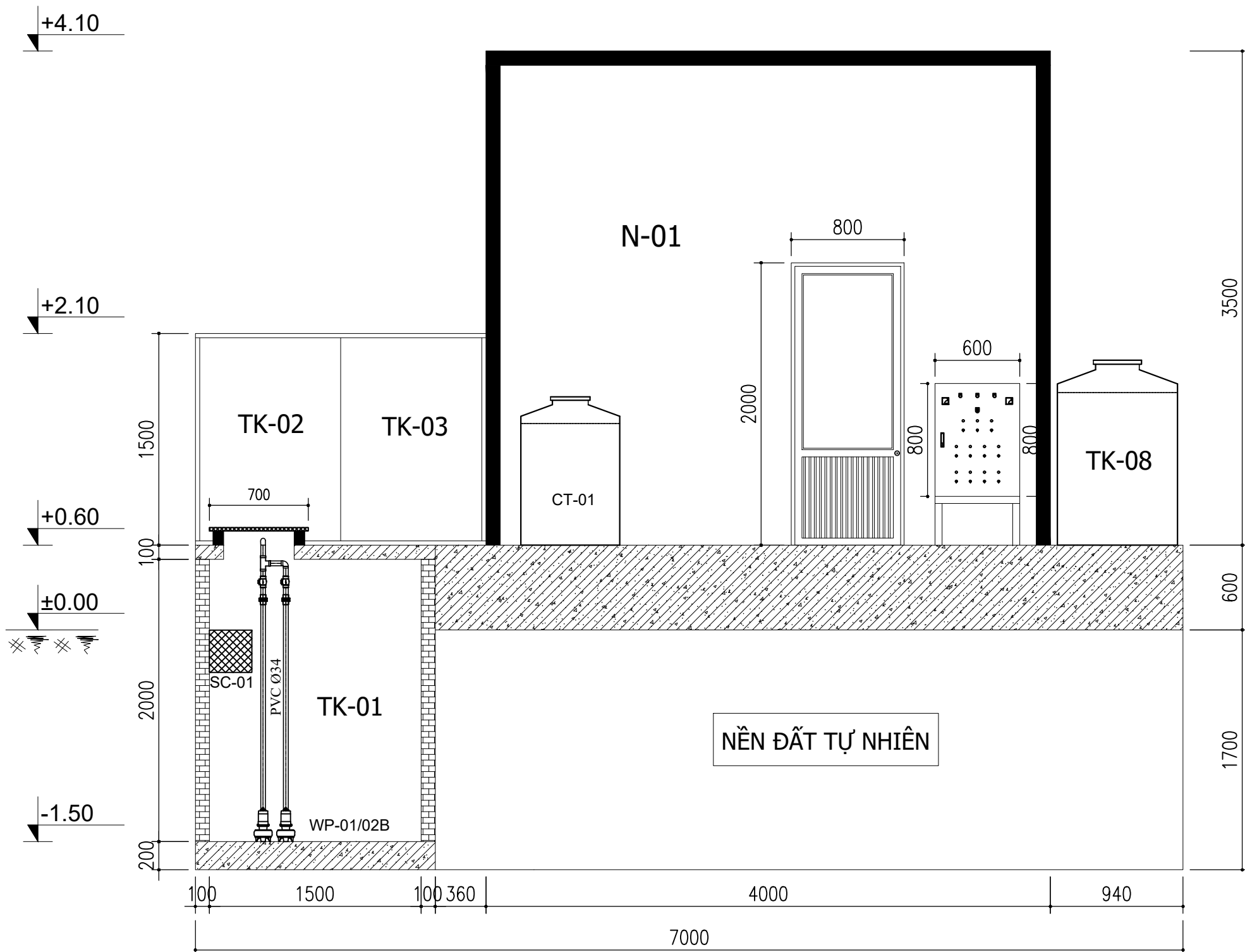
Tên bản vẽ:

MẶT BẰNG BỐ TRÍ MẶT CẮT CÔNG NGHỆ

Năm hoàn thành: 2024

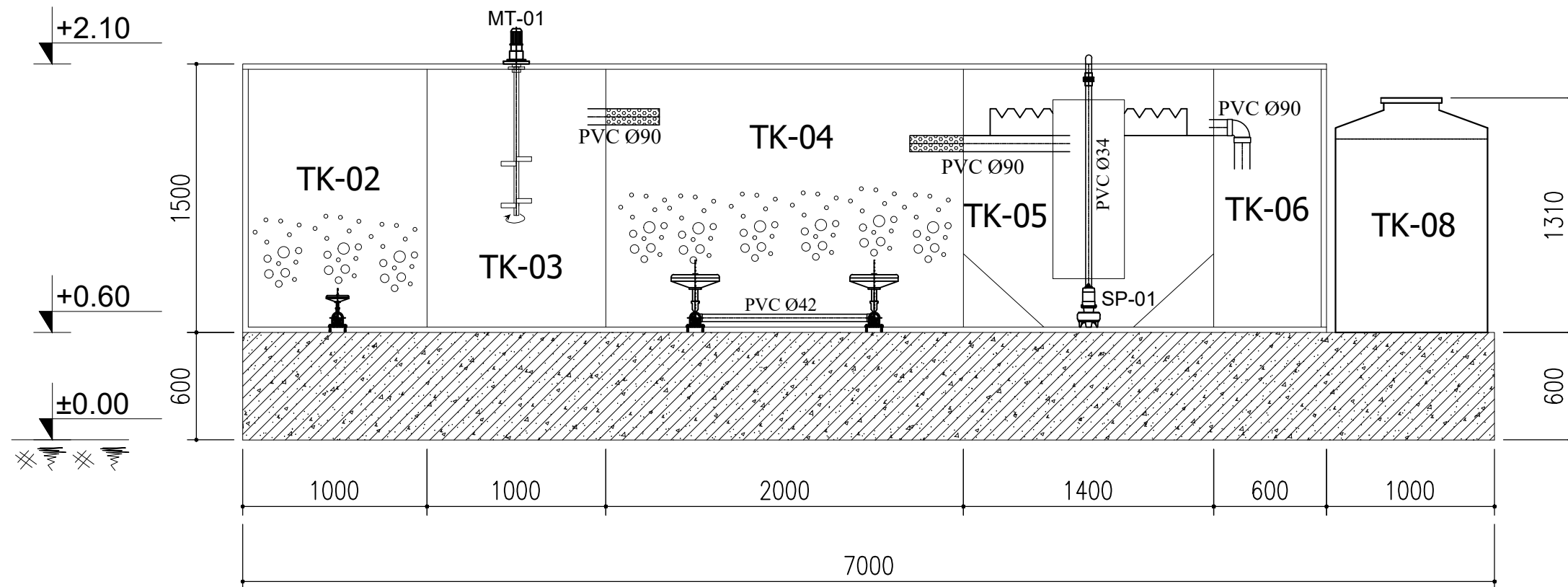
Tỷ lệ: 1/100

Số bản vẽ: 07/09

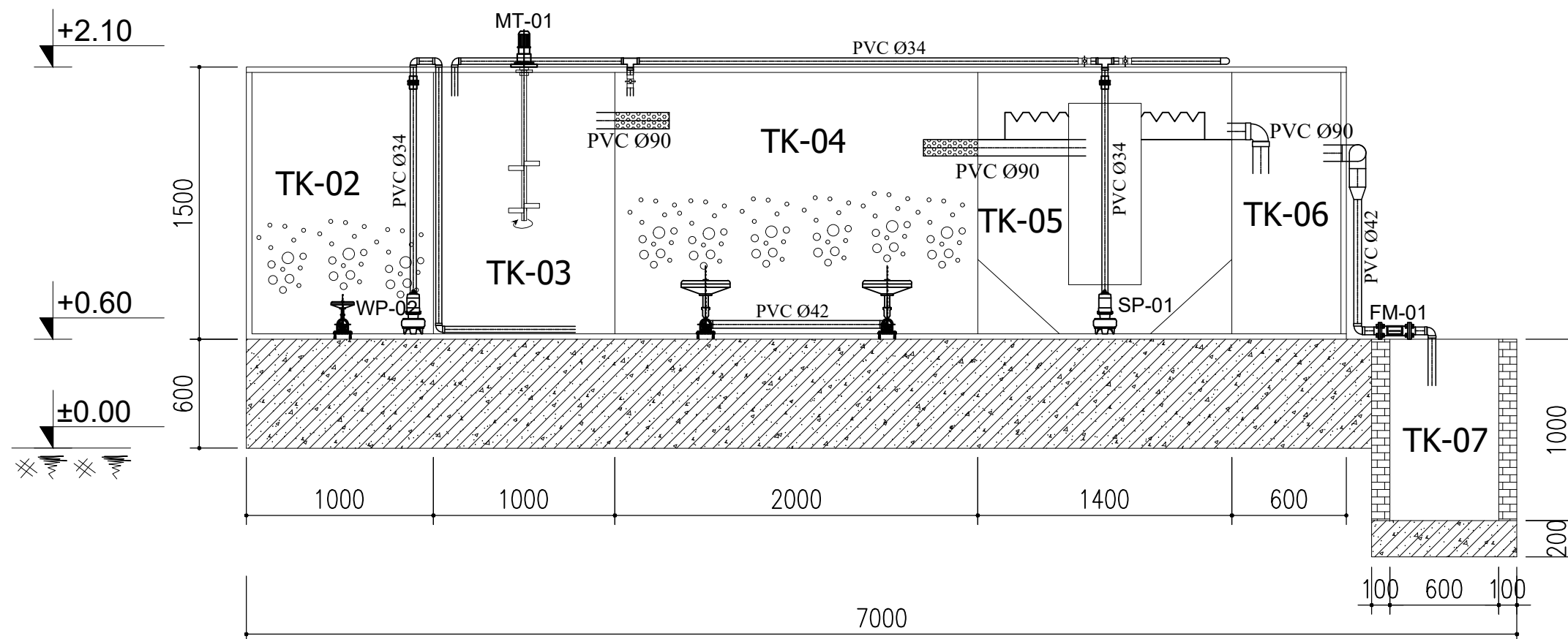


MẶT CẮT 1 - 1

Ghi chú:	
Chủ đầu tư:	
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DRAGON	
Địa chỉ: Thôn Phú Hưng, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	
Giám đốc:	
Dự án:	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG CƠ KHÍ ĐẠN NHỰA GIẢ MÂY, MÁY NỆM MOUSSE	
Công trình:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG	
Địa điểm xây dựng:	
LÔ C4, CỤM CÔNG NGHIỆP RÂY ỚNG THƠ, XÃ TÂY AN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH	
Tên bản vẽ:	
MẶT CẮT CÔNG NGHỆ MẶT CẮT 1 - 1	
Năm hoàn thành:	2024
Tỷ lệ:	1/100
Số bản vẽ:	08/09



MẶT CẮT 2 - 2



MẶT CẮT 3 - 3

Ghi chú:

Chủ đầu tư:

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI DRAGON**

Địa chỉ: Thôn Phú Hưng, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn,
tỉnh Bình Định

Giám đốc:

Dự án:

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG CƠ KHÍ
ĐAN NHỰA GIẢ MÂY, MÁY NỆM
MOUSSE**

Công trình:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TẬP TRUNG**

Địa điểm xây dựng:

LÔ C4, CỤM CÔNG NGHIỆP RÂY ỚNG THƠ, XÃ
TÂY AN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Tên bản vẽ:

**MẶT CẮT CÔNG NGHỆ
MẶT CẮT 2 - 2, 3 - 3**

Năm hoàn thành: 2024

Tỷ lệ: 1/100

Số bản vẽ: 09/09